

KẾT QUẢ VÒNG 1 KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2016 VÀO CỤC THUẾ TP. HỒ CHÍ MINH

(Kèm theo Thông báo số 3108 /TB-HĐTD ngày 05/9/2017 của Chủ tịch HĐTD công chức Tổng cục Thuế năm 2016)

| STT                                  | Họ                 | Tên | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                                             | Cơ sở đào tạo                           | Chuyên ngành đào tạo               | Đối tượng ưu tiên  | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|--------------------------------------|--------------------|-----|----------------------|-------|------|------|-------|------|----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------|--------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|                                      |                    |     | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                                                      |                                         |                                    |                    |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|                                      |                    |     | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                                                      |                                         |                                    |                    |             |              |           |           |         |         |          |
| 1                                    | 2                  | 3   | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                                                   | 11                                      | 12                                 | 13                 | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| I. Chuyên viên và Kiểm tra viên thuế |                    |     |                      |       |      |      |       |      |                                                                      |                                         |                                    |                    |             |              |           |           |         |         |          |
| 1                                    | ĐÀO VŨ VÂN         | Ái  |                      |       |      | 19   | 8     | 1993 | Thôn Phước Lộc 2, xã Hòa Thành, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên, TP.HCM | Đại học Kinh tế TPHCM                   | Kế toán doanh nghiệp               |                    | HCM00001    |              | 65.00     | 66.25     | 75.00   |         | HCM00001 |
| 2                                    | LÊ NGUYỄN THỊ THÚY | Ái  |                      |       |      | 28   | 6     | 1990 | TÂN KHÁNH TRUNG, LẤP VỎ, ĐỒNG THÁP                                   | Đại học KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH         | Ngân hàng                          |                    | HCM00004    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00002 |
| 3                                    | NGUYỄN THỊ THANH   | Ái  |                      |       |      | 18   | 9     | 1989 | Khánh Hải - Yên Khánh -Ninh Bình                                     | Đại học Kinh Tế TP.HCM                  | Kế toán tài chính                  |                    | HCM00005    |              | 47.50     | 42.50     | 47.50   |         | HCM00003 |
| 4                                    | TRẦN NGỌC          | Ái  |                      |       |      | 29   | 9     | 1984 | Long An                                                              | Đại học Kinh Tế TP.HCM                  | Kế toán                            |                    | HCM00009    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00004 |
| 5                                    | DƯƠNG THỊ          | AN  |                      |       |      | 16   | 10    | 1989 | Đức Long, Đức Thọ, Hà Tĩnh                                           | Đại học Kinh tế - Luật TP. HCM          | Tài chính ngân hàng                |                    | HCM00012    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00005 |
| 6                                    | HUỲNH NGỌC THIÊN   | AN  |                      |       |      | 21   | 10    | 1994 | Thanh pho Ho Chi Minh                                                | Đại học Tai chinh Marketing             | Tài chính doanh nghiệp             |                    | HCM00013    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00006 |
| 7                                    | HUỲNH THỊ TRÚC     | AN  |                      |       |      | 17   | 10    | 1993 | Đồng Nai                                                             | Đại học Kinh Tế Luật                    | Luật Kinh doanh                    |                    | HCM00014    |              | 52.50     | 73.75     | 62.50   |         | HCM00007 |
| 8                                    | LÊ THỊ THẢO        | AN  |                      |       |      | 14   | 4     | 1992 | Quảng Trị                                                            | Đại học Kinh tế -Luật                   | Luật Kinh doanh                    |                    | HCM00017    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00008 |
| 9                                    | NGHIÊM THÚY        | AN  |                      |       |      | 12   | 1     | 1994 | Thành phố Hồ Chí Minh                                                | Đại học Tài Chính - Marketing           | Tài chính công                     |                    | HCM00019    |              | 52.50     | 66.25     | 80.00   |         | HCM00009 |
| 10                                   | NGUYỄN THỊ TƯỜNG   | AN  |                      |       |      | 29   | 4     | 1990 | Hải Dương                                                            | Đại học Kinh Tế Tp.Hcm                  | Ngân hàng                          |                    | HCM00027    |              | 47.50     | 56.25     | 65.00   |         | HCM00010 |
| 11                                   | NGUYỄN THÚY        | AN  |                      |       |      | 16   | 9     | 1990 | Nghệ An                                                              | Đại học Vinh                            | Kế toán                            |                    | HCM00030    |              | 85.00     | 50.00     | 72.50   |         | HCM00011 |
| 12                                   | NGUYỄN TRẦN MIÊN   | AN  |                      |       |      | 25   | 1     | 1990 | Thành Phố Hồ Chí Minh                                                | Đại học Mở Malaysia                     | Quản trị kinh doanh                |                    | HCM00031    |              | VT        | MT        | VT      |         | HCM00012 |
| 13                                   | PHẠM XUÂN          | AN  | 2                    | 6     | 1982 |      |       |      | THÁI BÌNH                                                            | Đại học Kinh tế luật TPHCM              | Luật Kinh tế                       | Con NHĐKC bị NCDHH | HCM00035    | 20           | 77.50     | 68.75     | MT      |         | HCM00013 |
| 14                                   | TRẦN HOÀNG         | AN  | 1                    | 12    | 1977 |      |       |      | Bạc Liêu                                                             | Đại học ĐH Thủy Sản                     | Kinh tế Kỹ thuật                   |                    | HCM00036    |              | 25.00     | 28.75     | 30.00   |         | HCM00014 |
| 15                                   | TRẦN THỊ           | AN  |                      |       |      | 25   | 5     | 1993 | Nghệ An                                                              | Học viện Tài chính                      | Thuế                               |                    | HCM00037    |              | 72.50     | 56.25     | 65.00   |         | HCM00015 |
| 16                                   | TRẦN THỊ THÚY      | AN  |                      |       |      | 6    | 10    | 1990 | Thái Bình                                                            | Đại học Hùng Vương TPHCM                | Tài chính ngân hàng                |                    | HCM00038    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00016 |
| 17                                   | TRẦN THÚY          | AN  |                      |       |      | 23   | 3     | 1989 | Thành phố Hồ Chí Minh                                                | Đại học Kinh Tế Tp.HCM                  | Tài chính ngân hàng                |                    | HCM00040    |              | 57.50     | 57.50     | 60.00   |         | HCM00017 |
| 18                                   | PHẠM VĂN           | ÁN  | 12                   | 9     | 1975 |      |       |      | Long An                                                              | Đại học Kinh Tế TP HCM                  | Quản trị kinh doanh (Ngoại thương) |                    | HCM00042    |              | VT        | VT        | MT      |         | HCM00018 |
| 19                                   | ĐẶNG NGUYỄN BẢO    | ÁN  | 4                    | 12    | 1988 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                                                | Đại học Đại học Tôn Đức Thắng           | Quản trị kinh doanh                |                    | HCM00044    |              | 90.00     | 65.00     | 60.00   |         | HCM00019 |
| 20                                   | TRẦN VĂN           | ÁN  | 14                   | 7     | 1990 |      |       |      | Long Hựu Đông, Cần Đước, Long An                                     | Đại học Hoa Sen                         | Kế toán                            |                    | HCM00047    |              | 72.50     | 70.00     | 62.50   |         | HCM00020 |
| 21                                   | ĐÀM NGUYỄN TÚ      | ANH |                      |       |      | 3    | 11    | 1992 | Tp.Quảng Ngãi                                                        | Đại học MỞ TP.HCM                       | Tài chính ngân hàng                |                    | HCM00051    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM01546 |
| 22                                   | ĐÀM THỊ LAN        | ANH |                      |       |      | 1    | 1     | 1994 | Nam Định                                                             | Học viện Tài Chính                      | Tài chính ngân hàng                |                    | HCM00052    |              | 85.00     | 63.75     | 80.00   |         | HCM00021 |
| 23                                   | ĐẶNG MAI THỤC      | ANH |                      |       |      | 11   | 11    | 1988 | Thành phố Hồ Chí Minh                                                | Đại học Kinh Tế TP.Hồ Chí Minh          | Kế toán                            |                    | HCM00054    |              | 55.00     | 81.25     | 65.00   |         | HCM00022 |
| 24                                   | ĐOÀN THỊ TUYẾT     | ANH |                      |       |      | 2    | 8     | 1984 | Long An                                                              | Đại học kinh tế Tp.HCM                  | Kế toán                            |                    | HCM00061    |              | 50.00     | MT        | 65.00   |         | HCM00023 |
| 25                                   | DƯƠNG THỊ VÂN      | ANH |                      |       |      | 12   | 3     | 1992 | Tây Ninh                                                             | Đại học Công Nghệ Thành phố Hồ Chí Minh | Kế toán - Kiểm toán                |                    | HCM00062    |              | 47.50     | 42.50     | 57.50   |         | HCM00024 |
| 26                                   | HÀ NGỌC TRÂM       | ANH |                      |       |      | 24   | 8     | 1991 | thành phố Hồ Chí Minh                                                | Đại học Hùng Vương                      | Quản trị kinh doanh                |                    | HCM00063    |              | 62.50     | 58.75     | 77.50   |         | HCM00025 |
| 27                                   | HOÀNG VÂN          | ANH |                      |       |      | 13   | 7     | 1991 | Thanh pho HCM                                                        | Đại học RMIT                            | Kế toán                            |                    | HCM00066    |              | VT        | MT        | VT      |         | HCM00026 |
| 28                                   | HUỲNH THẾ          | ANH | 24                   | 10    | 1984 |      |       |      | Tân Phú - Châu Thành - Bến Tre                                       | Đại học Kinh Tế TP.HCM                  | Tài chính nhà nước                 | HTNVQS             | HCM00067    | 10           | 87.50     | 56.25     | 85.00   |         | HCM00027 |



| STT | Họ               | Tên | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                             | Cơ sở đào tạo                         | Chuyên ngành đào tạo             | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|------------------|-----|----------------------|-------|------|------|-------|------|--------------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|     |                  |     | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                      |                                       |                                  |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |                  |     | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                      |                                       |                                  |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1   | 2                | 3   | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                   | 11                                    | 12                               | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 29  | LÊ HẢI VÂN       | ANH |                      |       |      | 21   | 9     | 1991 | Tây Ninh                             | Đại học Ngoại Ngữ-Tin Học Tp.HCM      | Quản trị kinh doanh quốc tế      | Con TB            | HCM00070    | 20           | 65.00     | 57.50     | 62.50   |         | HCM00028 |
| 30  | LÊ THỊ THÙY      | ANH |                      |       |      | 1    | 1     | 1987 | THỪA THIÊN HUẾ                       | Đại học TÔN ĐỨC THẮNG                 | Quản trị kinh doanh              |                   | HCM00075    |              | 42.50     | 42.50     | VT      |         | HCM00029 |
| 31  | LÊ TUẤN          | ANH | 12                   | 11    | 1993 |      |       |      | Duy Tiên, Hà Nam                     | Đại học Kinh Tế Tp.HCM                | Kế toán - Kiểm toán              |                   | HCM00079    |              | 85.00     | 47.50     | 82.50   |         | HCM00031 |
| 32  | LÊ TUẤN          | ANH | 12                   | 2     | 1993 |      |       |      | Bình Định                            | Đại học Ngân Hàng Tp.HCM              | Ngân hàng                        |                   | HCM00081    |              | 47.50     | 57.50     | 72.50   |         | HCM00030 |
| 33  | LƯƠNG THỊ NHƯ    | ANH |                      |       |      | 19   | 10    | 1987 | Huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang       | Đại học Đại Học Cần Thơ               | Tài chính ngân hàng              |                   | HCM00082    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00943 |
| 34  | NGÔ HOÀNG        | ANH |                      |       |      | 10   | 4     | 1991 | Nghệ An                              | Đại học Kinh tế Tp.HCM                | Tài chính nhà nước               |                   | HCM00085    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00032 |
| 35  | NGÔ QUANG        | ANH | 9                    | 3     | 1991 |      |       |      | Hưng Yên                             | Đại học Thăng Long                    | Tài chính ngân hàng              |                   | HCM00086    |              | 80.00     | 73.75     | 85.00   |         | HCM00033 |
| 36  | NGÔ THỊ HOÀNG    | ANH |                      |       |      | 2    | 8     | 1984 | Thành Phố Hồ Chí Minh                | Đại học Kinh Tế TP HCM                | Kế toán                          |                   | HCM00087    |              | 75.00     | 55.00     | 70.00   |         | HCM00034 |
| 37  | NGÔ THỊ HUYỀN    | ANH |                      |       |      | 9    | 12    | 1992 | Thị trấn Vũ, Thị trấn Hoà, Thanh Hoá | Đại học Công nghiệp Tp.HCM            | Tài chính ngân hàng              |                   | HCM00088    |              | 67.50     | 27.50     | 62.50   |         | HCM00035 |
| 38  | NGUYỄN ĐÀO       | ANH | 3                    | 5     | 1989 |      |       |      | Quảng Ngãi                           | Đại học ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BÀNG     | Tài chính ngân hàng              | Con TB            | HCM00091    | 20           | 65.00     | 45.00     | 60.00   |         | HCM00036 |
| 39  | NGUYỄN HOÀNG     | ANH |                      |       |      | 17   | 8     | 1989 | Thái Bình                            | Đại học Kinh tế TPHCM                 | Hệ thống thông tin quản lý       |                   | HCM00094    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00037 |
| 40  | NGUYỄN KIỀU      | ANH |                      |       |      | 30   | 6     | 1993 | Thành Phố Hồ Chí Minh                | Đại học Công Nghệ Tp.HCM              | Tài chính doanh nghiệp           |                   | HCM00097    |              | 85.00     | 53.75     | 77.50   |         | HCM00038 |
| 41  | NGUYỄN PHI       | ANH | 28                   | 9     | 1987 |      |       |      | Hương Thủy, Hương Khê, Hà Tĩnh       | Đại học Ngoại Thương Hà Nội           | Quản trị kinh doanh quốc tế      |                   | HCM00101    |              | 67.50     | MT        | 82.50   |         | HCM00039 |
| 42  | NGUYỄN QUẾ QUỲNH | ANH |                      |       |      | 17   | 11    | 1993 | Nghệ An                              | Đại học Kinh tế Quốc dân              | Kinh tế                          |                   | HCM00102    |              | 92.50     | 72.50     | 80.00   |         | HCM00040 |
| 43  | NGUYỄN THỊ       | ANH |                      |       |      | 12   | 1     | 1992 | Quảng Ngãi                           | Đại học Quy Nhơn                      | Quản trị kinh doanh              |                   | HCM00103    |              | 52.50     | 45.00     | 62.50   |         | HCM00041 |
| 44  | NGUYỄN THỊ DIỆU  | ANH |                      |       |      | 28   | 4     | 1991 | Nghệ An                              | Đại học Kinh Tế - Luật                | Hệ Thống Thông Tin Quản Lý       |                   | HCM00105    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00042 |
| 45  | NGUYỄN THỊ HOÀNG | ANH |                      |       |      | 27   | 6     | 1991 | Nghệ An                              | Đại học Sài Gòn                       | Kế toán                          | Con TB            | HCM00106    | 20           | 75.00     | 65.00     | 82.50   |         | HCM00043 |
| 46  | NGUYỄN THỊ KIM   | ANH |                      |       |      | 26   | 1     | 1994 | Thành phố Hồ Chí Minh                | Đại học Tôn Đức Thắng tp. Hồ Chí Minh | Kế toán                          |                   | HCM00108    |              | 67.50     | 70.00     | 62.50   |         | HCM00044 |
| 47  | NGUYỄN THỊ LAN   | ANH |                      |       |      | 23   | 5     | 1991 | Bắc Giang                            | Đại học Luật Hà Nội                   | Luật học                         |                   | HCM00109    |              | 87.50     | 62.50     | 72.50   |         | HCM00045 |
| 48  | NGUYỄN THỊ VÂN   | ANH |                      |       |      | 15   | 7     | 1993 | Thái Bình                            | Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh          | Luật học                         |                   | HCM00119    |              | 67.50     | 65.00     | 57.50   |         | HCM00048 |
| 49  | NGUYỄN THỊ VÂN   | ANH |                      |       |      | 26   | 2     | 1993 | Gia Lai                              | Đại học Công nghệ Tp.HCM              | Tài chính ngân hàng              |                   | HCM00118    |              | 62.50     | 40.00     | 37.50   |         | HCM00046 |
| 50  | NGUYỄN THỊ VÂN   | Anh |                      |       |      | 24   | 10    | 1982 | Hai Dương                            | Đại học Kỹ Thuật Công Nghệ TpHCM      | Kế toán                          |                   | HCM00115    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00047 |
| 51  | NGUYỄN TUẤN      | ANH | 19                   | 7     | 1984 |      |       |      | QUẢNG NAM                            | Đại học Vinh                          | Luật học                         |                   | HCM00121    |              | 60.00     | 41.25     | 47.50   |         | HCM00049 |
| 52  | NGUYỄN VĂN       | ANH |                      |       |      | 24   | 4     | 1994 | Hà Nội                               | Đại học Thương Mại                    | Quản trị doanh nghiệp thương mại |                   | HCM00123    |              | 62.50     | 56.25     | 62.50   |         | HCM02117 |
| 53  | NGUYỄN VĂN QUỲNH | ANH |                      |       |      | 10   | 11    | 1990 | Nam Định                             | Đại học Đại học Hoa Sen               | Tài chính ngân hàng              |                   | HCM00124    |              | 90.00     | 76.25     | 85.00   |         | HCM00050 |
| 54  | PHẠM CẨM         | ANH |                      |       |      | 2    | 11    | 1994 | Thái Bình                            | Học viện Tài chính                    | Tài chính doanh nghiệp           |                   | HCM00125    |              | 92.50     | 78.75     | 80.00   |         | HCM00051 |
| 55  | PHẠM NGUYỄN LAN  | ANH |                      |       |      | 20   | 1     | 1993 | Đồng Nai                             | Đại học Sài Gòn                       | Quản trị kinh doanh              |                   | HCM00126    |              | 82.50     | 65.00     | 75.00   |         | HCM00052 |
| 56  | PHẠM THỊ KIM     | ANH |                      |       |      | 5    | 6     | 1988 | Quảng Nam                            | Đại học Kinh Tế Đà Nẵng               | Quản trị kinh doanh thương mại   |                   | HCM00128    |              | 40.00     | 40.00     | 65.00   |         | HCM00053 |
| 57  | THẦN NGỌC THÚY   | ANH |                      |       |      | 20   | 3     | 1990 | Thành Phố Hồ Chí Minh                | Đại học Ngân Hàng                     | Tài chính ngân hàng              |                   | HCM00131    |              | 37.50     | 40.00     | 42.50   |         | HCM00054 |
| 58  | TRẦN ĐÌNH TRÂM   | ANH |                      |       |      | 7    | 8     | 1993 | Tỉnh Quảng Nam                       | Đại học Duy Tân                       | Tài chính ngân hàng              |                   | HCM00132    |              | 60.00     | 46.25     | 65.00   |         | HCM00055 |
| 59  | TRẦN THỊ QUỲNH   | ANH |                      |       |      | 11   | 5     | 1986 | Đà Nẵng                              | Đại học Kinh tế TP HCM                | Tài chính nhà nước               |                   | HCM00140    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00056 |



| STT | Họ                 | Tên  | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                                  | Cơ sở đào tạo                                 | Chuyên ngành đào tạo         | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ . |
|-----|--------------------|------|----------------------|-------|------|------|-------|------|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|------------|
|     |                    |      | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                                           |                                               |                              |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |            |
|     |                    |      | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                                           |                                               |                              |                   |             |              |           |           |         |         |            |
| 1   | 2                  | 3    | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                                        | 11                                            | 12                           | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20         |
| 60  | TRẦN THUY ĐỒNG     | ANH  |                      |       |      | 7    | 10    | 1992 | Lâm Đồng                                                  | Đại học Tài chính - Marketing                 | Tài chính doanh nghiệp       |                   | HCM00143    |              | 75.00     | 71.25     | 80.00   |         | HCM00057   |
| 61  | TRẦN TUẤN          | ANH  | 17                   | 10    | 1984 |      |       |      | RACH GIÁ - KIẾN GIANG                                     | Đại học KINH TẾ TP.HCM                        | Kế toán - Kiểm toán          |                   | HCM00144    |              | 52.50     | 40.00     | 62.50   |         | HCM00058   |
| 62  | TRẦN VĂN           | ANH  |                      |       |      | 22   | 11    | 1988 | Tây ninh                                                  | Đại học Kinh tế Tphcm                         | Tài chính doanh nghiệp       |                   | HCM00145    |              | 72.50     | 58.75     | 67.50   |         | HCM00059   |
| 63  | TRƯƠNG THỊ VÂN     | ANH  |                      |       |      | 6    | 11    | 1991 | thôn Quảng Giang, xã Đại Hợp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương | Đại học Kinh tế quốc dân                      | Ngân hàng                    |                   | HCM00148    |              | 75.00     | 66.25     | 60.00   |         | HCM00060   |
| 64  | TRƯƠNG VĂN         | ANH  | 18                   | 10    | 1986 |      |       |      | Thái Bình                                                 | Đại học Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh     | Kế toán                      |                   | HCM00150    |              | 80.00     | 43.75     | 75.00   |         | HCM00061   |
| 65  | VÕ QUỲNH           | ANH  |                      |       |      | 26   | 8     | 1991 | Quảng Ngãi                                                | Đại học Kinh tế TP HCM                        | Kế toán                      |                   | HCM00151    |              | 75.00     | 66.25     | 80.00   |         | HCM00062   |
| 66  | VÕ THỊ HỒNG        | ANH  |                      |       |      | 4    | 3     | 1993 | An Giang                                                  | Đại học Mở TP HCM                             | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM00152    |              | 72.50     | 67.50     | 72.50   |         | HCM00063   |
| 67  | VŨ ĐỨC             | ANH  | 15                   | 7     | 1991 |      |       |      | Xã Xuân Lai, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh                | Đại học Công nghiệp Thực Phẩm Tp. Hồ Chí Minh | Kế toán                      |                   | HCM00155    |              | 75.00     | 53.75     | 70.00   |         | HCM00064   |
| 68  | VŨ THỊ MAI         | ANH  |                      |       |      | 4    | 7     | 1989 | Nam Định                                                  | Học viện Ngân Hàng                            | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM00157    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00065   |
| 69  | ĐÀM NGUYỄN NGUYỆT  | ÁNH  |                      |       |      | 25   | 3     | 1987 | quảng Ngãi                                                | Đại học mở thành phố hồ chí minh              | Kế toán tài chính ngân hàng  |                   | HCM00159    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00066   |
| 70  | ĐÀNG THỊ NGUYỆT    | ÁNH  |                      |       |      | 14   | 2     | 1978 | TP Hải Phòng                                              | Đại học Ngoại Thương TpHCM                    | Kinh tế đối ngoại            |                   | HCM00160    |              | 57.50     | 73.75     | 75.00   |         | HCM00067   |
| 71  | ĐINH THỊ NGỌC      | ÁNH  |                      |       |      | 20   | 12    | 1993 | Quảng Ngãi                                                | Đại học Kinh Tế Tp.HCM                        | Tài chính                    |                   | HCM00161    |              | 70.00     | 87.50     | 82.50   |         | HCM00068   |
| 72  | NGUYỄN ĐÀNG NGUYỆT | ÁNH  |                      |       |      | 11   | 8     | 1988 | Thành phố Hồ Chí Minh                                     | Đại học Kinh tế Tp.HCM                        | Tài chính nhà nước           |                   | HCM00163    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00069   |
| 73  | NGUYỄN DUY         | ÁNH  | 12                   | 4     | 1993 |      |       |      | NHƯ' HÒA - KIM SƠN - NINH BÌNH                            | Đại học KINH TẾ TPHCM                         | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM00164    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00070   |
| 74  | ĐÀM XUÂN           | BÁCH | 7                    | 3     | 1989 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                                     | Đại học Mở Tp.HCM                             | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM00168    |              | 75.00     | 53.75     | 75.00   |         | HCM00071   |
| 75  | NGUYỄN VĂN NGUYỄN  | BÁCH | 7                    | 5     | 1995 |      |       |      | Quảng Nam                                                 | Đại học Ngân hàng                             | Quản trị kinh doanh tổng hợp |                   | HCM00170    |              | 65.00     | 77.50     | 77.50   |         | HCM02118   |
| 76  | TRẦN THỊ           | BAN  |                      |       |      | 1    | 1     | 1993 | Tỉnh Quảng Trị                                            | Đại học Đại Học Công Nghiệp TP.HCM            | Kế toán - Kiểm toán          | Con TB            | HCM00172    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | HCM00072   |
| 77  | PHẠM THỊ           | BÀO  |                      |       |      | 23   | 3     | 1985 | Ấp 22 xã Phong Thạnh A huyện Giá Rai tỉnh Bạc Liêu        | Đại học MỞ TPHCM                              | Kế toán                      |                   | HCM00176    |              | 62.50     | 30.00     | 57.50   |         | HCM00073   |
| 78  | HỒ QUỐC            | BẢO  | 27                   | 12    | 1983 |      |       |      | Quảng Ngãi                                                | Đại học Kinh Tế TPHCM                         | Ngân hàng                    |                   | HCM00178    |              | 62.50     | 43.75     | 60.00   |         | HCM00074   |
| 79  | TRẦN GIA           | BẢO  | 21                   | 6     | 1993 |      |       |      | Bình Thuận                                                | Trường ĐH Tài chính - Marketing               | Thuế                         |                   | HCM00184    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM02101   |
| 80  | TRẦN VŨ            | BẢO  | 8                    | 3     | 1984 |      |       |      | Cần Thơ                                                   | Đại học Tôn Đức Thắng                         | Tài chính tín dụng           |                   | HCM00185    |              | 62.50     | 40.00     | 72.50   |         | HCM00075   |
| 81  | LÊ HỒNG            | BÍCH |                      |       |      | 10   | 4     | 1991 | Quảng Ngãi                                                | Đại học Ngân Hàng TP.HCM                      | Kế toán                      |                   | HCM00196    |              | 85.00     | 76.25     | 70.00   |         | HCM00076   |
| 82  | NGUYỄN NGỌC        | BÍCH |                      |       |      | 22   | 11    | 1990 | Thành phố Hồ Chí Minh                                     | Đại học Ngân Hàng TP.HCM                      | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM00199    |              | 87.50     | 81.25     | 82.50   |         | HCM00077   |
| 83  | NGUYỄN THỊ         | BÍCH |                      |       |      | 1    | 1     | 1986 | Bình Định                                                 | Đại học Lạc Hồng                              | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM00200    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00078   |
| 84  | NGUYỄN THỊ NGỌC    | BÍCH |                      |       |      | 25   | 1     | 1993 | Hồ Chí Minh                                               | Đại học Công Nghệ TP.Hồ Chí Minh              | Kế toán - Kiểm toán          |                   | HCM00203    |              | 45.00     | 41.25     | 52.50   |         | HCM00887   |
| 85  | NGUYỄN THỊ NGỌC    | BÍCH |                      |       |      | 30   | 11    | 1989 | Thành phố Hồ Chí Minh                                     | Đại học Công Nghệ Sài Gòn                     | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM00202    |              | 77.50     | 61.25     | 80.00   |         | HCM00079   |
| 86  | PHẠM THỊ NGỌC      | BÍCH |                      |       |      | 4    | 12    | 1989 | Thủy Nguyên - Hải Phòng                                   | Đại học Kinh tế quốc dân                      | Kinh tế                      |                   | HCM00204    |              | 87.50     | 56.25     | 65.00   |         | HCM00080   |
| 87  | NGUYỄN TẤN         | BIỂN | 16                   | 3     | 1990 |      |       |      | Hương Sơn Hà Tĩnh                                         | Đại học Điện Lực                              | Kế toán                      | Con TB            | HCM00211    | 20           | 15.00     | 36.25     | 55.00   |         | HCM00081   |
| 88  | PHẠM HỮU           | BIỂN | 14                   | 12    | 1990 |      |       |      | Thành Phố Hồ Chí Minh                                     | Đại học Sài Gòn                               | Kế toán                      |                   | HCM00213    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00082   |
| 89  | TRẦN XUÂN          | BIỂN | 5                    | 3     | 1994 |      |       |      | Bà Rịa - Vũng Tàu                                         | Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh               | Tài chính công               |                   | HCM00214    |              | 87.50     | 80.00     | 75.00   |         | HCM00083   |
| 90  | NGUYỄN ĐÌNH        | BÌNH | 12                   | 12    | 1985 |      |       |      | Quảng Ngãi                                                | Đại học Sài Gòn                               | Kế toán                      |                   | HCM00215    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00084   |
| 91  | LÊ THANH           | BÌNH | 8                    | 2     | 1992 |      |       |      | An Giang                                                  | Đại học Công nghệ TP Hồ Chí Minh              | Kế toán                      |                   | HCM00220    |              | 52.50     | 40.00     | 62.50   |         | HCM00085   |
| 92  | NGUYỄN NHO         | BÌNH | 19                   | 11    | 1994 |      |       |      | Nghệ An                                                   | Đại học Lao Động Xã Hội CS II                 | Kế toán                      |                   | HCM00224    |              | 47.50     | 47.50     | 40.00   |         | HCM00086   |



| STT | Họ                    | Tên   | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                           | Cơ sở đào tạo                                       | Chuyên ngành đào tạo         | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|-----------------------|-------|----------------------|-------|------|------|-------|------|------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|     |                       |       | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                    |                                                     |                              |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |                       |       | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                    |                                                     |                              |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1   | 2                     | 3     | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                 | 11                                                  | 12                           | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 93  | NGUYỄN QUỐC BÌNH      | BÌNH  | 1                    | 7     | 1974 |      |       |      | An Giang                           | Đại học Huế                                         | Luật                         |                   | HCM00225    |              | 42.50     | 43.75     | 37.50   |         | HCM00087 |
| 94  | NGUYỄN THÁI BÌNH      | BÌNH  | 8                    | 6     | 1991 |      |       |      | Hưng Yên                           | Đại học Công Nghiệp Tp.HCM                          | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM00226    |              | 67.50     | 51.25     | 62.50   |         | HCM00088 |
| 95  | NGUYỄN THANH BÌNH     | BÌNH  | 8                    | 10    | 1991 |      |       |      | Bến Tre                            | Đại học Troy University                             | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM00230    |              | 70.00     | MT        | 77.50   |         | HCM00092 |
| 96  | NGUYỄN THANH BÌNH     | BÌNH  | 25                   | 9     | 1989 |      |       |      | Thái Bình                          | Đại học Walford                                     | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM00229    |              | 72.50     | MT        | 65.00   |         | HCM00089 |
| 97  | NGUYỄN THANH BÌNH     | BÌNH  | 6                    | 3     | 1988 |      |       |      | Quảng Nam                          | Đại học Kinh Tế Tp.HCM                              | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM00228    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00090 |
| 98  | NGUYỄN THANH BÌNH     | BÌNH  | 23                   | 11    | 1985 |      |       |      | Vĩnh Long                          | Đại học Ngân Hàng Thành Phố Hồ Chí Minh             | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM00227    |              | 67.50     | 52.50     | 62.50   |         | HCM00091 |
| 99  | NGUYỄN THỊ KIM BÌNH   | BÌNH  |                      |       |      | 5    | 3     | 1990 | tỉnh Quảng Nam                     | Đại học luật thành phố Hồ Chí Minh                  | Luật học                     |                   | HCM00232    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00093 |
| 100 | NGUYỄN VŨ BÌNH        | BÌNH  | 3                    | 2     | 1991 |      |       |      | Vĩnh Phong, Vĩnh Thuận, Kiên Giang | Đại học Võ Trường Toản                              | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM00235    |              | 57.50     | 37.50     | 57.50   |         | HCM00094 |
| 101 | PHAN THANH BÌNH       | BÌNH  | 17                   | 4     | 1989 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh              | Đại học Hùng Vương TP.Hồ Chí Minh                   | Quản trị kinh doanh tổng hợp |                   | HCM00237    |              | 72.50     | 63.75     | 62.50   |         | HCM00095 |
| 102 | TRẦN VĂN BÌNH         | BÌNH  | 15                   | 7     | 1976 |      |       |      | Tiền Giang                         | Đại học Mở TPHCM                                    | Kế toán                      |                   | HCM00243    |              | 60.00     | 28.75     | 45.00   |         | HCM00096 |
| 103 | VÔ THANH BÌNH         | BÌNH  |                      |       |      | 3    | 3     | 1984 | Thành phố Hồ Chí Minh              | Đại học Lạc Hồng                                    | Kế toán                      |                   | HCM00245    |              | 50.00     | 41.25     | 45.00   |         | HCM00097 |
| 104 | VŨ THANH BÌNH         | BÌNH  |                      |       |      | 12   | 11    | 1991 | Nam Định                           | Đại học Ngân Hàng TP.HCM                            | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM00246    |              | 97.50     | 86.25     | 77.50   |         | HCM00098 |
| 105 | NGUYỄN CÔNG BŨU       | BŨU   | 22                   | 1     | 1993 |      |       |      | Gia Lai                            | Đại học Tài Chính Marketing                         | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM00248    |              | 67.50     | 76.25     | 67.50   |         | HCM00099 |
| 106 | ĐANG HỒNG CẨM         | CẨM   |                      |       |      | 7    | 11    | 1990 | Thái Bình                          | Đại học Đại học Thủy Lợi                            | Kinh tế                      |                   | HCM00252    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00100 |
| 107 | NGUYỄN THỊ HOÀNG      | CAN   |                      |       |      | 17   | 12    | 1989 | Hà Tĩnh                            | Học viện Tài chính                                  | Kinh tế tài chính ngân hàng  |                   | HCM00257    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00101 |
| 108 | ĐOÀN THỊ THU          | CHANG |                      |       |      | 8    | 10    | 1989 | Nam Định                           | Đại học Kinh Tế Quốc Dân                            | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM00263    |              | 72.50     | 40.00     | 50.00   |         | HCM00102 |
| 109 | NGUYỄN BÌNH CHÁNH     | CHÁNH | 24                   | 10    | 1984 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh              | Đại học Quốc Tế Hồng Bàng                           | Kế toán - Kiểm toán          |                   | HCM00265    |              | 55.00     | MT        | 42.50   |         | HCM00103 |
| 110 | ĐANG THANH CHÂU       | CHÂU  |                      |       |      | 24   | 2     | 1992 | Thành phố Hồ Chí Minh              | Đại học Công Nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh           | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM00268    |              | 82.50     | 67.50     | 70.00   |         | HCM00104 |
| 111 | KIỀU GIAO CHÂU        | CHÂU  |                      |       |      | 12   | 5     | 1984 | Thành phố Hồ Chí Minh              | Đại học Kinh tế TP.HCM                              | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM00271    |              | 70.00     | 85.00     | 65.00   |         | HCM00105 |
| 112 | NGUYỄN LÊ AN CHÂU     | CHÂU  |                      |       |      | 9    | 5     | 1991 | Long An                            | Đại học Kinh tế - Luật                              | Luật Dân sự                  |                   | HCM00277    |              | 37.50     | 66.25     | 70.00   |         | HCM00106 |
| 113 | ĐOÀN NGUYỄN HỒNG LINH | CHI   |                      |       |      | 22   | 11    | 1989 | Tiền Giang                         | Đại học Kinh tế TP.HCM                              | Tài chính nhà nước           |                   | HCM00294    |              | VT        | MT        | VT      |         | HCM00107 |
| 114 | DƯƠNG KHÁNH CHI       | CHI   |                      |       |      | 12   | 4     | 1990 | HÀ NAM                             | Đại học KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP                | Kế toán                      |                   | HCM00296    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00108 |
| 115 | KSOR VŨ THỊ KIM CHI   | CHI   |                      |       |      | 9    | 3     | 1991 | Hương Khê, Hà Tĩnh                 | Đại học Mở tp. Hồ Chí Minh                          | Tài chính ngân hàng          | DTTS              | HCM00298    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | HCM00109 |
| 116 | LÊ KIM CHI            | CHI   |                      |       |      | 23   | 11    | 1994 | THANH HOÁ                          | Đại học Công Nghệ TP. HCM                           | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM00300    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00110 |
| 117 | NGUYỄN HỒNG CHI       | CHI   |                      |       |      | 14   | 10    | 1993 | Gia Lâm, Hà Nội                    | Đại học Điện Lực                                    | Kế toán doanh nghiệp         |                   | HCM00305    |              | 75.00     | 58.75     | 57.50   |         | HCM00111 |
| 118 | NGUYỄN THỊ KHÁNH      | CHI   |                      |       |      | 25   | 4     | 1992 | Bắc Giang                          | Đại học Kinh tế - Luật (ĐHQG TP. HCM)               | Kinh tế & quản lý công       |                   | HCM00308    |              | 70.00     | 65.00     | 77.50   |         | HCM00112 |
| 119 | NGUYỄN THỊ KIM CHI    | CHI   |                      |       |      | 28   | 8     | 1991 | Phú yên                            | Đại học Kinh tế tp.hcm                              | Kế toán                      |                   | HCM00312    |              | 62.50     | 57.50     | 75.00   |         | HCM00114 |
| 120 | NGUYỄN THỊ KIM CHI    | CHI   |                      |       |      | 18   | 1     | 1990 | Thành phố Hồ Chí Minh              | Đại học Quốc Tế Hồng Bàng                           | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM00311    |              | 80.00     | 51.25     | 77.50   |         | HCM00113 |
| 121 | NGUYỄN THỊ MỸ CHI     | CHI   |                      |       |      | 10   | 12    | 1989 | Thành phố Hồ Chí Minh              | Đại học Luật Tp.HCM                                 | Luật học                     |                   | HCM00313    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00115 |
| 122 | NGUYỄN THỊ THANH CHI  | CHI   |                      |       |      | 18   | 3     | 1989 | Thành phố Hồ Chí Minh              | Đại học Trường Đại học Kinh tế - Luật - ĐHQG TP HCM | Kế toán - Kiểm toán          | Con BB            | HCM00314    | 20           | 72.50     | 60.00     | 47.50   |         | HCM00116 |
| 123 | TRẦN THỊ KIM CHI      | CHI   |                      |       |      | 12   | 4     | 1987 | Bình Định                          | Đại học Kinh tế TPHCM                               | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM00316    |              | 87.50     | 65.00     | 75.00   |         | HCM00117 |
| 124 | NGUYỄN VĂN CHIẾN      | CHIẾN | 13                   | 6     | 1988 |      |       |      | An Giang                           | Đại học Hồng Bàng                                   | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM00326    |              | 72.50     | 38.75     | 75.00   |         | HCM00118 |
| 125 | PHẠM THỊ MINH CHIẾN   | CHIẾN |                      |       |      | 20   | 2     | 1989 | Hà Nam                             | Đại học Tài chính - Marketing                       | Tài chính doanh nghiệp       |                   | HCM00330    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00119 |



| STT | Họ              | Tên    | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                              | Cơ sở đào tạo                                           | Chuyên ngành đào tạo        | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|-----------------|--------|----------------------|-------|------|------|-------|------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|     |                 |        | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                                       |                                                         |                             |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |                 |        | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                                       |                                                         |                             |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1   | 2               | 3      | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                                    | 11                                                      | 12                          | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 126 | LÊ THỊ          | CHÍN   |                      |       |      | 5    | 10    | 1988 | Thanh Nho, Thanh Chương, Nghệ An                      | Đại học Công Nghiệp thành phố Hồ Chí Minh               | Kế toán - Kiểm toán         |                   | HCM00333    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00120 |
| 127 | NGUYỄN THỊ NGỌC | CHÍN   |                      |       |      | 19   | 5     | 1987 | Thành phố Hồ Chí Minh                                 | Đại học Kinh tế TP.HCM                                  | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM00335    |              | 75.00     | 61.25     | 77.50   |         | HCM00121 |
| 128 | ĐẶNG THỊ NGỌC   | CHINH  |                      |       |      | 13   | 10    | 1989 | Thành phố Hồ Chí Minh                                 | Đại học Nông Lâm TP HCM                                 | Kế toán                     |                   | HCM00336    |              | 65.00     | 55.00     | 72.50   |         | HCM00122 |
| 129 | VŨ THỊ KIM      | CHUNG  |                      |       |      | 27   | 4     | 1990 | Hà Nội                                                | Đại học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh                          | Tài chính doanh nghiệp      |                   | HCM00350    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00123 |
| 130 | NGUYỄN HOÀNG    | CHƯƠNG | 19                   | 10    | 1989 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                                 | Đại học Tôn Đức Thắng                                   | Kế toán - Kiểm toán         |                   | HCM00351    |              | 65.00     | 65.00     | 72.50   |         | HCM00124 |
| 131 | NGUYỄN VĂN      | CHƯƠNG | 1                    | 9     | 1990 |      |       |      | Gia Lai                                               | Đại học Quốc Tế Hồng Bàng                               | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM00352    |              | 65.00     | 63.75     | 82.50   |         | HCM00125 |
| 132 | NGUYỄN VINH     | CHƯƠNG | 1                    | 8     | 1973 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                                 | Đại học Kinh Tế Tp. HCM                                 | Tài chính doanh nghiệp      |                   | HCM00353    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00126 |
| 133 | NGUYỄN THÀNH    | CÔNG   | 9                    | 3     | 1992 |      |       |      | tỉnh Hà Nam                                           | Đại học Đại học Nguyễn Trãi                             | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM00357    |              | 75.00     | 52.50     | 62.50   |         | HCM00128 |
| 134 | NGUYỄN THÀNH    | CÔNG   | 4                    | 1     | 1989 |      |       |      | Long An                                               | Đại học Kinh tế Công Nghiệp Long An                     | Quản trị kinh doanh         |                   | HCM00356    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00127 |
| 135 | NGUYỄN VĂN      | CƯ'    | 14                   | 3     | 1983 |      |       |      | Quảng Ngãi                                            | Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh                         | Kế toán                     | Con BB            | HCM00359    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | HCM00129 |
| 136 | LƯU THỊ THU     | CÚC    |                      |       |      | 10   | 11    | 1986 | Tỉnh An Giang                                         | Đại học Ngoại Ngữ Tin Học Thành Phố Hồ Chí Minh         | Quản trị kinh doanh quốc tế |                   | HCM00362    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00130 |
| 137 | NGUYỄN THỊ      | CÚC    |                      |       |      | 5    | 4     | 1985 | HO CHI MINH                                           | Đại học Thương Mại                                      | Kế toán                     |                   | HCM00363    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00131 |
| 138 | PHAN THỊ THU    | CÚC    |                      |       |      | 28   | 2     | 1982 | Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh                              | Đại học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh                          | Kinh tế tài chính ngân hàng |                   | HCM00367    |              | 45.00     | 45.00     | MT      |         | HCM00132 |
| 139 | VŨ THỊ KIM      | CÚC    |                      |       |      | 16   | 4     | 1990 | Tiền Giang                                            | Đại học Đại Học Dân Lập Văn Lang                        | Kế toán                     |                   | HCM00373    |              | 35.00     | 40.00     | 62.50   |         | HCM00133 |
| 140 | LÊ QUỐC         | CƯỜNG  | 24                   | 12    | 1990 |      |       |      | Hà Tĩnh                                               | Đại học Quốc tế Hồng Bàng                               | Tài chính ngân hàng         | Con TB            | HCM00377    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | HCM00134 |
| 141 | ĐINH MẠNH       | CƯỜNG  | 29                   | 9     | 1990 |      |       |      | Ninh Bình                                             | Đại học Đại học ngân hàng TP.HCM                        | Tài chính ngân hàng         | DTTS              | HCM00384    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | HCM00135 |
| 142 | HOÀNG CAO       | CƯỜNG  | 25                   | 10    | 1989 |      |       |      | Hà Nam                                                | Đại học Giao Thông Vận Tải TP.HCM                       | Kinh tế xây dựng            |                   | HCM00385    |              | 77.50     | 62.50     | 80.00   |         | HCM00136 |
| 143 | LÊ VĂN          | CƯỜNG  | 25                   | 4     | 1988 |      |       |      | Bình Nguyên - Kiến Xương - Thái Bình                  | Đại học Ngân Hàng Thành Phố Hồ Chí Minh                 | Kế toán                     |                   | HCM00390    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00137 |
| 144 | NGUYỄN NGỌC     | CƯỜNG  | 17                   | 1     | 1992 |      |       |      | Quảng Ngãi                                            | Đại học Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh           | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM00393    |              | 92.50     | 72.50     | 87.50   |         | HCM00138 |
| 145 | NGUYỄN THẾ      | CƯỜNG  | 19                   | 9     | 1988 |      |       |      | Tỉnh Thái Bình                                        | Đại học Công nghiệp TP.HCM                              | Kế toán                     |                   | HCM00394    |              | 70.00     | 43.75     | 72.50   |         | HCM00139 |
| 146 | NGUYỄN VĂN      | CƯỜNG  | 3                    | 5     | 1992 |      |       |      | Hà Nam                                                | Đại học Đại Học Ngân hàng TP.HCM                        | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM00396    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00140 |
| 147 | NGUYỄN VIỆT     | CƯỜNG  | 21                   | 3     | 1985 |      |       |      | Bình Định                                             | Đại học Khoa học Ứng dụng và Nghệ thuật Tây Bắc Thụy Sĩ | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM00397    |              | VT        | MT        | VT      |         | HCM00141 |
| 148 | VŨ VIỆT         | CƯỜNG  | 19                   | 10    | 1993 |      |       |      | Phường Vĩnh Trại , Thành phố Lạng Sơn , Tỉnh Lạng Sơn | Đại học Kinh tế Quốc dân                                | Quản trị kinh doanh         |                   | HCM00405    |              | 80.00     | 75.00     | 55.00   |         | HCM00142 |
| 149 | HÀ MINH         | ĐẠI    | 19                   | 7     | 1993 |      |       |      | Xã Lưu Sơn,Huyện Đồ Lương, Tỉnh Nghệ An               | Đại học Công nghệ Tp.HCM                                | Kế toán - Kiểm toán         |                   | HCM00410    |              | 47.50     | 47.50     | 65.00   |         | HCM00143 |
| 150 | NGUYỄN VĂN      | ĐẠI    | 3                    | 1     | 1982 |      |       |      | Ninh Bình                                             | Đại học Kinh tế TPHCM                                   | Tài chính nhà nước          |                   | HCM00411    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00144 |
| 151 | TRẦN QUỐC       | ĐẠI    | 3                    | 3     | 1991 |      |       |      | Mộ Đức - Quảng Ngãi                                   | Đại học Quốc Tế - Đại học Quốc Gia Tp.HCM               | Quản trị kinh doanh         |                   | HCM00412    |              | VT        | MT        | VT      |         | HCM00145 |
| 152 | NGUYỄN HẢI      | ĐĂNG   |                      |       |      | 13   | 8     | 1993 | Đội 7, xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa  | Đại học Luật Tp.HCM                                     | Luật Hành chính             |                   | HCM00417    |              | 87.50     | 80.00     | 67.50   |         | HCM00146 |
| 153 | TRẦN VĂN        | ĐĂNG   | 13                   | 9     | 1988 |      |       |      | xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An             | Học viện Ngân hàng                                      | Ngân hàng thương mại        |                   | HCM00420    |              | 62.50     | 62.50     | 70.00   |         | HCM00147 |
| 154 | ĐOÀN THẾ        | DANH   | 16                   | 2     | 1992 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                                 | Đại học Trà Vinh                                        | Kế toán                     |                   | HCM00423    |              | 50.00     | 61.25     | 70.00   |         | HCM00148 |

*ngb*



| STT | Họ                | Tên  | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                                     | Cơ sở đào tạo                              | Chuyên ngành đào tạo        | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|-------------------|------|----------------------|-------|------|------|-------|------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|     |                   |      | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                                              |                                            |                             |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |                   |      | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                                              |                                            |                             |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1   | 2                 | 3    | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                                           | 11                                         | 12                          | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 155 | NGUYỄN CÔNG       | DANH | 24                   | 3     | 1992 |      |       |      | Nam Định                                                     | Đại học Kinh Tế TP. HCM                    | Tài chính nhà nước          |                   | HCM00424    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00149 |
| 156 | ĐẶNG THỊ          | ĐÀO  |                      |       |      | 20   | 12    | 1991 | Hải Phòng                                                    | Đại học Thương Mại                         | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM00431    |              | 95.00     | MT        | 80.00   |         | HCM00150 |
| 157 | HUỖNH THỊ ANH     | ĐÀO  |                      |       |      | 4    | 9     | 1984 | Thành Phố Hồ Chí Minh                                        | Đại học Quốc Tế Hồng Bàng                  | Kế toán - Kiểm toán         |                   | HCM00432    |              | 57.50     | 33.75     | 52.50   |         | HCM00151 |
| 158 | NGUYỄN THỊ        | ĐÀO  |                      |       |      | 6    | 8     | 1988 | Thanh Hóa                                                    | Đại học Kinh tế Tp.HCM                     | Kế toán - Kiểm toán         | Con TB            | HCM00436    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | HCM00152 |
| 159 | NGUYỄN THỊ ANH    | ĐÀO  |                      |       |      | 26   | 5     | 1988 | Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên                              | Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh      | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM00438    |              | 75.00     | 67.50     | 57.50   |         | HCM00154 |
| 160 | NGUYỄN THỊ ANH    | ĐÀO  |                      |       |      | 3    | 3     | 1980 | THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                                        | Đại học KINH TẾ TP.HCM                     | Kế toán                     |                   | HCM00437    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00153 |
| 161 | NGUYỄN THỊ OANH   | ĐÀO  |                      |       |      | 1    | 9     | 1980 | QUẢNG NAM                                                    | Đại học THƯƠNG MẠI                         | Kế toán                     |                   | HCM00440    |              | 55.00     | 35.00     | 42.50   |         | HCM00155 |
| 162 | PHẠM THỊ BÍCH     | ĐÀO  |                      |       |      | 11   | 9     | 1990 | Yên Phú, Ý Yên, Nam Định                                     | Học viện Ngân hàng                         | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM00441    |              | 70.00     | 55.00     | 72.50   |         | HCM00156 |
| 163 | QUÁCH THỊ HỒNG    | ĐÀO  |                      |       |      | 7    | 1     | 1982 | Ninh Bình                                                    | Đại học Dân Lập Hùng Vương                 | Quản trị kinh doanh         | Con TB            | HCM00442    | 20           | 60.00     | 48.75     | 45.00   |         | HCM00157 |
| 164 | TRƯƠNG THỊ ANH    | ĐÀO  |                      |       |      | 4    | 2     | 1981 | Quảng Nam                                                    | Đại học Kinh tế TP.HCM                     | Kế toán                     |                   | HCM00443    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00158 |
| 165 | VÕ HỒNG           | ĐÀO  |                      |       |      | 20   | 8     | 1990 | Tiền Giang                                                   | Đại học Công Nghệ TP.HCM                   | Kế toán - Kiểm toán         |                   | HCM00444    |              | 77.50     | 41.25     | 62.50   |         | HCM00159 |
| 166 | LƯU HUY           | ĐẠT  | 22                   | 8     | 1992 |      |       |      | HƯNG YÊN                                                     | Đại học TÀI CHÍNH MARKETING                | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM00452    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00160 |
| 167 | NGÔ QUỐC          | ĐẠT  | 2                    | 6     | 1988 |      |       |      | ĐÀ NẴNG                                                      | Đại học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh             | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM00453    |              | 72.50     | 60.00     | 75.00   |         | HCM00161 |
| 168 | NGUYỄN TÂN        | ĐẠT  | 16                   | 2     | 1989 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                                        | Đại học Meiho                              | Quản trị kinh doanh         |                   | HCM00457    |              | 72.50     | MT        | 67.50   |         | HCM00162 |
| 169 | NGUYỄN TÁT        | ĐẠT  | 11                   | 7     | 1993 |      |       |      | Phù Cát, Bình Định                                           | Đại học Công nghiệp Thành Phố Hồ Chí Minh  | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM00458    |              | 67.50     | 61.25     | 65.00   |         | HCM00163 |
| 170 | NGUYỄN TIẾN       | ĐẠT  | 13                   | 2     | 1994 |      |       |      | Tứ Kỳ, Hải Dương                                             | Đại học Kinh Tế TP.HCM                     | Tài chính công              |                   | HCM00461    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00164 |
| 171 | PHẠM TUẤN         | ĐẠT  | 21                   | 8     | 1992 |      |       |      | Thái Bình                                                    | Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh           | Kế toán                     |                   | HCM00464    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00165 |
| 172 | PHAN THẾ ĐỖ       | ĐẠT  | 18                   | 3     | 1994 |      |       |      | Quảng Nam                                                    | Đại học Quốc Tế - Đại Học Quốc Gia TP. HCM | Quản trị kinh doanh         | Con NHCS như TB   | HCM00465    | 20           | 62.50     | 78.75     | 80.00   |         | HCM00166 |
| 173 | VÕ TÂN            | ĐẠT  | 16                   | 10    | 1991 |      |       |      | Long An                                                      | Đại học Kinh tế - Công nghiệp Long An      | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM00467    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00167 |
| 174 | DƯƠNG THỊ NGỌC    | DÀU  |                      |       |      | 20   | 8     | 1982 | Xã Tiến Thành - Tp. Phan Thiết - Tỉnh Bình Thuận             | Đại học Công Nghệ TP. HCM                  | Quản trị kinh doanh         |                   | HCM00468    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00168 |
| 175 | NGUYỄN THỊ THU    | ĐỆP  |                      |       |      | 8    | 5     | 1987 | Tổ 13, An Phú, An Tịnh, Trảng Bàng, Tây Ninh                 | Đại học Kinh Tế Thành Phố Hồ Chí Minh      | Kế toán                     |                   | HCM00472    |              | 70.00     | 57.50     | 80.00   |         | HCM00169 |
| 176 | BÙI THỊ THÚY      | DIỄM |                      |       |      | 18   | 4     | 1991 | Bình Định                                                    | Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh               | Luật học                    |                   | HCM00474    |              | 45.00     | 53.75     | 65.00   |         | HCM00170 |
| 177 | DƯƠNG THỊ         | DIỄM |                      |       |      | 21   | 2     | 1980 | Tiền Giang                                                   | Đại học Văn Lang                           | Kế toán - Kiểm toán         |                   | HCM00477    |              | 70.00     | 37.50     | 70.00   |         | HCM00171 |
| 178 | LÊ LỆ             | DIỄM |                      |       |      | 28   | 7     | 1991 | Hà Tĩnh                                                      | Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh             | Kiểm toán                   |                   | HCM00482    |              | 52.50     | 67.50     | 57.50   |         | HCM02098 |
| 179 | LÊ THỊ HỒNG       | DIỄM |                      |       |      | 6    | 3     | 1991 | Phú Yên                                                      | Đại học Luật TP. HCM                       | Luật Dân sự                 |                   | HCM00485    |              | 50.00     | 61.25     | 70.00   |         | HCM00172 |
| 180 | NGUYỄN HUỖNH NGỌC | DIỄM |                      |       |      | 1    | 4     | 1990 | Thành phố Hồ Chí Minh                                        | Đại học Đại Học Quốc Tế Hồng Bàng          | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM00488    |              | 70.00     | 53.75     | 52.50   |         | HCM00173 |
| 181 | NGUYỄN THỊ        | DIỄM |                      |       |      | 20   | 10    | 1994 | Thôn Lại Khánh, Xã Hoài Đức, Huyện Hoài Nhơn, Tỉnh Bình Định | Đại học Tài Chính Kế Toán                  | Kế toán                     |                   | HCM00492    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00174 |
| 182 | PHẠM THỊ KIỀU     | DIỄM |                      |       |      | 31   | 3     | 1986 | Đồng Nai                                                     | Đại học Ngân hàng TP.HCM                   | Kế toán tài chính ngân hàng |                   | HCM00499    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00175 |
| 183 | HUỖNH HỮU         | DIỄM | 18                   | 5     | 1993 |      |       |      | Tỉnh Đồng Tháp                                               | Đại học Công Nghiệp TP.HCM                 | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM00511    |              | 47.50     | 47.50     | 70.00   |         | HCM00176 |
| 184 | VÕ VĂN            | DIỄN | 14                   | 4     | 1993 |      |       |      | Bình Định                                                    | Đại học Tài chính-Marketing                | Thuế                        |                   | HCM00513    |              | 60.00     | 42.50     | 62.50   |         | HCM00177 |



| STT | Họ                | Tên  | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                        | Cơ sở đào tạo                                              | Chuyên ngành đào tạo         | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|-------------------|------|----------------------|-------|------|------|-------|------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|------------------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|     |                   |      | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                                 |                                                            |                              |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |                   |      | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                                 |                                                            |                              |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1   | 2                 | 3    | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                              | 11                                                         | 12                           | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 185 | HUỖNH THỊ NGỌC    | DIỆP |                      |       |      | 28   | 3     | 1979 | Long An                                         | Đại học Đà Lạt                                             | Luật                         |                   | HCM00516    |              | 70.00     | 31.25     | 60.00   |         | HCM00178 |
| 186 | LÊ NGỌC           | DIỆP |                      |       |      | 3    | 5     | 1990 | Thành phố Hồ Chí Minh                           | Đại học CNTT Gia Định                                      | Kế toán                      |                   | HCM00517    |              | 67.50     | 45.00     | 77.50   |         | HCM00179 |
| 187 | NGUYỄN HOÀNG NGỌC | DIỆP |                      |       |      | 3    | 4     | 1987 | Quảng Nam                                       | Đại học Mở Tp.Hồ Chí Minh                                  | Luật Kinh tế                 |                   | HCM00518    |              | 47.50     | 45.00     | 42.50   |         | HCM00180 |
| 188 | PHAN NGỌC         | DIỆP |                      |       |      | 31   | 10    | 1990 | Nam Định                                        | Đại học Học viện Ngoại Giao                                | Kinh tế quốc tế              |                   | HCM00519    |              | 42.50     | 67.50     | 57.50   |         | HCM00181 |
| 189 | TÔN NỮ NGỌC       | DIỆP |                      |       |      | 16   | 3     | 1993 | Thừa Thiên - Huế                                | Đại học Hoa Sen                                            | Tài chính doanh nghiệp       |                   | HCM00521    |              | 87.50     | 78.75     | 85.00   |         | HCM00182 |
| 190 | LÊ THỊ NGỌC       | DIỆP |                      |       |      | 15   | 11    | 1991 | KHÁNH HÒA                                       | Đại học Tôn Đức Thắng                                      | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM00525    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00183 |
| 191 | NGÔ THỊ MỘNG      | DIỆP |                      |       |      | 14   | 12    | 1993 | Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh                   | Đại học Kinh Tế TP.HCM                                     | Tài chính công               |                   | HCM00527    |              | 87.50     | 67.50     | 82.50   |         | HCM00184 |
| 192 | NGUYỄN THỊ NGỌC   | DIỆP |                      |       |      | 27   | 6     | 1992 | Bến Tre                                         | Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh                           | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM00528    |              | 90.00     | 55.00     | 65.00   |         | HCM00185 |
| 193 | THÁI THỊ NGỌC     | DIỆP |                      |       |      | 28   | 8     | 1992 | Bình Định                                       | Đại học Quy Nhơn                                           | Tài chính doanh nghiệp       |                   | HCM00530    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00186 |
| 194 | ĐỖ THỊ THANH      | DIỆU |                      |       |      | 4    | 10    | 1985 | Hồ Chí Minh                                     | Đại học Kỹ thuật Công nghệ Tp. Hồ Chí Minh                 | Kế toán                      |                   | HCM00533    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00187 |
| 195 | NGUYỄN NGỌC       | DIỆU |                      |       |      | 29   | 11    | 1989 | Kim Động, Hưng Yên                              | Đại học Mở TP.HCM                                          | Hệ thống thông tin kinh tế   |                   | HCM00535    |              | 40.00     | 53.75     | 60.00   |         | HCM00188 |
| 196 | NGUYỄN THỊ        | DIỆU |                      |       |      | 15   | 12    | 1975 | Long An                                         | Đại học Dân lập Hùng Vương                                 | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM00536    |              | 80.00     | 56.25     | 80.00   |         | HCM00189 |
| 197 | VÕ THỊ XUÂN       | DIỆU |                      |       |      | 8    | 8     | 1990 | Quy Nhơn - Bình Định                            | Đại học Quốc tế Hồng Bàng TP. HCM                          | Kế toán - Kiểm toán          |                   | HCM00541    |              | 30.00     | 38.75     | 60.00   |         | HCM00190 |
| 198 | NINH THỊ          | DINH |                      |       |      | 10   | 7     | 1987 | Nghĩa Hưng- Nam Định                            | Đại học Đại học kinh tế Luật TP.HCM                        | Kế toán                      |                   | HCM00542    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00191 |
| 199 | DUY THỊ           | DIỆU |                      |       |      | 23   | 6     | 1983 | Xóm Đông, Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội            | Đại học Ngân Hàng                                          | Tài chính ngân hàng          | Con TB            | HCM00547    | 20           | 75.00     | 33.75     | 65.00   |         | HCM00192 |
| 200 | NGUYỄN THỊ        | ĐOÀI |                      |       |      | 30   | 4     | 1986 | Đức Lâm, Đức Thọ, Hà Tĩnh                       | Đại học Bình Dương                                         | Kế toán                      |                   | HCM00548    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00193 |
| 201 | TRƯƠNG THÁNH      | ĐỒNG | 6                    | 8     | 1989 |      |       |      | Thanh Hóa                                       | Đại học Đại Học Quốc Tế Hồng Bàng                          | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM00557    |              | 77.50     | 76.25     | 55.00   |         | HCM00195 |
| 202 | ĐOÀN MINH         | ĐỨC  | 29                   | 12    | 1990 |      |       |      | TÂY NINH                                        | Đại học KINH TẾ TPHCM                                      | Tài chính ngân hàng          | Con TB            | HCM00561    | 20           | 80.00     | 46.25     | 70.00   |         | HCM00196 |
| 203 | LÊ ANH            | ĐỨC  | 15                   | 11    | 1991 |      |       |      | Thanh Hóa                                       | Đại học Quốc Tế Hồng Bàng                                  | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM00563    |              | 62.50     | 60.00     | 60.00   |         | HCM00197 |
| 204 | LƯƠNG MINH        | ĐỨC  | 20                   | 5     | 1992 |      |       |      | tỉnh phú yên                                    | Đại học Quốc tế Hồng Bàng                                  | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM00564    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00198 |
| 205 | NGUYỄN TRỌNG      | ĐỨC  | 14                   | 11    | 1991 |      |       |      | huyện Đông Hưng tỉnh Thái Bình                  | Đại học Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh Thái Nguyên | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM00569    |              | 97.50     | 83.75     | 82.50   |         | HCM00199 |
| 206 | PHAN ANH          | ĐỨC  | 3                    | 6     | 1992 |      |       |      | Quảng Nam                                       | Đại học Đại Học Công Nghiệp Tp. HCM                        | Tài chính doanh nghiệp       |                   | HCM00571    |              | 65.00     | 51.25     | 70.00   |         | HCM00200 |
| 207 | TRẦN PHƯỚC        | ĐỨC  | 27                   | 1     | 1991 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                           | Đại học Công Nghệ Sài Gòn                                  | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM00573    |              | 55.00     | 52.50     | 52.50   |         | HCM00201 |
| 208 | TRƯƠNG HOÀNG      | ĐỨC  | 23                   | 11    | 1983 |      |       |      | Thành Phố Hồ Chí Minh                           | Đại học Đà Nẵng                                            | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM00574    |              | 45.00     | 58.75     | 57.50   |         | HCM00202 |
| 209 | VŨ TRUNG          | ĐỨC  | 24                   | 8     | 1993 |      |       |      | Hải Phòng                                       | Đại học Kinh tế Tp.HCM                                     | Tài chính công               |                   | HCM00575    |              | 97.50     | 72.50     | 85.00   |         | HCM00203 |
| 210 | ĐÀO THỊ PHƯƠNG    | DUNG |                      |       |      | 1    | 1     | 1978 | Thôn Đức Phổ 1, xã Cát Minh, Phù Cát, Bình Định | Đại học Đại học Luật TP.HCM                                | Luật Kinh tế và quốc tế      |                   | HCM00577    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00204 |
| 211 | ĐINH THỊ THỦY     | DUNG |                      |       |      | 29   | 8     | 1990 | Nghệ An                                         | Đại học Mở - Địa chất                                      | Kế toán doanh nghiệp         |                   | HCM00579    |              | 70.00     | 51.25     | 72.50   |         | HCM00205 |
| 212 | HÀ THỊ MỸ         | DUNG |                      |       |      | 29   | 9     | 1987 | Thanh Hóa                                       | Đại học Đại Học Ngân Hàng TP HCM                           | Tài chính ngân hàng          | Con TB            | HCM00580    | 20           | 67.50     | MT        | 82.50   |         | HCM00206 |
| 213 | HỒ HUỖNH NGỌC     | DUNG |                      |       |      | 29   | 3     | 1988 | An Giang                                        | Đại học Kinh Tế TP. HCM                                    | Quản trị kinh doanh tổng hợp |                   | HCM00581    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00207 |
| 214 | HUỖNH THỊ MỸ      | DUNG |                      |       |      | 28   | 2     | 1992 | Xã Tập Sơn, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh         | Đại học Mở TP.HCM                                          | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM00584    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00208 |
| 215 | LUONG THI HA      | DUNG |                      |       |      | 15   | 6     | 1976 | Cao Bằng                                        | Đại học Ngân hàng Tp.HCM                                   | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM00587    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00209 |



| STT | Họ                | Tên  | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                  | Cơ sở đào tạo                     | Chuyên ngành đào tạo | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|-------------------|------|----------------------|-------|------|------|-------|------|-------------------------------------------|-----------------------------------|----------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|     |                   |      | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                           |                                   |                      |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |                   |      | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                           |                                   |                      |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1   | 2                 | 3    | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                        | 11                                | 12                   | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 216 | MAI THI           | DUNG |                      |       |      | 6    | 12    | 1989 | Thanh Hóa                                 | Đại học Vinh                      | Tài chính ngân hàng  |                   | HCM00589    |              | 37.50     | 61.25     | 57.50   |         | HCM00210 |
| 217 | NGUYỄN THI        | DUNG |                      |       |      | 21   | 9     | 1986 | Thái Bình                                 | Đại học Kinh tế tp.Hồ Chí Minh    | Quản trị kinh doanh  |                   | HCM00590    |              | 55.00     | 78.75     | 65.00   |         | HCM00212 |
| 218 | NGUYỄN THI        | DUNG |                      |       |      | 3    | 3     | 1986 | Nam Định                                  | Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh   | Kế toán doanh nghiệp |                   | HCM00591    |              | 75.00     | 50.00     | 62.50   |         | HCM00211 |
| 219 | NGUYỄN THỊ BÍCH   | DUNG |                      |       |      | 28   | 3     | 1991 | Phú Yên                                   | Đại học Kinh tế TPHM              | Ngân hàng            |                   | HCM00592    |              | 82.50     | 87.50     | 77.50   |         | HCM00213 |
| 220 | NGUYỄN THỊ KIM    | DUNG |                      |       |      | 23   | 5     | 1991 | Thanh Phú Long, Châu Thành, Long An       | Đại học CNTT Gia Định             | Kế toán              |                   | HCM00594    |              | 32.50     | 75.00     | 45.00   |         | HCM00214 |
| 221 | NGUYỄN THỊ KIM    | DUNG |                      |       |      | 7    | 1     | 1974 | Sài gòn                                   | Đại học Kinh Tế Tp.HCM            | Kế toán              |                   | HCM00593    |              | 75.00     | 17.50     | 67.50   |         | HCM00215 |
| 222 | NGUYỄN THỊ MỸ     | DUNG |                      |       |      | 13   | 3     | 1990 | TP Buôn Mê Thuật, Đắk Lắk                 | Đại học Ngân Hàng TP Hồ Chí Minh  | Tài chính ngân hàng  |                   | HCM00595    |              | 65.00     | 60.00     | 65.00   |         | HCM00216 |
| 223 | NGUYỄN THỊ NGỌC   | DUNG |                      |       |      | 21   | 6     | 1983 | Tiền Giang                                | Đại học Viện Đại học Mở Hà Nội    | Luật Kinh tế         |                   | HCM00597    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00217 |
| 224 | NGUYỄN THỊ NHAN   | DUNG |                      |       |      | 25   | 5     | 1990 | Thành phố Hồ Chí Minh                     | Đại học BÌNH DƯƠNG                | Quản trị kinh doanh  |                   | HCM00598    |              | 65.00     | 51.25     | 65.00   |         | HCM00218 |
| 225 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG | DUNG |                      |       |      | 24   | 3     | 1994 | Thành phố Quảng Ngãi                      | Đại học Kinh tế - Luật TP HCM     | Luật Kinh tế         |                   | HCM00600    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00219 |
| 226 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG | DUNG |                      |       |      | 22   | 1     | 1990 | Nam Định                                  | Đại học Kinh Tế TP. HCM           | Tài chính nhà nước   |                   | HCM00599    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00220 |
| 227 | NGUYỄN THỊ THỦY   | DUNG |                      |       |      | 12   | 7     | 1990 | Hà Nam                                    | Đại học Đại học Mở Tp Hồ Chí Minh | Quản trị kinh doanh  |                   | HCM00603    |              | 72.50     | 57.50     | 72.50   |         | HCM00221 |
| 228 | NGUYỄN THỦY       | DUNG |                      |       |      | 10   | 3     | 1993 | Nam Đàn - Nghệ An                         | Đại học Luật Tp. HCM              | Luật                 |                   | HCM00606    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00222 |
| 229 | TRẦN NGỌC THUY    | DUNG |                      |       |      | 19   | 7     | 1993 | Thành phố Hồ Chí Minh                     | Đại học Luật TP.HCM               | Luật học             |                   | HCM00609    |              | 85.00     | 55.00     | 65.00   |         | HCM00223 |
| 230 | TRẦN THỊ KIM      | DUNG |                      |       |      | 24   | 8     | 1992 | Xã Xuân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình | Đại học Kinh tế TP HCM            | Kế toán - Kiểm toán  |                   | HCM00610    |              | 97.50     | 77.50     | 72.50   |         | HCM00224 |
| 231 | TRẦN THỊ MỸ       | DUNG |                      |       |      | 22   | 5     | 1991 | Hà Nam                                    | Đại học Quốc tế Hồng Bàng         | Tài chính ngân hàng  |                   | HCM00612    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00225 |
| 232 | TỬ THỊ MỸ         | DUNG |                      |       |      | 3    | 2     | 1992 | Tỉnh Gia Lai                              | Đại học Kinh Tế Tp.HCM            | Kế toán              |                   | HCM00618    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00226 |
| 233 | VÕ THỊ MỘNG       | DUNG |                      |       |      | 28   | 8     | 1981 | Tiền Giang                                | Đại học Văn Lang TP.HCM           | Tài chính tín dụng   |                   | HCM00619    |              | 70.00     | 51.25     | 77.50   |         | HCM00227 |
| 234 | VÕ THỊ PHƯƠNG     | DUNG |                      |       |      | 25   | 4     | 1989 | Thành phố Hồ Chí Minh                     | Đại học Đại học dân lập Văn Lang  | Tài chính ngân hàng  |                   | HCM00620    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00228 |
| 235 | VÕ THỊ THANH      | DUNG |                      |       |      | 1    | 12    | 1991 | TP Hồ Chí Minh                            | Đại học Công Nghiệp Thực Phẩm     | Tài chính ngân hàng  |                   | HCM00621    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00229 |
| 236 | ĐẠNG ANH          | DŨNG | 8                    | 9     | 1988 |      |       |      | Hà Nam                                    | Đại học Đại học Lughwa-Đài Loan   | Quản trị kinh doanh  | Con TB            | HCM00622    | 20           | 42.50     | 57.50     | 52.50   |         | HCM00230 |
| 237 | ĐỖ TUẤN           | DŨNG | 26                   | 3     | 1990 |      |       |      | Hà Nội                                    | Đại học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh    | Kế toán              |                   | HCM00624    |              | 75.00     | 67.50     | 80.00   |         | HCM00231 |
| 238 | MAI TRUNG         | DŨNG | 24                   | 7     | 1980 |      |       |      | Hà Nam                                    | Đại học Học Viện Tài Chính        | Kế toán              |                   | HCM00630    |              | 45.00     | 26.25     | 57.50   |         | HCM00232 |
| 239 | NGUYỄN ĐỨC        | DŨNG | 10                   | 4     | 1991 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                     | Đại học Văn Lang                  | Quản trị kinh doanh  |                   | HCM00632    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00233 |
| 240 | NGUYỄN HÙNG       | DŨNG | 2                    | 8     | 1993 |      |       |      | Hà Nội                                    | Đại học Kinh Tế TPHCM             | Tài chính ngân hàng  |                   | HCM00634    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00234 |
| 241 | NGUYỄN QUỐC       | DŨNG | 22                   | 12    | 1994 |      |       |      | Phú Yên                                   | Đại học Tài Chính Marketing       | Tài chính công       |                   | HCM00637    |              | 62.50     | 63.75     | 75.00   |         | HCM00235 |
| 242 | NGUYỄN TIẾN       | DŨNG | 29                   | 10    | 1992 |      |       |      | Hà Nội                                    | Đại học Công Nghiệp Hà Nội        | Tài chính ngân hàng  |                   | HCM00638    |              | 70.00     | 53.75     | 80.00   |         | HCM00236 |
| 243 | NGUYỄN TRÍ        | DŨNG | 19                   | 1     | 1991 |      |       |      | Thành Phố Hồ Chí Minh                     | Đại học Quốc Tế Hồng Bàng         | Quản trị kinh doanh  |                   | HCM00640    |              | 70.00     | 60.00     | 67.50   |         | HCM00237 |
| 244 | TRẦN ĐÌNH         | DŨNG | 22                   | 8     | 1990 |      |       |      | Mỹ Thọ, Phù Mỹ, Bình Định                 | Đại học Kinh Tế Tp.Hồ Chí Minh    | Kế toán              |                   | HCM00645    |              | 65.00     | 73.75     | 72.50   |         | HCM00238 |
| 245 | TRẦN MINH TIẾN    | DŨNG | 7                    | 4     | 1989 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                     | Đại học Đại học Mở TpHCM          | Tài chính ngân hàng  |                   | HCM00646    |              | 62.50     | 51.25     | 72.50   |         | HCM00239 |



| STT | Họ              | Tên   | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                          | Cơ sở đào tạo                      | Chuyên ngành đào tạo         | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|-----------------|-------|----------------------|-------|------|------|-------|------|---------------------------------------------------|------------------------------------|------------------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|     |                 |       | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                                   |                                    |                              |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |                 |       | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                                   |                                    |                              |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1   | 2               | 3     | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                                | 11                                 | 12                           | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 246 | VÕ TẤN          | DŨNG  | 16                   | 2     | 1967 |      |       |      | Phước Lộc Tuy Phước Bình Định                     | Đại học Mở TPHCM                   | Kinh tế luật                 |                   | HCM00648    |              | 67.50     | 38.75     | 62.50   |         | HCM00240 |
| 247 | VƯƠNG TRÍ       | DŨNG  | 8                    | 2     | 1989 |      |       |      | Thôn Trung Kỳ, xã Đắc Sở, Hoài Đức, Hà Nội        | Đại học Luật TPHCM                 | Luật                         |                   | HCM00649    |              | 80.00     | 60.00     | MT      |         | HCM02115 |
| 248 | CAO LÊ SƠN      | DƯƠNG | 1                    | 6     | 1982 |      |       |      | HƯNG YÊN                                          | Đại học MARSHALL                   | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM00653    |              | VT        | MT        | VT      |         | HCM00241 |
| 249 | ĐẶNG DUY        | DƯƠNG | 11                   | 10    | 1989 |      |       |      | Xã Quảng Châu, Huyện Quảng Trạch, Tỉnh Quảng Bình | Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG TPHCM | Kế toán - Kiểm toán          | Con TB            | HCM00654    | 20           | 100.00    | 78.75     | 82.50   |         | HCM00242 |
| 250 | ĐẶNG HOÀNG      | DƯƠNG | 18                   | 9     | 1984 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                             | Đại học Đà Lạt                     | Quản lý kinh doanh           |                   | HCM00655    |              | 52.50     | 38.75     | 57.50   |         | HCM00243 |
| 251 | ĐỖ THỦY         | DƯƠNG |                      |       |      | 10   | 2     | 1992 | Ninh Bình                                         | Đại học Lincoln - Hoa Kỳ           | Kinh doanh tổng hợp          |                   | HCM00657    |              | 80.00     | MT        | 75.00   |         | HCM00244 |
| 252 | HUỖNH VĂN       | DƯƠNG |                      |       |      | 8    | 8     | 1982 | Cà Mau                                            | Đại học CÔNG NGHỆ TP.HỒ CHÍ MINH   | Kế toán                      | Con TB            | HCM00661    | 20           | VT        | VT        | MT      |         | HCM00245 |
| 253 | NGUYỄN THỊ ÁNH  | DƯƠNG |                      |       |      | 2    | 5     | 1990 | Bình Định                                         | Đại học Kinh tế TP. HCM            | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM00668    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00246 |
| 254 | NGUYỄN THỊ THỦY | DƯƠNG |                      |       |      | 21   | 8     | 1994 | Thành phố Đồng Hới                                | Đại học Nha Trang                  | Kế toán                      |                   | HCM00675    |              | 62.50     | 65.00     | 60.00   |         | HCM00247 |
| 255 | PHẠM THỊ THỦY   | DƯƠNG |                      |       |      | 16   | 2     | 1992 | ấp 1, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai | Đại học Ngân Hàng TP.HCM           | Quản trị kinh doanh tổng hợp |                   | HCM00680    |              | 62.50     | 53.75     | 75.00   |         | HCM00248 |
| 256 | TRẦN PHỤNG THỦY | DƯƠNG |                      |       |      | 17   | 4     | 1990 | Thừa Thiên Huế                                    | Đại học Kinh tế TP.HCM             | Tài chính nhà nước           |                   | HCM00683    |              | 67.50     | 57.50     | 62.50   |         | HCM00249 |
| 257 | TRẦN THỊ        | DƯƠNG |                      |       |      | 26   | 6     | 1985 | NAM ĐỊNH                                          | Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh    | Kế toán                      |                   | HCM00685    |              | 65.00     | 32.50     | 77.50   |         | HCM00250 |
| 258 | TRẦN THỦY       | DƯƠNG |                      |       |      | 5    | 4     | 1991 | Hà Tĩnh                                           | Đại học Kinh tế TP HCM             | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM00686    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00251 |
| 259 | LÊ TƯỜNG        | DUY   | 16                   | 11    | 1986 |      |       |      | Vĩnh Long                                         | Đại học Ngân Hàng TP.HCM           | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM00693    |              | 77.50     | 42.50     | 67.50   |         | HCM00252 |
| 260 | MAI TRẦN KHÁNH  | DUY   | 10                   | 5     | 1993 |      |       |      | Thanh Hóa                                         | Đại học Kinh tế TP.HCM             | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM00695    |              | 72.50     | 66.25     | 70.00   |         | HCM00253 |
| 261 | NGUYỄN NGỌC     | DUY   | 30                   | 7     | 1988 |      |       |      | hồ chí minh                                       | Đại học Công Nghệ TPHCM            | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM00698    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00254 |
| 262 | NGUYỄN PHƯỚC    | DUY   | 17                   | 10    | 1994 |      |       |      | Thành Phố Hồ Chí Minh                             | Đại học Tài Chính - Marketing      | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM00699    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00255 |
| 263 | NGUYỄN TRƯỜNG   | DUY   | 12                   | 2     | 1988 |      |       |      | Nam Định                                          | Đại học Công Nghiệp TPHCM          | Kế toán - Kiểm toán          |                   | HCM00702    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00256 |
| 264 | NGUYỄN VĂN      | DUY   | 5                    | 5     | 1994 |      |       |      | Hà Nam                                            | Trường ĐH Tài chính - Marketing    | Thuế                         |                   | HCM00703    |              | 80.00     | 53.75     | 72.50   |         | HCM02102 |
| 265 | TÔNG QUANG      | DUY   | 17                   | 7     | 1992 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                             | Đại học Coventry (Anh Quốc)        | Kinh doanh quốc tế           |                   | HCM00707    |              | VT        | MT        | VT      |         | HCM00257 |
| 266 | VÕ ĐÌNH         | DUY   | 18                   | 12    | 1991 |      |       |      | XÃ NGHĨA HIỆP, HUYỆN TUYÊN NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI  | Đại học KINH TẾ TP HCM             | Kế toán                      |                   | HCM00709    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00258 |
| 267 | DƯƠNG THỊ THỦY  | DUYÊN |                      |       |      | 21   | 9     | 1981 | Nam Định                                          | Đại học Kinh Tế TP HCM             | Kế toán                      |                   | HCM00711    |              | VT        | VT        | MT      |         | HCM00259 |
| 268 | HÀ MỸ           | DUYÊN |                      |       |      | 27   | 2     | 1992 | Bình Dương                                        | Đại học Ngoại Thương               | Kinh tế đối ngoại            |                   | HCM00712    |              | 50.00     | MT        | 75.00   |         | HCM00260 |
| 269 | LÊ MỸ           | DUYÊN |                      |       |      | 3    | 7     | 1994 | Phù Mỹ, Bình Định                                 | Đại học Luật Tp.HCM                | Luật                         |                   | HCM00714    |              | 92.50     | 88.75     | 72.50   |         | HCM00261 |
| 270 | LÊ THỊ HUỖNH    | DUYÊN |                      |       |      | 29   | 6     | 1982 | Đà Nẵng                                           | Đại học Kinh Tế Tp.HCM             | Kế toán                      |                   | HCM00715    |              | 70.00     | 57.50     | 77.50   |         | HCM00262 |
| 271 | LƯU NGỌC THANH  | DUYÊN |                      |       |      | 11   | 5     | 1994 | Thành Phố Hồ Chí Minh                             | Đại học Việt Đức                   | Tài chính kế toán            |                   | HCM00717    |              | 55.00     | 82.50     | 70.00   |         | HCM02123 |
| 272 | LƯU THỊ KIM     | DUYÊN |                      |       |      | 7    | 9     | 1987 | Quảng Ngãi                                        | Đại học Kinh tế TPHCM              | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM00718    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00263 |
| 273 | NGUYỄN THỊ      | DUYÊN |                      |       |      | 25   | 2     | 1992 | Quảng Trị                                         | Đại học Ngân Hàng TP.HCM           | Ngân hàng                    |                   | HCM00722    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00264 |
| 274 | NGUYỄN THỊ KIM  | DUYÊN |                      |       |      | 28   | 7     | 1989 | Bến Tre                                           | Đại học Kinh Tế Tp.HCM             | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM00724    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00265 |
| 275 | NGUYỄN THỊ KIM  | DUYÊN |                      |       |      | 20   | 4     | 1986 | Hựu Thạnh - Đức Hòa - Long An                     | Đại học Kinh Tế TPHCM              | Kế toán                      |                   | HCM00723    |              | 70.00     | 61.25     | 70.00   |         | HCM00266 |
| 276 | NGUYỄN THỊ MỸ   | DUYÊN |                      |       |      | 27   | 10    | 1993 | Gia Lâm, Hà Nội                                   | Đại học Ngân Hàng TP.HCM           | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM00727    |              | 87.50     | 67.50     | 70.00   |         | HCM00268 |
| 277 | NGUYỄN THỊ MỸ   | DUYÊN |                      |       |      | 1    | 8     | 1992 | QUẢNG NGÃI                                        | Đại học BÌNH DƯƠNG                 | Kế toán - Kiểm toán          |                   | HCM00726    |              | 32.50     | 42.50     | 45.00   |         | HCM00267 |



| STT | Họ                | Tên   | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                     | Cơ sở đào tạo                        | Chuyên ngành đào tạo         | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|-------------------|-------|----------------------|-------|------|------|-------|------|----------------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|     |                   |       | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                              |                                      |                              |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |                   |       | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                              |                                      |                              |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1   | 2                 | 3     | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                           | 11                                   | 12                           | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 278 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG | DUYÊN |                      |       |      | 24   | 3     | 1992 | Bắc Ninh                                     | Đại học Lao Động Xã Hội              | Kế toán                      |                   | HCM00728    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00269 |
| 279 | TRẦN THỊ          | DUYÊN |                      |       |      | 15   | 11    | 1983 | Nghệ An                                      | Học viện Tài Chính                   | Hệ thống thông tin kinh tế   |                   | HCM00731    |              | 80.00     | 41.25     | 70.00   |         | HCM00270 |
| 280 | TRẦN THỊ HỒNG     | DUYÊN |                      |       |      | 15   | 2     | 1983 | huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp                 | Đại học Kinh tế Quốc Dân             | Quản trị doanh nghiệp        |                   | HCM00734    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00271 |
| 281 | TRẦN THUY BÍCH    | DUYÊN |                      |       |      | 24   | 6     | 1990 | Ninh Thuận                                   | Đại học Mở Tp.HCM                    | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM00735    |              | 45.00     | 61.25     | 65.00   |         | HCM00272 |
| 282 | PHẠM THỊ HỒNG     | GÁM   |                      |       |      | 2    | 4     | 1994 | Hà Nam                                       | Đại học Tài Chính - Ngân Hàng Hà Nội | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM00752    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00273 |
| 283 | CAO THỊ TRÀ       | GIANG |                      |       |      | 11   | 1     | 1994 | Diễn Lộc- Diễn Châu- Nghệ An                 | Đại học bolton                       | Kế toán doanh nghiệp         |                   | HCM00757    |              | 77.50     | MT        | 32.50   |         | HCM00274 |
| 284 | ĐẶNG THÁI         | GIANG |                      |       |      | 15   | 8     | 1987 | Quảng Ngãi                                   | Đại học Kinh tế TP HCM               | Kế toán                      |                   | HCM00758    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00275 |
| 285 | ĐẶNG THỊ THANH    | GIANG |                      |       |      | 27   | 10    | 1980 | Vĩnh Phúc                                    | Đại học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh       | Kế toán                      |                   | HCM00759    |              | 60.00     | 58.75     | 72.50   |         | HCM00276 |
| 286 | HOÀNG THỊ THU     | GIANG |                      |       |      | 28   | 12    | 1983 | Nghệ An                                      | Đại học Bolton                       | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM00762    |              | VT        | MT        | VT      |         | HCM00277 |
| 287 | KIỀU LAM          | GIANG | 18                   | 4     | 1983 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                        | Đại học Kinh Tế TP.HCM               | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM00763    |              | 72.50     | 57.50     | 77.50   |         | HCM00278 |
| 288 | LÊ HÀ             | GIANG |                      |       |      | 15   | 4     | 1984 | Xã Nam Giang, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa | Đại học Kinh Tế TP. HCM              | Kế toán                      | Con TB            | HCM00764    | 20           | 55.00     | 35.00     | 65.00   |         | HCM00279 |
| 289 | LÊ HƯƠNG          | GIANG |                      |       |      | 24   | 4     | 1993 | Thành phố Hồ Chí Minh                        | Đại học Ngoại thương                 | Tài chính quốc tế            |                   | HCM00765    |              | 57.50     | MT        | 62.50   |         | HCM00280 |
| 290 | LÊ THỊ TỎ         | GIANG |                      |       |      | 29   | 1     | 1990 | Cam Thành - Cam Lộ - Quảng Trị               | Đại học Trà Vinh                     | Kế toán                      |                   | HCM00768    |              | 47.50     | 55.00     | 47.50   |         | HCM00281 |
| 291 | NGUYỄN CAM TRƯỜNG | GIANG | 21                   | 11    | 1988 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                        | Đại học Tôn Đức Thắng Tp.HCM         | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM00771    |              | 70.00     | 92.50     | 80.00   |         | HCM00282 |
| 292 | NGUYỄN DUY        | GIANG | 13                   | 4     | 1983 |      |       |      | Hà Nam                                       | Đại học MỞ TP.HCM                    | Kế toán                      |                   | HCM00772    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00283 |
| 293 | NGUYỄN HƯƠNG      | GIANG |                      |       |      | 10   | 2     | 1985 | Nghệ An                                      | Đại học Kinh tế Tp.HCM               | Kế toán                      | Con TB            | HCM00773    | 20           | 77.50     | 41.25     | 65.00   |         | HCM00284 |
| 294 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG  | GIANG |                      |       |      | 20   | 10    | 1992 | Nam Định                                     | Đại học Ngân Hàng TP.HCM             | Tài chính - Kế toán          |                   | HCM00775    |              | 80.00     | 77.50     | 67.50   |         | HCM00285 |
| 295 | NGUYỄN THỊ THANH  | GIANG |                      |       |      | 5    | 2     | 1993 | Hải Dương                                    | Đại học Dân lập Văn Lang             | Kế toán                      |                   | HCM00777    |              | 67.50     | 50.00     | 75.00   |         | HCM00286 |
| 296 | NGUYỄN THỊ TRƯỜNG | GIANG |                      |       |      | 23   | 2     | 1993 | Hà Tĩnh                                      | Đại học Hà Tĩnh                      | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM00779    |              | 82.50     | 52.50     | 72.50   |         | HCM00287 |
| 297 | NGUYỄN TRÀ        | GIANG |                      |       |      | 29   | 11    | 1994 | Hà Tĩnh                                      | Đại học Kinh Tế TP. HCM              | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM00781    |              | 85.00     | 67.50     | 72.50   |         | HCM00288 |
| 298 | NGUYỄN TRƯỜNG     | GIANG | 9                    | 12    | 1992 |      |       |      | Đồng Tháp                                    | Đại học Cửu Long                     | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM00782    |              | 55.00     | 42.50     | 52.50   |         | HCM00289 |
| 299 | NGUYỄN VŨ NHẬT    | GIANG |                      |       |      | 14   | 11    | 1990 | DakLak                                       | Đại học Đà Nẵng                      | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM00783    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00290 |
| 300 | NINH PHÚ          | GIANG |                      |       |      | 18   | 6     | 1990 | Ninh bình                                    | Đại học Soongsil hàn quốc            | Quản trị kinh doanh tổng hợp |                   | HCM00784    |              | 67.50     | MT        | 47.50   |         | HCM00291 |
| 301 | PHẠM THANH        | GIANG |                      |       |      | 16   | 8     | 1993 | Nghệ An                                      | Đại học Ngân Hàng Tp. Hồ Chí Minh    | Ngân hàng                    |                   | HCM00786    |              | 57.50     | 55.00     | 85.00   |         | HCM00292 |
| 302 | PHAN VÂN TRÀ      | GIANG |                      |       |      | 2    | 1     | 1983 | Tp.HCM                                       | Đại học Mở Tp.HCM                    | Kế toán                      |                   | HCM00788    |              | 62.50     | 37.50     | 50.00   |         | HCM00293 |
| 303 | TÔN NỮ HƯƠNG      | GIANG |                      |       |      | 28   | 8     | 1993 | Thừa Thiên Huế                               | Đại học Luật Tp.HCM                  | Luật học                     |                   | HCM00789    |              | 52.50     | 50.00     | 52.50   |         | HCM00294 |
| 304 | TRẦN HỒNG         | GIANG |                      |       |      | 26   | 8     | 1988 | Xã Nghĩa Đồng, Huyện Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An    | Đại học Ngoại thương Hà Nội          | Thương mại quốc tế           |                   | HCM00792    |              | 77.50     | 77.50     | 60.00   |         | HCM00295 |
| 305 | TRẦN LÊ HẢI       | GIANG |                      |       |      | 5    | 12    | 1992 | Quảng Nam                                    | Đại học Kinh tế - Luật, TP. HCM      | Kinh tế đối ngoại            |                   | HCM00793    |              | 75.00     | 66.25     | 77.50   |         | HCM00296 |
| 306 | TRẦN LÊ HƯƠNG     | GIANG |                      |       |      | 17   | 1     | 1987 | Bắc Giang                                    | Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh  | Kế toán - Kiểm toán          |                   | HCM00794    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00297 |
| 307 | TRẦN THANH HƯƠNG  | GIANG |                      |       |      | 5    | 6     | 1993 | Mộc Hóa-Long An                              | Đại học Công nghệ TPHCM              | Kế toán - Kiểm toán          |                   | HCM00795    |              | 60.00     | 57.50     | 75.00   |         | HCM00298 |
| 308 | VŨ THỊ LỆ         | GIANG |                      |       |      | 1    | 6     | 1984 | Quảng Bình                                   | Đại học Tôn Đức Thắng                | Kế toán                      |                   | HCM00802    |              | 70.00     | 52.50     | 70.00   |         | HCM00299 |
| 309 | VŨ HOÀNG          | GIANG | 11                   | 6     | 1992 |      |       |      | TP Hồ Chí Minh                               | Đại học Tài chính - Marketing        | Ngân hàng                    |                   | HCM00803    |              | 62.50     | 75.00     | 85.00   |         | HCM00300 |
| 310 | VŨ THỊ LAM        | GIANG |                      |       |      | 30   | 4     | 1989 | Nghệ An                                      | Đại học Tài Chính - Marketing        | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM00804    |              | 52.50     | 48.75     | 70.00   |         | HCM00301 |

*Handwritten signature*



| STT | Họ               | Tên  | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                      | Cơ sở đào tạo                                   | Chuyên ngành đào tạo          | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|------------------|------|----------------------|-------|------|------|-------|------|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|     |                  |      | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                               |                                                 |                               |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |                  |      | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                               |                                                 |                               |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1   | 2                | 3    | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                            | 11                                              | 12                            | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 311 | TRẦN THỊ QUỲNH   | GIAO |                      |       |      | 14   | 10    | 1992 | gio mỹ, gio linh, quảng trị                   | Đại học Kinh tế TP HCM                          | Ngân hàng                     |                   | HCM00808    |              | 62.50     | 63.75     | 75.00   |         | HCM00302 |
| 312 | NGUYỄN VŨ        | GIÁP | 9                    | 10    | 1984 |      |       |      | Bình Định                                     | Đại học Kinh Tế TP.HCM                          | Tài chính ngân hàng           |                   | HCM00809    |              | 62.50     | 43.75     | 72.50   |         | HCM00303 |
| 313 | VŨ VĂN           | GIÁP | 10                   | 7     | 1990 |      |       |      | nghe an                                       | Đại học tài chính marketing                     | Quản trị kinh doanh tổng hợp  |                   | HCM00810    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00304 |
| 314 | ĐẶNG NGỌC        | HÀ   |                      |       |      | 26   | 3     | 1990 | CỦ CHI, TP. HỒ CHÍ MINH                       | Đại học KINH TẾ TP.HCM                          | Tài chính ngân hàng           |                   | HCM00817    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00305 |
| 315 | ĐẶNG NGUYỄN NGÂN | HÀ   |                      |       |      | 9    | 7     | 1990 | Thành phố Hồ Chí Minh                         | Đại học ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BÀNG               | Quản trị kinh doanh           |                   | HCM00818    |              | 55.00     | 33.75     | 47.50   |         | HCM00306 |
| 316 | ĐẶNG THỊ BÍCH    | HÀ   |                      |       |      | 21   | 6     | 1988 | Tiền Giang                                    | Đại học Ngân Hàng Tp.HCM                        | Tài chính ngân hàng           |                   | HCM00819    |              | 72.50     | 62.50     | 67.50   |         | HCM00307 |
| 317 | GIANG THỊ BÍCH   | HÀ   |                      |       |      | 27   | 10    | 1981 | Thái Bình                                     | Đại học Luật TP.HCM                             | Luật Thương mại               |                   | HCM00821    |              | 70.00     | 58.75     | 80.00   |         | HCM00308 |
| 318 | HOÀNG TỬ THÁI    | HÀ   |                      |       |      | 20   | 11    | 1987 | Quảng Trị                                     | Đại học Kinh Tế TP.HCM                          | Tài chính ngân hàng           |                   | HCM00822    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00309 |
| 319 | LÊ THỊ HỒNG      | HÀ   |                      |       |      | 10   | 3     | 1988 | Thái Bình                                     | Đại học Kinh tế Tp HCM                          | Kế toán                       |                   | HCM00824    |              | 77.50     | 70.00     | 77.50   |         | HCM00310 |
| 320 | LŨU HẢI          | HÀ   | 24                   | 5     | 1981 |      |       |      | Kiến Thụy - Hải Phòng                         | Đại học Kinh tế Quốc Dân                        | Kinh tế đầu tư                |                   | HCM00825    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00311 |
| 321 | MẠC THU          | HÀ   |                      |       |      | 1    | 5     | 1993 | Nam Sách, Hải Dương                           | Đại học Học viện Tài chính                      | Kế toán                       |                   | HCM00826    |              | 77.50     | 85.00     | 77.50   |         | HCM00312 |
| 322 | MAI HỒNG         | HÀ   |                      |       |      | 24   | 5     | 1991 | Nam Định                                      | Đại học Kinh Tế TP.HCM                          | Kế toán                       |                   | HCM00827    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00313 |
| 323 | MAI THỊ          | HÀ   |                      |       |      | 2    | 3     | 1991 | Hà Nam                                        | Đại học Ngân Hàng Tp.HCM                        | Tài chính ngân hàng           |                   | HCM00828    |              | 57.50     | 47.50     | 65.00   |         | HCM00314 |
| 324 | NGÔ VÕ KIM       | HÀ   |                      |       |      | 22   | 9     | 1990 | Thừa Thiên Huế                                | Đại học Công nghệ TPHCM                         | Quản trị kinh doanh           |                   | HCM00829    |              | 82.50     | 68.75     | 72.50   |         | HCM00315 |
| 325 | NGUYỄN HẢI       | HÀ   | 15                   | 10    | 1987 |      |       |      | Hậu Giang                                     | Đại học Mở TP HCM                               | Quản trị kinh doanh quốc tế   |                   | HCM00830    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00316 |
| 326 | NGUYỄN THÁI      | HÀ   |                      |       |      | 10   | 8     | 1984 | HÀ NAM                                        | Đại học ĐẠI HỌC THÁI NGUYỄN                     | Kế toán doanh nghiệp          |                   | HCM00832    |              | 27.50     | 32.50     | 37.50   |         | HCM00317 |
| 327 | NGUYỄN THỊ       | HÀ   |                      |       |      | 20   | 11    | 1992 | Hải Dương                                     | Học viện Nông Nghiệp Việt Nam                   | Kế toán                       |                   | HCM00835    |              | 80.00     | 51.25     | 70.00   |         | HCM00318 |
| 328 | NGUYỄN THỊ       | HÀ   |                      |       |      | 22   | 6     | 1990 | Nghi Long, Nghi Lộc, Nghệ An                  | Đại học Vinh                                    | Kế toán                       |                   | HCM00834    |              | 17.50     | 56.25     | 72.50   |         | HCM00319 |
| 329 | NGUYỄN THỊ HOÀNG | HÀ   |                      |       |      | 20   | 8     | 1989 | Phù Cừ, Hưng Yên                              | Đại học Quảng Tây, Trung Quốc                   | Kinh tế quốc tế và thương mại |                   | HCM00837    |              | 42.50     | MT        | 52.50   |         | HCM00320 |
| 330 | NGUYỄN THỊ NGÂN  | HÀ   |                      |       |      | 5    | 9     | 1986 | TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa                  | Đại học Mở TP HCM                               | Kế toán                       |                   | HCM00838    |              | 65.00     | 38.75     | 62.50   |         | HCM00321 |
| 331 | NGUYỄN THỊ NGỌC  | HÀ   |                      |       |      | 17   | 10    | 1993 | Ninh Bình                                     | Đại học Sài Gòn Tp.HCM                          | Kế toán                       |                   | HCM00840    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00322 |
| 332 | NGUYỄN THỊ THU   | HÀ   |                      |       |      | 23   | 1     | 1993 | Đồng Sơn, Đồng Hưng, Thái Bình                | Đại học Ngoại Thương                            | Kinh tế đối ngoại             |                   | HCM00845    |              | 80.00     | 81.25     | 72.50   |         | HCM00323 |
| 333 | NGUYỄN THỊ THU   | HÀ   |                      |       |      | 1    | 9     | 1989 | THÁI BÌNH                                     | Đại học CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH       | Kế toán                       |                   | HCM00844    |              | 85.00     | 73.75     | 75.00   |         | HCM00325 |
| 334 | NGUYỄN THỊ THU   | HÀ   |                      |       |      | 11   | 10    | 1988 | Thái Bình                                     | Đại học Học Viện Công Nghệ Bưu Chính Viễn Thông | Quản trị kinh doanh           | Con TB            | HCM00843    | 20           | 82.50     | 66.25     | 80.00   |         | HCM00326 |
| 335 | NGUYỄN THỊ THU   | HÀ   |                      |       |      | 13   | 4     | 1985 | Tp Hồ Chí Minh                                | Đại học Mở TPHCM                                | Kế toán                       |                   | HCM00842    |              | 70.00     | 55.00     | 65.00   |         | HCM00324 |
| 336 | NGUYỄN THU       | HÀ   |                      |       |      | 7    | 2     | 1994 | Tỉnh Đắk Lắk                                  | Đại học Ngoại Thương Tp.HCM                     | Quản trị kinh doanh           |                   | HCM00849    |              | 82.50     | 87.50     | 85.00   |         | HCM00328 |
| 337 | NGUYỄN THU       | HÀ   |                      |       |      | 2    | 1     | 1994 | Bình Thuận                                    | Đại học Kinh tế - Luật                          | Tài chính ngân hàng           |                   | HCM00848    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00327 |
| 338 | NGUYỄN VIỆT      | HÀ   | 12                   | 12    | 1993 |      |       |      | Hà Nội                                        | Học viện Tài Chính                              | Thuế                          |                   | HCM00851    |              | 82.50     | 77.50     | 77.50   |         | HCM02099 |
| 339 | PHẠM LÊ HẢI      | HÀ   |                      |       |      | 11   | 6     | 1985 | BÌNH ĐỊNH                                     | Đại học NGÂN HÀNG TP. HCM                       | Tài chính tín dụng            |                   | HCM00852    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00329 |
| 340 | PHẠM THỊ THANH   | HÀ   |                      |       |      | 22   | 9     | 1987 | Xã Điện Trung, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam | Đại học Giao Thông Vận Tải                      | Kế toán                       |                   | HCM00855    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00330 |
| 341 | PHẠM THỊ THU     | HÀ   |                      |       |      | 10   | 2     | 1988 | Thành phố Hải Phòng                           | Đại học Mở TP Hồ Chí Minh                       | Tài chính ngân hàng           |                   | HCM00857    |              | 75.00     | 55.00     | 62.50   |         | HCM00331 |

ngk



| STT | Họ                | Tên  | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                 | Cơ sở đào tạo                               | Chuyên ngành đào tạo       | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|-------------------|------|----------------------|-------|------|------|-------|------|------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|     |                   |      | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                          |                                             |                            |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |                   |      | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                          |                                             |                            |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1   | 2                 | 3    | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                       | 11                                          | 12                         | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 342 | PHAN ĐỖ NGỌC      | HÀ   |                      |       |      | 27   | 3     | 1987 | Thành Phố Hồ Chí Minh                    | Đại học Công Nghệ Tp.HCM                    | Kế toán                    |                   | HCM00859    |              | 40.00     | 43.75     | 52.50   |         | HCM00332 |
| 343 | PHAN THỊ          | HÀ   |                      |       |      | 9    | 7     | 1992 | Quảng Ngãi                               | Đại học Công Nghiệp Tp.HCM                  | Kế toán - Kiểm toán        |                   | HCM00860    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00333 |
| 344 | TÔ THANH          | HÀ   |                      |       |      | 30   | 10    | 1991 | Nghệ An                                  | Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh          | Luật                       |                   | HCM00862    |              | 55.00     | 77.50     | 62.50   |         | HCM00333 |
| 345 | TRÁC THỊ NGỌC     | HÀ   |                      |       |      | 3    | 2     | 1991 | Thành phố Hồ Chí Minh                    | Đại học Kỹ Thuật Và Công Nghệ Thành Phố HCM | Kế toán tài chính          |                   | HCM00863    |              | 87.50     | 56.25     | 77.50   |         | HCM00335 |
| 346 | TRẦN THỊ          | HÀ   |                      |       |      | 2    | 4     | 1984 | Bình Định                                | Đại học Quốc Tế Hồng Bàng TP.HCM            | Kinh tế kế toán kiểm toán  |                   | HCM00864    |              | 55.00     | 35.00     | 72.50   |         | HCM00336 |
| 347 | TRẦN THỊ NGỌC     | HÀ   |                      |       |      | 4    | 8     | 1990 | Bến Tre                                  | Đại học Kinh Tế Tp.HCM                      | Kế toán                    |                   | HCM00867    |              | 75.00     | 46.25     | 77.50   |         | HCM00338 |
| 348 | TRẦN THỊ NGỌC     | HÀ   |                      |       |      | 16   | 7     | 1989 | Nghệ An                                  | Đại học Quốc tế Hồng Bàng TP.HCM            | Tài chính ngân hàng        |                   | HCM00866    |              | 45.00     | 42.50     | 37.50   |         | HCM00337 |
| 349 | DƯƠNG TUẤN        | HẢI  | 13                   | 4     | 1991 |      |       |      | Tay Ninh                                 | Đại học Ngân hàng TPHCM                     | Tài chính ngân hàng        |                   | HCM00874    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00339 |
| 350 | LÊ MINH           | HẢI  |                      |       |      | 21   | 7     | 1990 | hà nam                                   | Học viện Ngân Hàng                          | Kế toán                    |                   | HCM00877    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00340 |
| 351 | LÊ NAM            | HẢI  | 15                   | 8     | 1983 |      |       |      | NGHỆ AN                                  | Đại học LUẬT                                | Luật                       | Con TB            | HCM00878    | 20           | 70.00     | 50.00     | 70.00   |         | HCM00341 |
| 352 | LƯƠNG HỮU         | HẢI  | 20                   | 10    | 1986 |      |       |      | Hà Tĩnh                                  | Đại học Đà Lạt                              | Luật học                   | Con TB            | HCM00879    | 20           | 47.50     | 46.25     | 50.00   |         | HCM00342 |
| 353 | NGUYỄN NGỌC THÀNH | HẢI  | 6                    | 11    | 1984 |      |       |      | Long An                                  | Đại học Đà Lạt                              | Luật                       |                   | HCM00882    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00343 |
| 354 | NGUYỄN THỊ        | HẢI  |                      |       |      | 6    | 8     | 1986 | Đức Yên - Đức Thọ - Hà Tĩnh              | Đại học Kinh tế - Luật                      | Kế toán                    | Con BB            | HCM00885    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | HCM00344 |
| 355 | PHẠM VŨ           | HẢI  | 9                    | 1     | 1990 |      |       |      | Ninh Bình                                | Đại học Kinh Tế TPHCM                       | Kế toán                    |                   | HCM00888    |              | 55.00     | 50.00     | 65.00   |         | HCM00345 |
| 356 | PHAN THỊ THANH    | HẢI  |                      |       |      | 26   | 7     | 1991 | Quảng Trị                                | Đại học Kinh tế Tp.HCM                      | Tài chính doanh nghiệp     |                   | HCM00889    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00346 |
| 357 | DƯƠNG THỊ NGỌC    | HÂN  |                      |       |      | 1    | 6     | 1985 | Xuân Khánh, Ninh Kiều, Cần Thơ           | Đại học Sài Gòn, Tp. HCM                    | Kế toán                    |                   | HCM00891    |              | 47.50     | 30.00     | 47.50   |         | HCM00347 |
| 358 | PHẠM NGUYỄN QUẾ   | HÂN  |                      |       |      | 20   | 2     | 1994 | Bà Rịa - Vũng Tàu                        | Đại học Luật TP.HCM                         | Luật Thương mại            |                   | HCM00898    |              | 50.00     | 67.50     | 67.50   |         | HCM00348 |
| 359 | PHAN THỊ NGỌC     | HÂN  |                      |       |      | 2    | 3     | 1992 | Thành phố Hồ Chí Minh                    | Đại học Hùng Vương Tp Hồ Chí Minh           | Tài chính ngân hàng        |                   | HCM00899    |              | 82.50     | 48.75     | 67.50   |         | HCM00349 |
| 360 | CAO THỊ BÍCH      | HĂNG |                      |       |      | 22   | 4     | 1990 | Bắc Ninh                                 | Đại học Đại Học Mở Tp Hồ Chí Minh           | Kế toán                    |                   | HCM00907    |              | 90.00     | 53.75     | 57.50   |         | HCM00350 |
| 361 | ĐÀM THỊ BÍCH      | HĂNG |                      |       |      | 30   | 5     | 1993 | Hà Nội                                   | Đại học Văn Lang                            | Tài chính ngân hàng        |                   | HCM00908    |              | 87.50     | 63.75     | 75.00   |         | HCM00351 |
| 362 | ĐẶNG THỊ          | HĂNG |                      |       |      | 15   | 1     | 1990 | Nghĩa Đồng, Tân Kỳ, Nghệ An              | Đại học Tài Chính-Marketing                 | Kế toán                    |                   | HCM00909    |              | 75.00     | 42.50     | 77.50   |         | HCM00352 |
| 363 | ĐINH THỊ THU      | HĂNG |                      |       |      | 29   | 4     | 1994 | NÚI THÀNH, QUẢNG NAM                     | Đại học VĂN LANG                            | Kế toán                    |                   | HCM00912    |              | 55.00     | 62.50     | 57.50   |         | HCM00353 |
| 364 | ĐỖ THU            | HĂNG |                      |       |      | 20   | 2     | 1992 | xã Mỹ Lợi huyện Phú Mỹ, tỉnh Bình Định   | Đại học Công Nghiệp TP Hồ Chí Minh          | Kế toán - Kiểm toán        |                   | HCM00914    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00354 |
| 365 | LÊ THANH          | HĂNG |                      |       |      | 23   | 5     | 1987 | Thanh Hóa                                | Đại học Luật TP.HCM                         | Luật                       | Con TB            | HCM00919    | 20           | 65.00     | 75.00     | 72.50   |         | HCM00355 |
| 366 | LÊ THỊ CẨM        | HĂNG |                      |       |      | 10   | 6     | 1987 | Bà Rịa- Vũng tàu                         | Đại học Kinh tế tphcm                       | Kế toán                    |                   | HCM00920    |              | 72.50     | 66.25     | 55.00   |         | HCM00356 |
| 367 | LÊ THỊ MỸ         | HĂNG |                      |       |      | 21   | 9     | 1990 | QUẢNG TRỊ                                | Đại học KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG                   | Quản trị kinh doanh        |                   | HCM00922    |              | 67.50     | 27.50     | 52.50   |         | HCM00357 |
| 368 | LÊ THỊ NGỌC       | HĂNG |                      |       |      | 20   | 8     | 1991 | Quang Sơn, Đô Lương, Nghệ An             | Đại học Kỹ Thuật Công Nghệ Tp.HCM           | Kế toán - Kiểm toán        |                   | HCM00923    |              | 67.50     | 61.25     | 65.00   |         | HCM00358 |
| 369 | LÊ THỊ THÚY       | HĂNG |                      |       |      | 9    | 8     | 1982 | Đồng Vinh - Đông Sơn - Thanh Hóa         | Đại học Mở TP HCM                           | Kế toán                    |                   | HCM00926    |              | 50.00     | MT        | 62.50   |         | HCM00359 |
| 370 | NGUYỄN THỊ        | HĂNG |                      |       |      | 8    | 3     | 1991 | Xã Văn Diên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ an | Học viện Tài chính                          | Quản lý tài chính công     |                   | HCM00931    |              | 72.50     | 67.50     | 65.00   |         | HCM00360 |
| 371 | NGUYỄN THỊ MINH   | HĂNG |                      |       |      | 24   | 3     | 1992 | Bình Thuận                               | Đại học Kinh Tế TP.HCM                      | Quản trị kinh doanh        |                   | HCM00933    |              | 87.50     | 85.00     | 82.50   |         | HCM00361 |
| 372 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG | HĂNG |                      |       |      | 4    | 10    | 1992 | TP. Hồ Chí Minh                          | Đại học Tài Chính - Marketing               | Quản trị kinh doanh        |                   | HCM00935    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00362 |
| 373 | NGUYỄN THỊ THANH  | HĂNG |                      |       |      | 29   | 4     | 1992 | Xuân Hội- Chợ Lầu- Bắc Bình- Bình Thuận  | Đại học Đại học Ngân Hàng TPHCM             | Hệ thống thông tin quản lý |                   | HCM00937    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00363 |

*ngữ*



| STT | Họ                | Tên  | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                      | Cơ sở đào tạo                         | Chuyên ngành đào tạo                    | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|-------------------|------|----------------------|-------|------|------|-------|------|-----------------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|     |                   |      | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                               |                                       |                                         |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |                   |      | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                               |                                       |                                         |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1   | 2                 | 3    | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                            | 11                                    | 12                                      | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 374 | NGUYỄN THỊ THU    | HÀNG |                      |       |      | 14   | 2     | 1979 | Tây Ninh                                      | Đại học Kinh tế Tp.HCM                | Kinh tế                                 |                   | HCM00938    |              | 80.00     | 53.75     | 85.00   |         | HCM00364 |
| 375 | NGUYỄN THỊ THÚY   | HÀNG |                      |       |      | 5    | 6     | 1989 | ĂN TÍN-HOÀI ẤN-BÌNH ĐỊNH                      | Đại học CÔNG NGHIỆP TP.HCM            | Kế toán - Kiểm toán                     |                   | HCM00943    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00365 |
| 376 | NGUYỄN THỊ THÚY   | HÀNG |                      |       |      | 20   | 7     | 1985 | QUẢNG BÌNH                                    | Đại học KINH TẾ TPHCM                 | Kế toán                                 |                   | HCM00942    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00366 |
| 377 | NGUYỄN THU        | HÀNG |                      |       |      | 19   | 8     | 1991 | Nam Định                                      | Đại học Công Nghệ Tp.HCM              | Kế toán - Kiểm toán                     |                   | HCM00947    |              | 55.00     | 46.25     | 70.00   |         | HCM00367 |
| 378 | NGUYỄN THU        | HÀNG |                      |       |      | 20   | 8     | 1989 | Đồng Nai                                      | Đại học Marketing                     | Tài chính doanh nghiệp                  |                   | HCM00946    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00368 |
| 379 | PHẠM MINH         | HÀNG |                      |       |      | 2    | 7     | 1990 | Đồng Hưng-Thái Bình                           | Đại học Điện Lực                      | Quản trị doanh nghiệp                   |                   | HCM00949    |              | 80.00     | 71.25     | 77.50   |         | HCM00369 |
| 380 | PHẠM THỊ          | HÀNG |                      |       |      | 18   | 8     | 1993 | Thọ Lộc - Thọ Xuân - Thanh Hóa                | Đại học Tài Chính Marketing           | Tài chính ngân hàng                     |                   | HCM00951    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00370 |
| 381 | PHẠM THỊ          | HÀNG |                      |       |      | 2    | 9     | 1984 | Lâm Đồng                                      | Đại học kinh tế tphcm                 | Kế toán                                 |                   | HCM00950    |              | 52.50     | 36.25     | 57.50   |         | HCM00371 |
| 382 | PHAN THỊ THÚY     | HÀNG |                      |       |      | 18   | 6     | 1992 | Quảng Ngãi                                    | Đại học Nông Lâm TP Hồ Chí Minh       | Quản trị kinh doanh                     |                   | HCM00952    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00372 |
| 383 | VÔ THỊ THU        | HÀNG |                      |       |      | 10   | 1     | 1982 | Quảng Bình                                    | Đại học Kinh tế Tp. HCM               | Quản trị kinh doanh                     |                   | HCM00960    |              | 52.50     | MT        | 65.00   |         | HCM00373 |
| 384 | ĐỖ TRẦN VÂN       | HẠNH |                      |       |      | 10   | 11    | 1994 | An Giang                                      | Đại học Kinh tế - Luật                | Tài chính ngân hàng                     | DTTS              | HCM00967    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | HCM00374 |
| 385 | ĐỖ VŨ BÍCH        | HẠNH |                      |       |      | 14   | 11    | 1991 | Tỉnh Bình Định                                | Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh             | Quản trị kinh doanh                     | Con NHCS như TB   | HCM00968    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | HCM00375 |
| 386 | HOÀNG HỒNG        | HẠNH |                      |       |      | 5    | 3     | 1994 | Gio Linh, Quảng Trị                           | Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh      | Kế toán                                 |                   | HCM00969    |              | 87.50     | 67.50     | 65.00   |         | HCM00376 |
| 387 | HOÀNG THỊ         | HẠNH |                      |       |      | 9    | 8     | 1987 | Ninh Bình                                     | Đại học Ngân Hàng TP.HCM              | Tài chính ngân hàng                     |                   | HCM00970    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00377 |
| 388 | LÊ THỊ HỒNG       | HẠNH |                      |       |      | 19   | 3     | 1984 | Thành Phố Hồ Chí Minh                         | Đại học Kỹ Thuật Công Nghệ TP.HCM     | Quản trị kinh doanh - Tài chính kế toán |                   | HCM00973    |              | 62.50     | 40.00     | 62.50   |         | HCM00378 |
| 389 | LÊ THỊ MỸ         | HẠNH |                      |       |      | 12   | 10    | 1993 | TT.Bình Định, An Nhơn, Bình Định              | Đại học Kinh tế TP.HCM                | Kế toán                                 |                   | HCM00974    |              | 82.50     | 55.00     | 75.00   |         | HCM00379 |
| 390 | NGUYỄN ĐOÀN HỒNG  | HẠNH |                      |       |      | 23   | 8     | 1988 | TP Hồ Chí Minh                                | Đại học Đại Học Sài Gòn               | Kế toán                                 |                   | HCM00979    |              | 57.50     | 43.75     | 65.00   |         | HCM00380 |
| 391 | NGUYỄN HỮU        | HẠNH | 5                    | 1     | 1987 |      |       |      | Ninh Bình                                     | Đại học Ngân hàng Tp.HCM              | Kế toán - Kiểm toán                     |                   | HCM00980    |              | 70.00     | 61.25     | 75.00   |         | HCM00381 |
| 392 | NGUYỄN HUỲNH BÍCH | HẠNH |                      |       |      | 26   | 7     | 1990 | Long An                                       | Đại học Kinh Tế Thành Phố Hồ Chí Minh | Kế toán                                 | Con TB            | HCM00981    | 20           | 72.50     | 65.00     | 77.50   |         | HCM00382 |
| 393 | NGUYỄN NGỌC HỒNG  | HẠNH |                      |       |      | 16   | 9     | 1991 | Thành Phố Hồ Chí Minh                         | Đại học Dân Lập Văn Lang              | Quản trị kinh doanh                     |                   | HCM00983    |              | 72.50     | 63.75     | 67.50   |         | HCM00383 |
| 394 | NGUYỄN THỊ HỒNG   | HẠNH |                      |       |      | 23   | 10    | 1986 | xã Minh Tân - huyện Nam Sách - tỉnh Hải Dương | Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh    | Luật                                    | Con BB            | HCM00984    | 20           | 55.00     | 47.50     | 65.00   |         | HCM00384 |
| 395 | NGUYỄN THỊ MỸ     | HẠNH |                      |       |      | 1    | 9     | 1993 | Tiên Cẩm - Tiên Phước - Quảng Nam             | Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh        | Kế toán doanh nghiệp                    |                   | HCM00988    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00385 |
| 396 | NGUYỄN THỊ MỸ     | HẠNH |                      |       |      | 4    | 10    | 1989 | TP.HCM                                        | Đại học Luật TP.HCM                   | Luật                                    |                   | HCM00987    |              | 62.50     | 50.00     | 57.50   |         | HCM02108 |
| 397 | NGUYỄN THỊ NGỌC   | HẠNH |                      |       |      | 2    | 11    | 1982 | Bà Rịa-Vũng Tàu                               | Đại học Đại học kinh tế luật          | Tài chính ngân hàng                     |                   | HCM00989    |              | 45.00     | 30.00     | 47.50   |         | HCM00386 |
| 398 | PHẠM MỸ           | HẠNH |                      |       |      | 16   | 5     | 1990 | Ninh Bình                                     | Đại học Kinh tế TP.HCM                | Tài chính ngân hàng                     |                   | HCM00990    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00387 |
| 399 | THỊ KIM           | HẠNH |                      |       |      | 11   | 10    | 1991 | Thành Phố Hồ Chí Minh                         | Đại học Đại học Sài Gòn               | Luật                                    |                   | HCM00992    |              | 60.00     | 45.00     | 75.00   |         | HCM00388 |
| 400 | TRẦN THỊ TUYẾT    | HẠNH |                      |       |      | 8    | 8     | 1986 | Thái Bình                                     | Đại học Kinh tế tp.HCM                | Kế toán                                 |                   | HCM00995    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00389 |
| 401 | TRƯƠNG ANH        | HẢO  | 18                   | 3     | 1993 |      |       |      | Tây Ninh                                      | Đại học Hoa Sen                       | Tài chính doanh nghiệp                  |                   | HCM01000    |              | 95.00     | 60.00     | 72.50   |         | HCM00390 |
| 402 | NGUYỄN QUANG      | HẢO  | 17                   | 10    | 1989 |      |       |      | HƯNG YÊN                                      | Đại học Công Nghệ TPHCM               | Kế toán                                 |                   | HCM01006    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00391 |
| 403 | NGUYỄN VĂN        | HÁT  | 16                   | 2     | 1985 |      |       |      | Tỉnh Bình Định                                | Đại học Công Nghiệp Tp.HCM            | Kế toán - Kiểm toán                     |                   | HCM01009    |              | 42.50     | 37.50     | 70.00   |         | HCM00392 |
| 404 | LÃNG TRUNG        | HẬU  | 15                   | 6     | 1975 |      |       |      | Thành Phố Hồ Chí Minh                         | Đại học Văn Lang                      | Quản trị kinh doanh                     |                   | HCM01012    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00393 |
| 405 | TRẦN THỊ          | HẬU  |                      |       |      | 10   | 4     | 1991 | NGHỆ AN                                       | Đại học NÔNG LÂM TPHCM                | Kinh tế                                 |                   | HCM01016    |              | 70.00     | 51.25     | 60.00   |         | HCM00394 |



| STT | Họ              | Tên  | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                                  | Cơ sở đào tạo                         | Chuyên ngành đào tạo                      | Đối tượng ưu tiên  | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|-----------------|------|----------------------|-------|------|------|-------|------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|     |                 |      | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                                           |                                       |                                           |                    |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |                 |      | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                                           |                                       |                                           |                    |             |              |           |           |         |         |          |
| 1   | 2               | 3    | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                                        | 11                                    | 12                                        | 13                 | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 406 | TRẦN THỊ THÙY   | HẬU  |                      |       |      | 8    | 8     | 1988 | Kon Tum                                                   | Đại học Ngân hàng TP. HCM             | Tài chính ngân hàng                       |                    | HCM01017    |              | 57.50     | 63.75     | 65.00   |         | HCM00395 |
| 407 | VŨ THỊ          | HẬU  |                      |       |      | 1    | 6     | 1994 | xóm 7, xã Lăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An       | Đại học CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TPHCM   | Kế toán                                   |                    | HCM01019    |              | 77.50     | 46.25     | 67.50   |         | HCM00396 |
| 408 | VŨ THỊ HẢI      | HẬU  |                      |       |      | 29   | 7     | 1990 | Tỉnh Quảng Ninh                                           | Đại học Kinh tế TP Hà Nội             | Tài chính ngân hàng                       | Con NHĐKC bị NCDHH | HCM01020    | 20           | 52.50     | 27.50     | 52.50   |         | HCM00397 |
| 409 | PHAN VĂN        | HẾT  | 24                   | 9     | 1977 |      |       |      | Long An                                                   | Đại học Kinh tế TP.HCM                | Tài chính ngân hàng                       | Con BB             | HCM01021    | 20           | 60.00     | MT        | 62.50   |         | HCM00398 |
| 410 | PHẠM THỊ        | HIỀN |                      |       |      | 22   | 7     | 1980 | Hà Nội                                                    | Đại học Kinh Tế TPHCM                 | Tài chính doanh nghiệp                    |                    | HCM01023    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00399 |
| 411 | BÙI THỊ         | HIỀN |                      |       |      | 11   | 12    | 1994 | Thành phố Hồ Chí Minh                                     | Đại học Tài Chính Marketing           | Thuế                                      |                    | HCM01026    |              | 75.00     | 66.25     | 67.50   |         | HCM00400 |
| 412 | BÙI THỊ NGỌC    | HIỀN |                      |       |      | 1    | 8     | 1991 | Quảng Ngãi                                                | Đại học Kinh Tế Tp. Hồ Chí Minh       | Kế toán                                   |                    | HCM01027    |              | 77.50     | 65.00     | 80.00   |         | HCM00401 |
| 413 | ĐINH THỊ THẢO   | HIỀN |                      |       |      | 29   | 12    | 1991 | Long An                                                   | Đại học Kinh tế - Công nghiệp Long An | Tài chính ngân hàng                       |                    | HCM01031    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00402 |
| 414 | ĐỒNG THANH THÚY | HIỀN |                      |       |      | 9    | 11    | 1992 | Hải Dương                                                 | Đại học Sài Gòn                       | Quản trị kinh doanh                       |                    | HCM01036    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00403 |
| 415 | HỒ KIM          | HIỀN |                      |       |      | 11   | 8     | 1993 | Thành phố Hồ Chí Minh                                     | Đại học Tài chính - Marketing         | Quản trị kinh doanh                       |                    | HCM01037    |              | 57.50     | 66.25     | 65.00   |         | HCM00404 |
| 416 | HỒ VIỆT         | HIỀN | 20                   | 5     | 1992 |      |       |      | Khối Phúc Vinh - Phường Vinh Tân - Tp Vinh - tỉnh Nghệ An | Đại học Kinh tế - ĐH Đà Nẵng          | Kinh tế phát triển                        |                    | HCM01038    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00405 |
| 417 | HOÀNG THỊ BÍCH  | HIỀN |                      |       |      | 18   | 11    | 1987 | Nam Định                                                  | Đại học Sài Gòn                       | Kế toán                                   |                    | HCM01039    |              | 75.00     | 61.25     | 85.00   |         | HCM00406 |
| 418 | LÊ KIM          | HIỀN |                      |       |      | 10   | 11    | 1987 | Xã Chánh An, Huyện Mang Thít, Tỉnh Vĩnh Long              | Đại học Kinh tế TPHCM                 | Tài chính ngân hàng                       |                    | HCM01042    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00407 |
| 419 | NGÔ THỊ THANH   | HIỀN |                      |       |      | 5    | 4     | 1994 | Khánh Hòa                                                 | Đại học Kinh Tế TP.HCM                | Kế toán doanh nghiệp                      |                    | HCM01048    |              | 60.00     | 51.25     | 72.50   |         | HCM00408 |
| 420 | NGUYỄN THANH    | HIỀN |                      |       |      | 28   | 4     | 1994 | Gio Thành, Gio Linh, Quảng Trị                            | Đại học Kinh tế TPHCM                 | Tài chính                                 |                    | HCM01051    |              | 82.50     | 65.00     | 67.50   |         | HCM02112 |
| 421 | NGUYỄN THỊ      | HIỀN |                      |       |      | 27   | 3     | 1988 | Thái Bình                                                 | Đại học Kinh tế TPHCM                 | Tài chính ngân hàng                       |                    | HCM01055    |              | 60.00     | 45.00     | 70.00   |         | HCM00411 |
| 422 | NGUYỄN THỊ      | HIỀN |                      |       |      | 3    | 8     | 1984 | Nghệ An                                                   | Học viện Học Viện Tài Chính           | Kế toán doanh nghiệp                      |                    | HCM01054    |              | 77.50     | 73.75     | 65.00   |         | HCM00409 |
| 423 | NGUYỄN THỊ      | HIỀN |                      |       |      | 2    | 6     | 1980 | Hà Nội                                                    | Đại học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh        | Kế toán                                   |                    | HCM01052    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00410 |
| 424 | NGUYỄN THỊ KIM  | HIỀN |                      |       |      | 14   | 7     | 1980 | Thành Phố Hà Nội                                          | Đại học Kinh Tế TpHCM                 | Kế toán                                   |                    | HCM01057    |              | 45.00     | 36.25     | 60.00   |         | HCM00412 |
| 425 | NGUYỄN THỊ MỸ   | HIỀN |                      |       |      | 20   | 4     | 1988 | Tây Ninh                                                  | Đại học Kinh Tế TP. HCM               | Tài chính nhà nước                        |                    | HCM01058    |              | 92.50     | 47.50     | 57.50   |         | HCM00413 |
| 426 | NGUYỄN THỊ THU  | HIỀN |                      |       |      | 3    | 11    | 1989 | Tỉnh Bắc Giang                                            | Đại học Kinh tế - Luật TP. HCM        | Kế toán - Kiểm toán                       |                    | HCM01061    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00414 |
| 427 | NGUYỄN THỊ THU  | HIỀN |                      |       |      | 8    | 3     | 1986 | Thành phố Hồ Chí Minh                                     | Đại học Kinh Tế TPHCM                 | Kế toán                                   |                    | HCM01060    |              | VT        | MT        | VT      |         | HCM00415 |
| 428 | NGUYỄN XUÂN     | HIỀN |                      |       |      | 12   | 5     | 1984 | Thành phố Hồ Chí Minh                                     | Đại học Kinh Tế TP. HCM               | Tài chính ngân hàng                       |                    | HCM01063    |              | 67.50     | 37.50     | 70.00   |         | HCM00417 |
| 429 | NGUYỄN XUÂN     | HIỀN | 27                   | 5     | 1983 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                                     | Đại học Kinh tế TPHCM                 | Kinh tế lao động & quản lý nguồn nhân lực |                    | HCM01062    |              | 70.00     | 57.50     | 77.50   |         | HCM00416 |
| 430 | PHẠM THỊ MỸ     | HIỀN |                      |       |      | 2    | 2     | 1992 | Thành phố Hồ Chí Minh                                     | Đại học Văn Hiến TPHCM                | Quản trị kinh doanh tổng hợp              |                    | HCM01064    |              | 62.50     | 47.50     | 52.50   |         | HCM00418 |
| 431 | PHẠM THỊ THU    | HIỀN |                      |       |      | 24   | 2     | 1988 | Nam Định                                                  | Đại học QUỐC TẾ HỒNG BÀNG TPHCM       | Kế toán - Kiểm toán                       |                    | HCM01065    |              | 55.00     | 32.50     | 40.00   |         | HCM00419 |
| 432 | PHAN THỊ THANH  | HIỀN |                      |       |      | 5    | 9     | 1989 | 828 Huỳnh Tấn Phát Kp3 P.Tân Phú Q7 tp.HCM                | Đại học Ngân Hàng tp. HCM             | Tài chính ngân hàng                       |                    | HCM01068    |              | 75.00     | 62.50     | 72.50   |         | HCM00420 |
| 433 | TRẦN THỊ THANH  | HIỀN |                      |       |      | 18   | 5     | 1985 | Quảng Ngãi                                                | Đại học KINH TẾ TP HỒ CHÍ MINH        | Kế toán doanh nghiệp                      |                    | HCM01071    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00421 |
| 434 | TRẦN THỊ THU    | HIỀN |                      |       |      | 23   | 10    | 1990 | Nam Định                                                  | Đại học Quốc gia Hà Nội               | Tài chính ngân hàng                       |                    | HCM01072    |              | 62.50     | 58.75     | 57.50   |         | HCM00422 |
| 435 | TRẦN THỊ THU    | HIỀN |                      |       |      | 8    | 8     | 1991 | TỈNH HÀ TĨNH                                              | Đại học Vinh                          | Luật học                                  |                    | HCM01073    |              | 87.50     | 67.50     | 70.00   |         | HCM00423 |
| 436 | VÕ PHẠM PHÚC    | HIỀN | 1                    | 5     | 1969 |      |       |      | Thành Phố Hồ Chí Minh                                     | Đại học ĐH Mở Bán Công TP HCM         | Quản trị kinh doanh                       |                    | HCM01077    |              | 45.00     | 46.25     | 70.00   |         | HCM00424 |
| 437 | VÕ THỊ DIỆU     | HIỀN |                      |       |      | 26   | 11    | 1988 | Thành phố Hồ Chí Minh                                     | Đại học Hồng Bàng                     | Kế toán - Kiểm toán                       |                    | HCM01078    |              | 67.50     | 56.25     | 62.50   |         | HCM00425 |



| STT | Họ               | Tên  | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                             | Cơ sở đào tạo                                | Chuyên ngành đào tạo      | Đối tượng ưu tiên  | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|------------------|------|----------------------|-------|------|------|-------|------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------|--------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|     |                  |      | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                                      |                                              |                           |                    |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |                  |      | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                                      |                                              |                           |                    |             |              |           |           |         |         |          |
| 1   | 2                | 3    | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                                   | 11                                           | 12                        | 13                 | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 438 | NGUYỄN THẾ       | HIỀN | 11                   | 7     | 1986 |      |       |      | Thành Phố Hồ Chí Minh                                | Đại học ĐH Hồng Bàng                         | Kinh tế kế toán kiểm toán |                    | HCM01079    |              | 45.00     | 51.25     | 65.00   |         | HCM00426 |
| 439 | NGUYỄN PHƯỚC     | HIỆP | 8                    | 5     | 1988 |      |       |      | Xã An Phú Tây, Huyện Bình Chánh, Tp. HCM             | Đại học Mở Tp HCM                            | Quản trị kinh doanh       |                    | HCM01082    |              | 50.00     | 35.00     | 55.00   |         | HCM00427 |
| 440 | VŨ TRỌNG         | HIỆP | 3                    | 3     | 1992 |      |       |      | Xã Nghĩa Hồng, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định       | Đại học Ngân Hàng TPHCM                      | Tài chính ngân hàng       |                    | HCM01084    |              | 90.00     | 67.50     | 77.50   |         | HCM00428 |
| 441 | BÙI TRỌNG        | HIẾU | 9                    | 5     | 1988 |      |       |      | Bình Định                                            | Đại học Sài Gòn                              | Quản trị kinh doanh       |                    | HCM01085    |              | 60.00     | 55.00     | 72.50   |         | HCM00429 |
| 442 | CHÂU LÊ          | HIẾU | 9                    | 8     | 1988 |      |       |      | Xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh | Đại học Trà Vinh                             | Kế toán                   |                    | HCM01086    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00430 |
| 443 | LÊ KIM           | HIẾU |                      |       |      | 29   | 5     | 1988 | Tiền Giang                                           | Đại học Hồng Bàng                            | Kế toán - Kiểm toán       |                    | HCM01091    |              | 52.50     | VT        | VT      |         | HCM00431 |
| 444 | LÊ MINH          | HIẾU | 11                   | 4     | 1990 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                                | Đại học Lương Thế Vinh                       | Kế toán                   |                    | HCM01092    |              | 57.50     | 42.50     | 60.00   |         | HCM00432 |
| 445 | NGUYỄN HÀ DUY    | HIẾU |                      |       |      | 20   | 10    | 1989 | Thành phố Hồ Chí Minh                                | Đại học Hùng Vương TP.HCM                    | Kế toán                   |                    | HCM01097    |              | 67.50     | 48.75     | 47.50   |         | HCM00433 |
| 446 | NGUYỄN THANH     | HIẾU | 27                   | 10    | 1988 |      |       |      | Bình Định                                            | Đại học Kinh tế TPHCM                        | Kế toán                   |                    | HCM01099    |              | 52.50     | 48.75     | 65.00   |         | HCM00434 |
| 447 | NGUYỄN THỊ HỒNG  | HIẾU |                      |       |      | 4    | 11    | 1983 | Phường Hiệp Thành, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh          | Đại học Vinh                                 | Luật                      |                    | HCM01100    |              | 62.50     | 40.00     | 60.00   |         | HCM00435 |
| 448 | NGUYỄN THỊ MINH  | HIẾU |                      |       |      | 30   | 6     | 1991 | Xã Cát Hanh, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định           | Đại học Kinh Tế, TP. HCM                     | Kế toán - Kiểm toán       |                    | HCM01101    |              | 97.50     | 78.75     | 82.50   |         | HCM00436 |
| 449 | NGUYỄN THỊ TRUNG | HIẾU |                      |       |      | 20   | 10    | 1986 | Thành phố Hồ Chí Minh                                | Đại học Lạc Hồng                             | Kế toán                   |                    | HCM01102    |              | 62.50     | 47.50     | 62.50   |         | HCM00437 |
| 450 | NGUYỄN THUY MINH | HIẾU |                      |       |      | 28   | 9     | 1989 | Thành phố Hồ Chí Minh                                | Đại học Luật Tp.HCM                          | Luật học                  |                    | HCM01103    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00438 |
| 451 | NGUYỄN TRUNG     | HIẾU | 1                    | 11    | 1991 |      |       |      | Hà Tĩnh                                              | Đại học Công nghiệp TP HCM                   | Kế toán - Kiểm toán       |                    | HCM01105    |              | 47.50     | 50.00     | 67.50   |         | HCM00439 |
| 452 | NGUYỄN VĂN       | HIẾU | 13                   | 3     | 1991 |      |       |      | Nghệ An                                              | Đại học Công Nghiệp thành phố Hồ Chí Minh    | Kế toán                   |                    | HCM01107    |              | 77.50     | 47.50     | 72.50   |         | HCM00440 |
| 453 | PHẠM DUY         | HIẾU | 27                   | 4     | 1988 |      |       |      | An Nhơn - Bình Định                                  | Đại học Kinh Tế Luật                         | Kinh tế đối ngoại         |                    | HCM01110    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00441 |
| 454 | PHẠM KHẮC        | HIẾU | 22                   | 3     | 1982 |      |       |      | Tiền Giang                                           | Đại học Charles Sturt University             | Kế toán                   |                    | HCM01111    |              | VT        | MT        | VT      |         | HCM00442 |
| 455 | PHẠM THỊ MINH    | HIẾU |                      |       |      | 6    | 10    | 1992 | Ninh Thuận                                           | Đại học Kinh Tế Luật                         | Luật Kinh doanh           |                    | HCM01113    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00443 |
| 456 | PHẠM THỊ MINH    | HIẾU |                      |       |      | 21   | 11    | 1988 | Phú Yên                                              | Đại học Kinh tế TP.HCM                       | Tài chính doanh nghiệp    |                    | HCM01112    |              | 47.50     | 62.50     | 67.50   |         | HCM00444 |
| 457 | PHẠM TRUNG       | HIẾU | 9                    | 10    | 1987 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                                | Đại học quốc tế Hồng Bàng TP.HCM             | Quản trị kinh doanh       | Con TB             | HCM01114    | 20           | 37.50     | 48.75     | 65.00   |         | HCM00445 |
| 458 | THÁI QUỐC        | HIẾU | 1                    | 4     | 1973 |      |       |      | Bạc Liêu                                             | Đại học Tài Chính kế toán TP.Hồ Chí Minh     | Tài chính - Kế toán       |                    | HCM01117    |              | 72.50     | MT        | 72.50   |         | HCM00446 |
| 459 | TRƯƠNG THỊ NGỌC  | HIẾU |                      |       |      | 27   | 10    | 1991 | BÌNH ĐỊNH                                            | Đại học MỞ TP HCM                            | Tài chính ngân hàng       |                    | HCM01120    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00447 |
| 460 | TRẦN TUẤN        | HINH | 25                   | 2     | 1994 |      |       |      | Xóm 8, xã Trường Sơn, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh    | Học viện Tài Chính                           | Tài chính ngân hàng       |                    | HCM01125    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00448 |
| 461 | TRẦN PHI         | HỒ   | 19                   | 12    | 1980 |      |       |      | An Phú, Tịnh Biên, An Giang                          | Đại học Kinh Tế Thành Phố Hồ Chí Minh        | Quản trị kinh doanh       |                    | HCM01127    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00449 |
| 462 | BÙI THỊ          | HOA  |                      |       |      | 25   | 12    | 1992 | Yên Dương - Ý Yên - Nam Định                         | Đại học Thăng Long                           | Kế toán tài chính         | Con NHĐKC bị NCDHH | HCM01128    | 20           | 75.00     | 71.25     | 90.00   |         | HCM00450 |
| 463 | LÊ TÓ THIÊN      | HOA  |                      |       |      | 19   | 8     | 1991 | Hoài Ân, Bình Định                                   | Đại học Tài chính - Marketing                | Tài chính ngân hàng       |                    | HCM01135    |              | 82.50     | 70.00     | 67.50   |         | HCM00451 |
| 464 | NGUYỄN THỊ       | HOA  |                      |       |      | 26   | 3     | 1988 | Nghệ An                                              | Đại học Công Nghiệp Thực Phẩm Tp.Hồ Chí Minh | Kế toán                   |                    | HCM01137    |              | 82.50     | 38.75     | 80.00   |         | HCM00452 |
| 465 | NGUYỄN THỊ KIM   | HOA  |                      |       |      | 1    | 11    | 1988 | Hà Tây                                               | Đại học Nha Trang                            | Kế toán                   |                    | HCM01140    |              | 47.50     | 27.50     | 30.00   |         | HCM00453 |
| 466 | NGUYỄN THỊ LÂM   | HOA  |                      |       |      | 13   | 1     | 1985 | Quảng Bình                                           | Đại học Trà Vinh                             | Kế toán                   |                    | HCM01141    |              | 27.50     | 33.75     | 32.50   |         | HCM00454 |
| 467 | NGUYỄN THỊ THỦY  | HOA  |                      |       |      | 22   | 12    | 1986 | Quảng Ngãi                                           | Đại học Kinh Tế TP. HCM                      | Tài chính ngân hàng       |                    | HCM01146    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00455 |

*ng*



| STT | Họ               | Tên   | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                                            | Cơ sở đào tạo                             | Chuyên ngành đào tạo | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|------------------|-------|----------------------|-------|------|------|-------|------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|     |                  |       | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                                                     |                                           |                      |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |                  |       | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                                                     |                                           |                      |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1   | 2                | 3     | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                                                  | 11                                        | 12                   | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 468 | PHẠM THỊ QUỲNH   | HOA   |                      |       |      | 1    | 3     | 1992 | Hà Tĩnh                                                             | Đại học Lao Động Xã Hội (CSII)            | Kế toán              |                   | HCM01147    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00456 |
| 469 | TRẦN THỊ         | HOA   |                      |       |      | 18   | 6     | 1992 | Hà Tĩnh                                                             | Đại học Vinh                              | Kế toán              |                   | HCM01149    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00457 |
| 470 | TRƯƠNG THỊ       | HOA   |                      |       |      | 2    | 4     | 1987 | Phú Yên                                                             | Đại học Đại Học Bình Dương                | Quản trị kinh doanh  |                   | HCM01150    |              | 40.00     | 26.25     | 35.00   |         | HCM00458 |
| 471 | NGUYỄN HỮU       | HÓA   | 31                   | 8     | 1989 |      |       |      | Thừa Thiên - Huế                                                    | Đại học ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ               | Quản trị kinh doanh  |                   | HCM01155    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00459 |
| 472 | ĐINH XUÂN        | HÒA   | 22                   | 5     | 1985 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                                               | Đại học Tôn Đức Thắng                     | Tài chính tín dụng   |                   | HCM01157    |              | 75.00     | 61.25     | 75.00   |         | HCM00460 |
| 473 | LÊ THỊ NGỌC      | HÒA   |                      |       |      | 2    | 10    | 1990 | Phú Yên                                                             | Đại học Hùng Vương Tp.HCM                 | Tài chính ngân hàng  |                   | HCM01159    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00461 |
| 474 | NGUYỄN THỊ MINH  | HÒA   |                      |       |      | 19   | 9     | 1988 | thành phố Hải Dương                                                 | Đại học NGÂN HÀNG TP.HCM                  | Tài chính ngân hàng  |                   | HCM01162    |              | 62.50     | 48.75     | 72.50   |         | HCM00462 |
| 475 | NGUYỄN THỊ THU   | HÒA   |                      |       |      | 5    | 11    | 1989 | Huyện Định Quán, Đồng Nai                                           | Đại học Văn Lang                          | Tài chính ngân hàng  |                   | HCM01163    |              | 65.00     | 55.00     | 55.00   |         | HCM00463 |
| 476 | PHAN THANH       | HÒA   | 8                    | 2     | 1988 |      |       |      | Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh                             | Đại học Meiho                             | Quản trị kinh doanh  |                   | HCM01164    |              | VT        | MT        | VT      |         | HCM00464 |
| 477 | TRẦN NGUYỄN HẢI  | HÒA   |                      |       |      | 10   | 10    | 1994 | Bình Định                                                           | Đại học Kinh tế- Luật                     | Quản trị kinh doanh  |                   | HCM01165    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00465 |
| 478 | VŨ THỊ           | HÒA   |                      |       |      | 23   | 8     | 1988 | Thôn Thạch Trung, Xã Quảng Thạch, Huyện Quảng Xương, Tỉnh Thanh Hóa | Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh     | Tài chính nhà nước   | Con BB            | HCM01167    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | HCM00466 |
| 479 | HUỲNH THỊ THU    | HOÀI  |                      |       |      | 13   | 2     | 1994 | Tỉnh Phú Yên                                                        | Đại học Tài chính - Marketing             | Tài chính ngân hàng  |                   | HCM01169    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00467 |
| 480 | LÊ THỊ           | HOÀI  |                      |       |      | 25   | 5     | 1982 | Xã Thạch Ngọc, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh                         | Đại học Trường đại học Lạc Hồng           | Kế toán              |                   | HCM01170    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00468 |
| 481 | NGUYỄN THỊ       | HOÀI  |                      |       |      | 19   | 3     | 1992 | CẨM PHẢ-GIO MỸ-GIO LINH-QUẢNG TRỊ                                   | Đại học CÔNG NGHIỆP TP.HCM                | Kế toán              |                   | HCM01172    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00469 |
| 482 | PHẠM THỊ         | HOÀI  |                      |       |      | 23   | 5     | 1991 | Nam Định                                                            | Đại học Thương Mại Hà Nội                 | Tài chính ngân hàng  | Con BB            | HCM01174    | 20           | 95.00     | 73.75     | 72.50   |         | HCM00470 |
| 483 | PHẠM QUANG       | HOAN  | 11                   | 10    | 1987 |      |       |      | Tỉnh Hải Dương                                                      | Đại học Công nghệ Tp.HCM                  | Quản trị kinh doanh  |                   | HCM01175    |              | 62.50     | 36.25     | 47.50   |         | HCM00471 |
| 484 | TRẦN THANH       | HOÀN  | 11                   | 11    | 1991 |      |       |      | Thanh Oai, Hà Nội                                                   | Đại học Kinh Doanh và Công Nghệ Hà Nội    | Tài chính            |                   | HCM01177    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00472 |
| 485 | ĐỖ LÊ            | HOÀNG | 14                   | 5     | 1987 |      |       |      | Ninh Bình                                                           | Đại học Quốc Tế Hồng Bàng                 | Quản trị kinh doanh  | Con TB            | HCM01180    | 20           | 55.00     | 51.25     | 50.00   |         | HCM00473 |
| 486 | DOÃN LÊ          | HOÀNG | 22                   | 6     | 1987 |      |       |      | Nghệ An                                                             | Đại học Kỹ Thuật Công Nghệ Tp Hồ Chí Minh | Quản trị kinh doanh  |                   | HCM01181    |              | 47.50     | 50.00     | 57.50   |         | HCM00474 |
| 487 | ĐOÀN NGUYỄN NHẬT | HOÀNG | 27                   | 10    | 1991 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                                               | Đại học Tôn Đức Thắng                     | Quản trị kinh doanh  |                   | HCM01182    |              | 47.50     | 58.75     | 72.50   |         | HCM00475 |
| 488 | HÀ KIM           | HOÀNG |                      |       |      | 13   | 1     | 1994 | Thành phố Vũng Tàu                                                  | Đại học Công Nghệ Thành Phố Hồ Chí Minh   | Kế toán tài chính    |                   | HCM01185    |              | 45.00     | 70.00     | 62.50   |         | HCM00476 |
| 489 | LÊ THANH         | HOÀNG | 11                   | 6     | 1992 |      |       |      | Thành Phố Hồ Chí Minh                                               | Đại học Công Nghiệp TP.HCM                | Tài chính ngân hàng  |                   | HCM01190    |              | 55.00     | 65.00     | 75.00   |         | HCM00477 |
| 490 | LÊ VĂN           | HOÀNG | 27                   | 8     | 1989 |      |       |      | Xã Trung Chính, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.                    | Học viện Tài Chính                        | Tài chính ngân hàng  |                   | HCM01191    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00478 |
| 491 | NGÔ ĐỨC          | HOÀNG | 16                   | 10    | 1991 |      |       |      | Hà Tĩnh                                                             | Đại học Kinh Tế Tp.HCM                    | Tài chính nhà nước   |                   | HCM01192    |              | 100.00    | 75.00     | 77.50   |         | HCM00479 |
| 492 | PHẠM NGUYỄN MINH | HOÀNG | 9                    | 12    | 1994 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                                               | Đại học Công Nghiệp TP.HCM                | Kế toán - Kiểm toán  |                   | HCM01196    |              | 65.00     | 65.00     | 80.00   |         | HCM00480 |
| 493 | PHẠM THỊ XUÂN    | HOÀNG |                      |       |      | 28   | 4     | 1993 | Điện Thắng - Điện Bàn - Quảng Nam                                   | Đại học Công nghệ                         | Tài chính ngân hàng  |                   | HCM01197    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00481 |
| 494 | TRẦN NGỌC        | HOÀNG | 25                   | 9     | 1992 |      |       |      | Nghệ An                                                             | Học viện tài chính                        | Kế toán              |                   | HCM01200    |              | 95.00     | 75.00     | 90.00   |         | HCM00482 |
| 495 | TRƯƠNG THỊ MỘNG  | HOÀNG |                      |       |      | 26   | 10    | 1987 | Bến Tre                                                             | Đại học Mở TP.HCM                         | Kế toán              |                   | HCM01201    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00483 |
| 496 | VÕ LÊ MINH       | HOÀNG |                      |       |      | 25   | 7     | 1991 | Xã Mỹ Chánh , Huyện Phú Mỹ , Bình Định                              | Đại học ĐH Trà Vinh                       | Tài chính ngân hàng  |                   | HCM01202    |              | 70.00     | 50.00     | 67.50   |         | HCM00484 |



| STT | Họ              | Tên   | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                     | Cơ sở đào tạo                              | Chuyên ngành đào tạo        | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|-----------------|-------|----------------------|-------|------|------|-------|------|----------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|     |                 |       | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                              |                                            |                             |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |                 |       | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                              |                                            |                             |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1   | 2               | 3     | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                           | 11                                         | 12                          | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 497 | ĐẶNG THỊ THÙY   | HOANH |                      |       |      | 30   | 12    | 1992 | Quảng Ngãi                                   | Đại học Quy Nhơn                           | Tài chính công              |                   | HCM01204    |              | 62.50     | 46.25     | 60.00   |         | HCM00485 |
| 498 | PHAN THẾ        | HỘI   | 10                   | 2     | 1993 |      |       |      | Xã Hòa Thắng, Huyện Phú Hòa, Tỉnh Phú Yên    | Đại học Mở TP.HCM                          | Quản trị kinh doanh         |                   | HCM01207    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00486 |
| 499 | NGUYỄN THỊ      | HỚN   |                      |       |      | 26   | 4     | 1994 | Ngũ Phụng, Phú Quý, Bình Thuận               | Đại học Công nghiệp Tp.HCM                 | Kế toán - Kiểm toán         |                   | HCM01212    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00487 |
| 500 | LÊ THÈ          | HÔNG  |                      |       |      | 14   | 9     | 1993 | Tiền Giang                                   | Đại học Ngân Hàng TP.HCM                   | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM01220    |              | 65.00     | 78.75     | 75.00   |         | HCM00488 |
| 501 | LÊ THỊ          | HÔNG  |                      |       |      | 3    | 7     | 1992 | Thanh Hóa                                    | Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh  | Kế toán                     |                   | HCM01222    |              | 92.50     | 53.75     | 72.50   |         | HCM00489 |
| 502 | LÊ THỊ          | HÔNG  |                      |       |      | 4    | 5     | 1985 | Hoàng Hà, Hoàng Hóa, Thanh Hóa               | Đại học Đại Học Sài Gòn                    | Kế toán                     | Con BB            | HCM01221    | 20           | 52.50     | 40.00     | 57.50   |         | HCM00490 |
| 503 | LÊ THỊ ÁNH      | HÔNG  |                      |       |      | 17   | 5     | 1977 | Tiền Giang                                   | Đại học Thương Mại Hà Nội                  | Kế toán                     |                   | HCM01223    |              | 52.50     | 37.50     | 42.50   |         | HCM00491 |
| 504 | MAI THỊ CẨM     | HÔNG  |                      |       |      | 22   | 12    | 1983 | Thành Phố Hồ Chí Minh                        | Đại học đại học Trà Vinh                   | Quản trị kinh doanh         |                   | HCM01224    |              | 37.50     | 51.25     | 50.00   |         | HCM00492 |
| 505 | NGUYỄN PHAN THU | HÔNG  |                      |       |      | 31   | 8     | 1989 | Thành phố Hồ chí Minh                        | Đại học SÀI GÒN                            | Kế toán                     |                   | HCM01226    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00493 |
| 506 | NGUYỄN THỊ      | HÔNG  |                      |       |      | 11   | 5     | 1989 | Nghệ An                                      | Đại học Kinh tế TP HCM                     | Kế toán                     | Con TB            | HCM01228    | 20           | 72.50     | 58.75     | 70.00   |         | HCM00494 |
| 507 | NGUYỄN THỊ ÁNH  | HÔNG  |                      |       |      | 6    | 2     | 1994 | Đồng Nai                                     | Đại học Công Nghiệp Thực Phẩm Tp.HCM       | Kế toán                     |                   | HCM01230    |              | 82.50     | 51.25     | 72.50   |         | HCM00495 |
| 508 | PHẠM BÍCH       | HÔNG  |                      |       |      | 1    | 5     | 1991 | Quảng Ngãi                                   | Đại học Kinh Tế TP HCM                     | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM01235    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00496 |
| 509 | PHẠM THỊ        | HÔNG  |                      |       |      | 18   | 8     | 1990 | Yên Đồng , Yên Mô , Ninh Bình                | Đại học Kinh Tế Quốc Dân                   | Kế toán                     |                   | HCM01236    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00497 |
| 510 | TRẦN ÁNH        | HÔNG  |                      |       |      | 7    | 10    | 1991 | Xã Nam Thịnh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình | Đại học Tôn Đức Thắng                      | Kế toán doanh nghiệp        |                   | HCM01240    |              | 75.00     | 58.75     | 75.00   |         | HCM00498 |
| 511 | TRẦN KHÁNH      | HÔNG  |                      |       |      | 27   | 4     | 1983 | Vĩnh Phúc                                    | Đại học Mở TP.HCM                          | Kế toán                     |                   | HCM01241    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00499 |
| 512 | VÕ THỊ          | HÔNG  |                      |       |      | 7    | 7     | 1992 | Quảng Phú - Quảng Trạch - Quảng Bình         | Đại học Luật TP.HCM                        | Luật                        |                   | HCM01245    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00500 |
| 513 | VŨ THỊ          | HÔNG  |                      |       |      | 17   | 5     | 1990 | Ninh Bình                                    | Đại học Kinh tế - Luật                     | Kế toán                     |                   | HCM01246    |              | 87.50     | 53.75     | 80.00   |         | HCM00501 |
| 514 | LÊ THỊ HÔNG     | HỢP   |                      |       |      | 14   | 9     | 1988 | Hòa Xuân Đông, Đông Hòa, Phú Yên             | Đại học Sài Gòn                            | Kế toán                     |                   | HCM01247    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00502 |
| 515 | VÕ THỊ          | HỢP   |                      |       |      | 21   | 6     | 1990 | Ha Tinh                                      | Đại học Đại học giao thông vận tải cơ sở 2 | Kế toán                     |                   | HCM01248    |              | 62.50     | 52.50     | 67.50   |         | HCM00503 |
| 516 | TRẦN THỊ        | HUẾ   |                      |       |      | 15   | 7     | 1989 | ho chí minh                                  | Đại học Đại Học An Giang                   | Quản trị kinh doanh         |                   | HCM01252    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00504 |
| 517 | ĐÌNH THỊ        | HUẾ   |                      |       |      | 6    | 9     | 1987 | Xã Giao An, Huyện Giao Thủy, Tỉnh Nam Định   | Đại học Giao Thông Vận Tải                 | Kế toán doanh nghiệp        |                   | HCM01253    |              | 67.50     | 37.50     | 70.00   |         | HCM00505 |
| 518 | PHẠM THỊ        | HUẾ   |                      |       |      | 6    | 11    | 1992 | Hải Dương                                    | Học viện Nông Nghiệp Việt Nam              | Quản trị kinh doanh         |                   | HCM01255    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00506 |
| 519 | HỒ THỊ          | HUỆ   |                      |       |      | 15   | 11    | 1992 | Bình Định                                    | Đại học Kinh tế Tp. HCM                    | Quản trị kinh doanh         |                   | HCM01256    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00507 |
| 520 | LÊ THỊ          | HUỆ   |                      |       |      | 10   | 1     | 1986 | Xã Thọ Sơn, H.Anh sơn, T.Nghệ An             | Đại học Tài Chính - Marketing              | Kế toán                     |                   | HCM01258    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00508 |
| 521 | NGUYỄN THỊ KIM  | HUỆ   |                      |       |      | 1    | 1     | 1994 | Bình Phước                                   | Đại học Công Nghệ TP. HCM                  | Kế toán - Kiểm toán         |                   | HCM01264    |              | 70.00     | 62.50     | 65.00   |         | HCM00509 |
| 522 | PHẠM THỊ        | HUỆ   |                      |       |      | 7    | 3     | 1993 | Hà Nam                                       | Đại học Quốc tế Hồng Bàng                  | Kế toán - Kiểm toán         |                   | HCM01266    |              | 52.50     | 41.25     | 42.50   |         | HCM00510 |
| 523 | ĐÌNH QUANG      | HÙNG  | 7                    | 7     | 1993 |      |       |      | Hoài Nhơn, Bình Định                         | Đại học Tài Chính Marketing                | Kinh tế tài chính ngân hàng |                   | HCM01268    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00511 |
| 524 | LÝ NAM          | HÙNG  | 6                    | 10    | 1991 |      |       |      | Cà Mau                                       | Đại học Dân Lập Văn Lang                   | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM01270    |              | 82.50     | 73.75     | 72.50   |         | HCM00512 |
| 525 | NGUYỄN TẮNG     | HÙNG  | 3                    | 3     | 1977 |      |       |      | Thừa Thiên Huế                               | Đại học Thủy Sản Nha Trang                 | Quản trị kinh doanh         |                   | HCM01272    |              | 42.50     | 31.25     | 52.50   |         | HCM00513 |
| 526 | QUÁCH TRỌNG     | HÙNG  | 30                   | 10    | 1992 |      |       |      | Trung Quốc                                   | Đại học University of Greenwich            | Quản trị kinh doanh         |                   | HCM01277    |              | 47.50     | MT        | 72.50   |         | HCM00514 |
| 527 | ĐỒNG THIÊN      | HƯNG  | 26                   | 1     | 1991 |      |       |      | Thái Bình                                    | Đại học Đại học Meiho - Đài Loan           | Tài chính                   |                   | HCM01280    |              | 67.50     | MT        | 72.50   |         | HCM00515 |

*nghe*



| STT | Họ               | Tên    | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                     | Cơ sở đào tạo                                     | Chuyên ngành đào tạo        | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi       |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|------------------|--------|----------------------|-------|------|------|-------|------|----------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------|-------------|--------------|----------------|-----------|---------|---------|----------|
|     |                  |        | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                              |                                                   |                             |                   |             |              | NV/VT<br>CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |                  |        | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                              |                                                   |                             |                   |             |              |                |           |         |         |          |
| 1   | 2                | 3      | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                           | 11                                                | 12                          | 13                | 14          | 15           | 16             | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 528 | HOÀNG CẢNH       | HƯ'NG  | 18                   | 2     | 1993 |      |       |      | TP Quy Nhơn, Bình Định                       | Đại học Công Nghiệp TP Hồ Chí Minh                | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM01281    |              | 57.50          | 38.75     | 55.00   |         | HCM00516 |
| 529 | HOÀNG MINH       | HƯ'NG  | 29                   | 1     | 1994 |      |       |      | Hải Dương                                    | Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. HCM             | Kế toán                     |                   | HCM01283    |              | 55.00          | 46.25     | 62.50   |         | HCM00517 |
| 530 | LÊ THỊ KHÁNH     | HƯ'NG  |                      |       |      | 28   | 3     | 1986 | Nhơn Hạnh, An Nhơn, Bình Định                | Đại học Ngân hàng TP.HCM                          | Ngân hàng                   |                   | HCM01287    |              | 92.50          | 56.25     | 75.00   |         | HCM00518 |
| 531 | NGUYỄN NGỌC      | HƯ'NG  | 6                    | 2     | 1978 |      |       |      | Huyện Cần Giuộc, Tp.HCM                      | Đại học Kinh Tế Tp.HCM                            | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM01289    |              | 42.50          | 32.50     | 60.00   |         | HCM00519 |
| 532 | NGUYỄN VĂN       | HƯ'NG  | 24                   | 1     | 1993 |      |       |      | Hải Dương                                    | Đại học Văn Lang                                  | Kế toán                     |                   | HCM01290    |              | VT             | VT        | VT      |         | HCM00520 |
| 533 | PHAN SỸ          | HƯ'NG  | 21                   | 7     | 1992 |      |       |      | Đồng Nai                                     | Đại học Luật Tp.HCM                               | Luật                        |                   | HCM01293    |              | VT             | VT        | VT      |         | HCM00521 |
| 534 | TẠ QUANG         | HƯ'NG  | 2                    | 9     | 1991 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                        | Đại học Kinh Tế Tp.HCM                            | Kinh tế kế hoạch & đầu tư   |                   | HCM01294    |              | VT             | VT        | VT      |         | HCM00522 |
| 535 | TRẦN VĂN         | HƯ'NG  | 26                   | 7     | 1988 |      |       |      | Nam Định                                     | Đại học Luật TPHCM                                | Luật                        |                   | HCM01296    |              | 80.00          | 37.50     | 67.50   |         | HCM00523 |
| 536 | BÙI NGUYỄN THIÊN | HƯ'ONG |                      |       |      | 5    | 2     | 1986 | Tiền Giang                                   | Đại học Công Nghiệp Thành Phố Hồ Chí Minh         | Quản trị kinh doanh         |                   | HCM01297    |              | 65.00          | 71.25     | 70.00   |         | HCM00524 |
| 537 | CÙ THỊ MỸ        | HƯ'ONG |                      |       |      | 6    | 11    | 1985 | Xã Sơn Long - huyện Hương Sơn - tỉnh Hà tĩnh | Đại học Vinh                                      | Kế toán                     |                   | HCM01301    |              | VT             | VT        | VT      |         | HCM00525 |
| 538 | ĐÀO THỊ          | HƯ'ONG |                      |       |      | 24   | 5     | 1989 | Thái Bình                                    | Đại học Kinh Tế Quốc Dân                          | Kế toán                     |                   | HCM01302    |              | VT             | VT        | VT      |         | HCM00526 |
| 539 | ĐINH THỊ         | HƯ'ONG |                      |       |      | 10   | 3     | 1989 | Thanh Hóa                                    | Đại học Kinh tế TPHCM                             | Kiểm toán                   |                   | HCM01303    |              | 60.00          | 40.00     | 80.00   |         | HCM02110 |
| 540 | ĐOÀN THỊ MAI     | HƯ'ONG |                      |       |      | 20   | 3     | 1990 | Quảng Bình                                   | Đại học Tôn Đức Thắng                             | Kế toán                     |                   | HCM01307    |              | 62.50          | 33.75     | 55.00   |         | HCM00527 |
| 541 | HOÀNG LAN        | HƯ'ONG |                      |       |      | 24   | 12    | 1992 | Ứng hòa - hà nội                             | Đại học Công Đoàn                                 | Tài chính doanh nghiệp      |                   | HCM01309    |              | 92.50          | 78.75     | 85.00   |         | HCM00528 |
| 542 | HOÀNG THỊ KIM    | HƯ'ONG |                      |       |      | 22   | 3     | 1989 | Quảng Ngãi                                   | Đại học Kinh Tế TP.HCM                            | Kế toán                     |                   | HCM01310    |              | VT             | VT        | VT      |         | HCM00529 |
| 543 | LÊ THỊ CẨM       | HƯ'ONG |                      |       |      | 2    | 10    | 1991 | Phú Yên                                      | Đại học Ngân Hàng TP.HCM                          | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM01313    |              | VT             | VT        | VT      |         | HCM00530 |
| 544 | LÊ THỊ THÙY      | HƯ'ONG |                      |       |      | 30   | 7     | 1992 | Nghệ An                                      | Đại học Kinh Tế Tài Chính TP.HCM                  | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM01316    |              | 70.00          | 67.50     | 60.00   |         | HCM00531 |
| 545 | NGUYỄN NGỌC VĂN  | HƯ'ONG |                      |       |      | 9    | 11    | 1994 | Thành phố Hồ Chí Minh                        | Đại học Ngân hàng Tp.HCM                          | Kế toán                     |                   | HCM01322    |              | 92.50          | 85.00     | 87.50   |         | HCM00532 |
| 546 | NGUYỄN THỊ       | HƯ'ONG |                      |       |      | 28   | 9     | 1991 | Nghệ An                                      | Đại học Kinh Tế TPHCM                             | Kế toán                     |                   | HCM01327    |              | 82.50          | 57.50     | 72.50   |         | HCM00533 |
| 547 | NGUYỄN THỊ       | HƯ'ONG |                      |       |      | 2    | 9     | 1985 | Bắc Bình - Bình Thuận                        | Đại học Đại Học Quốc Tế Hồng Bàng                 | Kế toán - Kiểm toán         |                   | HCM01326    |              | VT             | VT        | VT      |         | HCM00535 |
| 548 | NGUYỄN THỊ       | HƯ'ONG |                      |       |      | 14   | 8     | 1983 | Minh Tân, Hưng Hà, Thái Bình                 | Đại học Trường ĐH Tài Chính - Marketing           | Kế toán doanh nghiệp        |                   | HCM01325    |              | VT             | VT        | VT      |         | HCM00534 |
| 549 | NGUYỄN THỊ HUỆ   | HƯ'ONG |                      |       |      | 18   | 11    | 1993 | Hà Nam                                       | Đại học Hùng Vương TP.HCM                         | Quản trị kinh doanh         |                   | HCM01329    |              | 65.00          | 63.75     | 67.50   |         | HCM00536 |
| 550 | NGUYỄN THỊ LAN   | HƯ'ONG |                      |       |      | 20   | 9     | 1989 | Ninh Bình                                    | Đại học TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN                    | Kế toán                     |                   | HCM01332    |              | 55.00          | 56.25     | 42.50   |         | HCM00537 |
| 551 | NGUYỄN THỊ MAI   | HƯ'ONG |                      |       |      | 24   | 8     | 1981 | Nam Định                                     | Đại học Tôn Đức Thắng                             | Kế toán - Kiểm toán         |                   | HCM01333    |              | VT             | VT        | VT      |         | HCM00775 |
| 552 | NGUYỄN THỊ THANH | HƯ'ONG |                      |       |      | 27   | 7     | 1994 | xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa,tỉnh Quảng Ngãi  | Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh                | Kế toán - Kiểm toán         |                   | HCM01335    |              | 52.50          | 66.25     | 72.50   |         | HCM00538 |
| 553 | NGUYỄN THỊ THU   | HƯ'ONG |                      |       |      | 15   | 11    | 1986 | Xã Sơn Quang, huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh  | Đại học Ngân Hàng TPHCM                           | Kinh tế tài chính ngân hàng |                   | HCM01336    |              | VT             | VT        | VT      |         | HCM00539 |
| 554 | NGUYỄN THỊ TUYẾT | HƯ'ONG |                      |       |      | 11   | 11    | 1989 | Hà Tây (nay là Hà Nội)                       | Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh                        | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM01339    |              | VT             | VT        | VT      |         | HCM00540 |
| 555 | NGUYỄN THỊ XUÂN  | HƯ'ONG |                      |       |      | 10   | 6     | 1979 | Long An                                      | Đại học Kinh Tế Tp.HCM                            | Kế toán                     | Con TB            | HCM01340    | 20           | 67.50          | 53.75     | MT      |         | HCM00541 |
| 556 | NGUYỄN THU       | HƯ'ONG |                      |       |      | 3    | 2     | 1979 | Thành phố Hà Nội                             | Đại học Ngoại Thương                              | Kinh tế đối ngoại           |                   | HCM01342    |              | 60.00          | 36.25     | 55.00   |         | HCM00542 |
| 557 | PHẠM NGỌC        | HƯ'ONG |                      |       |      | 26   | 1     | 1989 | Thành phố Hồ Chí Minh                        | Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh         | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM01343    |              | 47.50          | 55.00     | 72.50   |         | HCM00543 |
| 558 | PHẠM THỊ         | HƯ'ONG |                      |       |      | 15   | 2     | 1992 | Thái Bình                                    | Đại học Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia TP.HCM | Tài chính doanh nghiệp      |                   | HCM01346    |              | VT             | VT        | VT      |         | HCM00544 |
| 559 | PHẠM THỊ TUYẾT   | HƯ'ONG |                      |       |      | 5    | 8     | 1987 | Quảng Ngãi                                   | Đại học Quy Nhơn                                  | Kế toán                     |                   | HCM01348    |              | 67.50          | 43.75     | 72.50   |         | HCM00545 |



| STT | Họ               | Tên   | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                     | Cơ sở đào tạo                             | Chuyên ngành đào tạo           | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|------------------|-------|----------------------|-------|------|------|-------|------|----------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|     |                  |       | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                              |                                           |                                |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |                  |       | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                              |                                           |                                |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1   | 2                | 3     | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                           | 11                                        | 12                             | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 560 | PHAN THỊ THU     | HƯƠNG |                      |       |      | 20   | 12    | 1989 | xã Xuân Viên -huyện Nghi Xuân - tỉnh Hà Tĩnh | Đại học ĐH Mở TP.Hồ Chí Minh              | Kế toán                        |                   | HCM01350    |              | 82.50     | 66.25     | 72.50   |         | HCM00546 |
| 561 | TẠ QUỲNH         | HƯƠNG |                      |       |      | 12   | 12    | 1991 | Nghệ An                                      | Đại học Lạc Hồng                          | Tài chính ngân hàng            |                   | HCM01352    |              | 45.00     | 38.75     | 50.00   |         | HCM00547 |
| 562 | TÓNG THỊ MAI     | HƯƠNG |                      |       |      | 2    | 12    | 1981 | Ninh Bình                                    | Đại học Trường Đại học Kinh tế TP. HCM    | Kế toán                        |                   | HCM01353    |              | 62.50     | 28.75     | 60.00   |         | HCM00548 |
| 563 | TRẦN THỊ GIÁNG   | HƯƠNG |                      |       |      | 10   | 2     | 1989 | Hải Ninh, Hải Hậu, Nam Định                  | Đại học Ngân Hàng Tp HCM                  | Kinh tế                        |                   | HCM01355    |              | 52.50     | 67.50     | 47.50   |         | HCM00549 |
| 564 | TRẦN THỊ NGỌC    | HƯƠNG |                      |       |      | 6    | 1     | 1990 | Tây Ninh                                     | Đại học Ngoại Thương TPHCM                | Tài chính quốc tế              |                   | HCM01358    |              | 50.00     | 71.25     | 62.50   |         | HCM00550 |
| 565 | TRẦN THỊ THANH   | HƯƠNG |                      |       |      | 2    | 1     | 1990 | Thành phố Hồ Chí Minh                        | Đại học Mở TP.HCM                         | Quản trị kinh doanh            |                   | HCM01359    |              | 77.50     | 63.75     | 80.00   |         | HCM00551 |
| 566 | TRỊNH THỊ        | HƯƠNG |                      |       |      | 11   | 6     | 1993 | Nam Định                                     | Đại học Đại học Công Đoàn                 | Kế toán                        |                   | HCM01360    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00552 |
| 567 | VŨ THỊ MAI       | HƯƠNG |                      |       |      | 27   | 1     | 1981 | Hải Phòng                                    | Đại học Ngoại Thương CSII TpHCM           | Quản trị kinh doanh quốc tế    |                   | HCM01361    |              | 65.00     | 43.75     | 62.50   |         | HCM00553 |
| 568 | LÊ THỊ           | HƯƠNG |                      |       |      | 18   | 11    | 1988 | HCM                                          | Đại học Đại học Duy Tân                   | Kế toán doanh nghiệp           |                   | HCM01362    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00554 |
| 569 | NGUYỄN THỊ       | HƯƠNG |                      |       |      | 14   | 6     | 1988 | Thanh Hóa                                    | Đại học Đại Học Sài Gòn                   | Kế toán                        |                   | HCM01365    |              | 62.50     | 47.50     | 57.50   |         | HCM00555 |
| 570 | CAO TƯỜNG ANH    | HUY   | 15                   | 10    | 1988 |      |       |      | Bình Phước                                   | Đại học Sài Gòn                           | Tài chính ngân hàng            |                   | HCM01375    |              | 72.50     | 51.25     | 72.50   |         | HCM00556 |
| 571 | ĐÀO NGỌC         | HUY   | 29                   | 6     | 1983 |      |       |      | Hà Nội                                       | Đại học Kinh Tế TP.HCM                    | Kế toán doanh nghiệp           |                   | HCM01376    |              | 80.00     | 53.75     | 85.00   |         | HCM00557 |
| 572 | HỒ ĐỨC           | HUY   | 20                   | 5     | 1990 |      |       |      | Nghệ An                                      | Đại học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh            | Kế toán                        |                   | HCM01377    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00558 |
| 573 | KHÔNG MINH       | HUY   | 5                    | 2     | 1990 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                        | Đại học Công Nghiệp Tp.HCM                | Quản trị kinh doanh            |                   | HCM01378    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00559 |
| 574 | LÊ ĐÌNH          | HUY   | 17                   | 7     | 1993 |      |       |      | Phú Yên                                      | Trường ĐH Tài chính - Marketing           | Thuế                           |                   | HCM01380    |              | 50.00     | 65.00     | 55.00   |         | HCM02103 |
| 575 | NGUYỄN QUANG     | HUY   | 17                   | 7     | 1994 |      |       |      | Bình Định                                    | Đại học Kinh Tế Tp.HCM                    | Tài chính công                 |                   | HCM01386    |              | 65.00     | 90.00     | 75.00   |         | HCM00560 |
| 576 | NGUYỄN XUÂN      | HUY   | 23                   | 6     | 1990 |      |       |      | Thanh Hóa                                    | Học viện Tài Chính                        | Thuế                           |                   | HCM01389    |              | 90.00     | 48.75     | 70.00   |         | HCM00561 |
| 577 | PHAN NHẬT        | HUY   | 14                   | 3     | 1986 |      |       |      | Tiền Giang                                   | Đại học LUTON COLLEGE                     | Chính sách công                |                   | HCM01390    |              | VT        | MT        | VT      |         | HCM00562 |
| 578 | TRẦN ĐỖ PHÚC     | HUY   |                      |       |      | 10   | 11    | 1989 | Bình Định                                    | Đại học Nông Lâm Tp. HCM                  | Quản trị kinh doanh thương mại |                   | HCM01392    |              | 75.00     | 67.50     | 77.50   |         | HCM00563 |
| 579 | TRẦN VĂN         | HUY   | 12                   | 7     | 1988 |      |       |      | Nam Định                                     | Đại học Kinh tế Tp.HCM                    | Tài chính nhà nước             |                   | HCM01396    |              | 82.50     | 63.75     | 67.50   |         | HCM00564 |
| 580 | ĐINH THỊ THANH   | HUYỀN |                      |       |      | 18   | 11    | 1992 | Nghệ An                                      | Đại học Ngân Hàng TP.HCM                  | Tài chính ngân hàng            |                   | HCM01401    |              | 75.00     | 60.00     | 65.00   |         | HCM00565 |
| 581 | ĐỖ THỊ MAI       | HUYỀN |                      |       |      | 3    | 8     | 1985 | Thái Bình                                    | Đại học Kinh Tế Thành Phố Hồ Chí Minh     | Tài chính doanh nghiệp         |                   | HCM01402    |              | 72.50     | 53.75     | 67.50   |         | HCM00566 |
| 582 | LÊ THỊ KHÁNH     | HUYỀN |                      |       |      | 24   | 4     | 1991 | Thành phố Vinh, Nghệ An                      | Đại học Công Nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh | Tài chính ngân hàng            |                   | HCM01406    |              | 67.50     | 72.50     | 85.00   |         | HCM00567 |
| 583 | LÊ THỊ PHƯƠNG    | HUYỀN |                      |       |      | 2    | 5     | 1988 | Đà Lạt, Lâm Đồng                             | Đại học Yersin Đà Lạt                     | Quản trị kinh doanh            |                   | HCM01407    |              | 77.50     | MT        | 65.00   |         | HCM00568 |
| 584 | LÊ THỊ THANH     | HUYỀN |                      |       |      | 25   | 9     | 1987 | Gia Lai                                      | Đại học Kinh tế Tp.HCM                    | Tài chính                      |                   | HCM01408    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00569 |
| 585 | LƯU THỊ THANH    | HUYỀN |                      |       |      | 28   | 11    | 1981 | Hải Dương                                    | Học viện Tài Chính                        | Kế toán                        |                   | HCM01409    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00570 |
| 586 | NGUYỄN THANH     | HUYỀN |                      |       |      | 28   | 10    | 1989 | TP Vinh, Nghệ An                             | Học viện Tài Chính                        | Tài chính ngân hàng            |                   | HCM01413    |              | 80.00     | 77.50     | 57.50   |         | HCM00571 |
| 587 | NGUYỄN THỊ       | HUYỀN |                      |       |      | 2    | 11    | 1992 | Quảng Ngãi                                   | Đại học Công Nghệ TP.HCM                  | Kế Toán Ngân Hàng              |                   | HCM01417    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00575 |
| 588 | NGUYỄN THỊ       | HUYỀN |                      |       |      | 7    | 10    | 1990 | Hà Tĩnh                                      | Đại học Kinh tế TP HCM                    | Ngân hàng                      |                   | HCM01416    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00572 |
| 589 | NGUYỄN THỊ       | HUYỀN |                      |       |      | 16   | 1     | 1989 | Nghệ An                                      | Đại học ĐH Ngoại ngữ - Tin học            | Quản trị kinh doanh quốc tế    |                   | HCM01415    |              | 70.00     | 61.25     | 67.50   |         | HCM00573 |
| 590 | NGUYỄN THỊ       | HUYỀN |                      |       |      | 15   | 4     | 1982 | Thành Phố Hồ Chí Minh                        | Đại học Quốc Tế Hồng Bàng TP.HCM          | Quản trị kinh doanh            |                   | HCM01414    |              | VT        | VT        | MT      |         | HCM00574 |
| 591 | NGUYỄN THỊ NGỌC  | HUYỀN |                      |       |      | 18   | 11    | 1987 | Quảng Nam                                    | Đại học Kinh tế TP HCM                    | Kế toán                        |                   | HCM01419    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00576 |
| 592 | NGUYỄN THỊ THANH | HUYỀN |                      |       |      | 9    | 10    | 1993 | Hải Dương                                    | Học viện Công Nghệ Bưu Chính Viễn Thông   | Kế toán                        |                   | HCM01426    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00577 |



| STT | Họ                 | Tên   | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                            | Cơ sở đào tạo                         | Chuyên ngành đào tạo                       | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|--------------------|-------|----------------------|-------|------|------|-------|------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|     |                    |       | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                                     |                                       |                                            |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |                    |       | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                                     |                                       |                                            |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1   | 2                  | 3     | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                                  | 11                                    | 12                                         | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 593 | NGUYỄN THỊ THU     | HUYỀN |                      |       |      | 20   | 6     | 1987 | Quảng Ngãi                                          | Đại học Kinh Tế Thành phố Hồ Chí Minh | Kế toán                                    |                   | HCM01428    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00578 |
| 594 | NGUYỄN THỊ THU     | HUYỀN |                      |       |      | 27   | 5     | 1985 | Thái Bình                                           | Đại học Trà Vinh                      | Kế toán                                    |                   | HCM01427    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00579 |
| 595 | PHẠM THANH         | HUYỀN |                      |       |      | 2    | 8     | 1992 | Hải Dương                                           | Đại học Đại học Công Nghiệp TP HCM    | Tài chính ngân hàng                        |                   | HCM01429    |              | 50.00     | 52.50     | 50.00   |         | HCM00580 |
| 596 | PHẠM THỊ THU       | HUYỀN |                      |       |      | 27   | 10    | 1986 | Hải Phòng                                           | Đại học Quốc Gia TP Hồ Chí Minh       | Kinh tế & quản lý công                     |                   | HCM01434    |              | 77.50     | 71.25     | 87.50   |         | HCM00581 |
| 597 | TẠ THỊ             | HUYỀN |                      |       |      | 3    | 9     | 1993 | Khánh An- Yên Khánh - Ninh Bình                     | Đại học Dân Lập Văn Lang              | Tài chính ngân hàng                        |                   | HCM01435    |              | 82.50     | 75.00     | 85.00   |         | HCM00582 |
| 598 | TRẦN THỊ           | HUYỀN |                      |       |      | 28   | 5     | 1993 | Xã Nam Trung, huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An           | Học viện Tài chính                    | Ngân hàng                                  |                   | HCM01439    |              | 62.50     | 48.75     | 70.00   |         | HCM00583 |
| 599 | TRẦN THỊ LỆ        | HUYỀN |                      |       |      | 6    | 10    | 1991 | Thị trấn Tăng Bạt Hổ, Huyện Hoài Ân, Tỉnh Bình Định | Đại học Quy Nhơn                      | Kế toán                                    |                   | HCM01441    |              | 77.50     | 42.50     | 72.50   |         | HCM00584 |
| 600 | TRẦN THỊ MỘNG      | HUYỀN |                      |       |      | 5    | 3     | 1988 | TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk                          | Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh     | Tài chính ngân hàng                        |                   | HCM01443    |              | 95.00     | 76.25     | 87.50   |         | HCM00585 |
| 601 | TRẦN THỊ THU       | HUYỀN |                      |       |      | 18   | 11    | 1988 | thạch ngọc, thạch hà, hà tĩnh                       | Đại học Ngân Hàng TP.HCM              | Quản trị kinh doanh                        |                   | HCM01445    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00587 |
| 602 | TRẦN THỊ THU       | HUYỀN |                      |       |      | 3    | 8     | 1988 | Xã Định Hóa, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình          | Đại học Thương Mại                    | Quản lý kinh tế                            |                   | HCM01444    |              | 72.50     | 47.50     | 62.50   |         | HCM00586 |
| 603 | VŨ THỊ THANH       | HUYỀN |                      |       |      | 29   | 8     | 1990 | Thái Bình                                           | Đại học Mở Thành Phố Hồ Chí Minh      | Kế toán                                    |                   | HCM01449    |              | 75.00     | 57.50     | 75.00   |         | HCM00588 |
| 604 | NGUYỄN THÚY        | HUỲNH |                      |       |      | 4    | 8     | 1989 | Bến Tre                                             | Đại học Kinh tế TP.HCM                | Kế toán                                    |                   | HCM01457    |              | 72.50     | 56.25     | 70.00   |         | HCM00589 |
| 605 | NGUYỄN THỊ THU     | KHA   |                      |       |      | 14   | 4     | 1992 | Quảng Ngãi                                          | Đại học Ngân hàng TP.HCM              | Quản trị kinh doanh tổng hợp               |                   | HCM01464    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00590 |
| 606 | PHAN THỊ TIẾT      | KHA   |                      |       |      | 20   | 6     | 1994 | Thành phố Hồ Chí Minh                               | Đại học Tài Chính-Marketing           | Hải quan(Bằng cử nhân:Tài Chính Ngân Hàng) |                   | HCM01466    |              | 60.00     | 52.50     | 65.00   |         | HCM00591 |
| 607 | NGUYỄN BÁ          | KHẢI  | 10                   | 9     | 1986 |      |       |      | Xã Vũ Chính tp Thái Bình, T Thái Bình               | Đại học Công nghiệp Tp HCM            | Quản trị kinh doanh                        |                   | HCM01468    |              | 35.00     | 32.50     | 32.50   |         | HCM00592 |
| 608 | ĐẶNG MINH          | KHANG | 1                    | 12    | 1992 |      |       |      | Tiền Giang                                          | Đại học Mở TPHCM                      | Kế toán                                    |                   | HCM01470    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00593 |
| 609 | NGUYỄN QUỲ         | KHANH |                      |       |      | 23   | 5     | 1993 | Thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh                         | Đại học Ngoại Thương                  | Kinh doanh quốc tế                         | Con TB            | HCM01475    | 20           | 57.50     | 65.00     | 67.50   |         | HCM00594 |
| 610 | NGUYỄN THỊ MAI     | KHANH |                      |       |      | 19   | 11    | 1989 | Thành phố Hồ Chí Minh                               | Đại học Mở Tp.HCM                     | Kế toán                                    |                   | HCM01477    |              | 70.00     | 51.25     | 75.00   |         | HCM00595 |
| 611 | TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG | KHANH |                      |       |      | 9    | 11    | 1992 | Hà Tĩnh                                             | Đại học Công Nghệ TP Hồ Chí Minh      | Kế toán ngân hàng                          |                   | HCM01480    |              | 55.00     | 40.00     | 67.50   |         | HCM00596 |
| 612 | LÊ KHÁNH           | KHÁNH |                      |       |      | 24   | 12    | 1991 | Bình Định                                           | Đại học Mở Tp.HCM                     | Tài chính ngân hàng                        |                   | HCM01484    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00597 |
| 613 | LÊ NGỌC            | KHÁNH | 10                   | 7     | 1993 |      |       |      | Xã Liên Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An           | Đại học Kinh tế Quốc dân (Hà nội)     | Kinh tế đầu tư                             |                   | HCM01485    |              | 95.00     | 53.75     | 70.00   |         | HCM00598 |
| 614 | NGUYỄN LÊ          | KHÁNH | 28                   | 6     | 1993 |      |       |      | Triệu Sơn, Thanh Hóa                                | Đại học Kinh Tế Tp. HCM               | Tài chính                                  |                   | HCM01487    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00599 |
| 615 | PHAN PHƯỚC         | KHÁNH | 4                    | 7     | 1983 |      |       |      | thành phố Hồ Chí Minh                               | Đại học KinhTế TP HCM                 | Quản trị kinh doanh                        |                   | HCM01493    |              | 62.50     | 52.50     | 62.50   |         | HCM00600 |
| 616 | LÝ VINH            | KHIÊM | 23                   | 1     | 1990 |      |       |      | Gia Lai                                             | Đại học Lạc Hồng                      | Tài chính ngân hàng                        |                   | HCM01497    |              | 65.00     | 46.25     | 77.50   |         | HCM00601 |
| 617 | CAO TƯỜNG ANH      | KHOA  | 24                   | 9     | 1992 |      |       |      | Bình Dương                                          | Đại học CNTT Gia Định                 | Tài chính ngân hàng                        |                   | HCM01499    |              | 90.00     | 61.25     | 82.50   |         | HCM00602 |
| 618 | HOÀNG TRƯỜNG       | KHOA  | 2                    | 2     | 1987 |      |       |      | Hải Phòng                                           | Đại học Quốc Tế Hồng Bàng             | Quản trị kinh doanh                        |                   | HCM01503    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00603 |
| 619 | HUỲNH THANH        | KHOA  | 6                    | 11    | 1987 |      |       |      | bến tre                                             | Đại học kinh tế tp.hcm                | Tài chính doanh nghiệp                     |                   | HCM01504    |              | 60.00     | 48.75     | 57.50   |         | HCM00604 |
| 620 | LÊ HOÁ             | KHOA  | 10                   | 6     | 1995 |      |       |      | Hà Nội                                              | Đại học Toulouse 1 Capitole           | Kinh tế & quản lý công                     |                   | HCM01506    |              | 82.50     | MT        | 67.50   |         | HCM00605 |
| 621 | NGUYỄN ĐĂNG        | KHOA  | 25                   | 12    | 1992 |      |       |      | Long An                                             | Đại học Kinh Tế TP.HCM                | Quản trị                                   |                   | HCM01510    |              | 77.50     | 65.00     | 87.50   |         | HCM00606 |
| 622 | NGUYỄN ĐĂNG        | KHOA  | 5                    | 12    | 1988 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                               | Đại học Mở TP.HCM                     | Kinh tế                                    |                   | HCM01509    |              | 85.00     | 60.00     | 70.00   |         | HCM00607 |
| 623 | NGUYỄN ĐỨC         | KHOA  | 9                    | 3     | 1986 |      |       |      | Bình Thuận                                          | Đại học Mở TpHCM                      | Kinh tế học                                |                   | HCM01512    |              | 65.00     | 55.00     | 65.00   |         | HCM00608 |
| 624 | NGUYỄN VŨ MINH     | KHOA  | 23                   | 11    | 1993 |      |       |      | Hồ Chí Minh                                         | Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh    | Luật                                       |                   | HCM01514    |              | 75.00     | 81.25     | 75.00   |         | HCM00609 |

ngân



| STT | Họ               | Tên    | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                     | Cơ sở đào tạo                                | Chuyên ngành đào tạo         | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|------------------|--------|----------------------|-------|------|------|-------|------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|     |                  |        | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                              |                                              |                              |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |                  |        | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                              |                                              |                              |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1   | 2                | 3      | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                           | 11                                           | 12                           | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 625 | TRẦN THỊ KIM     | KHOA   |                      |       |      | 28   | 8     | 1993 | Tiền Giang                                   | Đại học Luật TP.HCM                          | Luật Hành chính              |                   | HCM01518    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00610 |
| 626 | TRẦN VÕ TÂN      | KHOA   | 21                   | 3     | 1988 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                        | Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh        | Kiểm toán                    |                   | HCM01519    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00611 |
| 627 | NGUYỄN MINH HOÀN | KHÔI   | 27                   | 1     | 1988 |      |       |      | Thành Phố Hồ Chí Minh                        | Đại học Tôn Đức Thắng                        | Kế toán - Kiểm toán          |                   | HCM01523    |              | 42.50     | 62.50     | 55.00   |         | HCM00612 |
| 628 | LÊ BÁ            | KHÔI   | 25                   | 6     | 1988 |      |       |      | Thái Bình                                    | Đại học Ngân Hàng Tp Hồ Chí Minh             | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM01524    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00613 |
| 629 | NGUYỄN VÕ MINH   | KHUÊ   |                      |       |      | 1    | 9     | 1990 | XÃ MỸ HIỆP, HUYỆN PHÙ MỸ, BÌNH ĐỊNH          | Đại học KINH TẾ TP. HCM                      | Kế toán                      |                   | HCM01528    |              | 87.50     | 72.50     | 82.50   |         | HCM00614 |
| 630 | DƯƠNG THỊ BẢO    | KHUYẾN |                      |       |      | 8    | 10    | 1985 | Thành phố Hồ Chí Minh                        | Đại học Khoa Kinh Tế- Đại học Quốc Gia TPHCM | Kế toán - Kiểm toán          |                   | HCM01536    |              | 67.50     | 73.75     | 70.00   |         | HCM00615 |
| 631 | LÊ NGỌC          | KHUYẾN | 19                   | 9     | 1992 |      |       |      | Thành Phố Hồ Chí Minh                        | Đại học Mở TP.HCM                            | Luật Kinh tế                 |                   | HCM01538    |              | 70.00     | 62.50     | 65.00   |         | HCM00616 |
| 632 | ĐOÀN CHÍ         | KIẾN   | 17                   | 12    | 1988 |      |       |      | huyện Phong Điền, Thừa Thiên - Huế           | Đại học kinh tế quốc dân                     | Quản trị kinh doanh CN và XD |                   | HCM01540    |              | 72.50     | 60.00     | 65.00   |         | HCM00617 |
| 633 | HỒ HỮU           | KIẾN   | 21                   | 9     | 1988 |      |       |      | Quỳnh Nghĩa - Huyện Quỳnh Lưu - Tỉnh Nghệ An | Đại học Công Nghiệp TP Hồ Chí Minh           | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM01542    |              | 70.00     | 33.75     | 75.00   |         | HCM00618 |
| 634 | MAI TRUNG        | KIẾN   | 14                   | 4     | 1986 |      |       |      | Tỉnh Quảng Ngãi                              | Đại học QUỐC TẾ HỒNG BẢNG                    | Quản trị kinh doanh          | Con TB            | HCM01546    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | HCM00619 |
| 635 | THÁI HOÀNG       | KIẾN   | 13                   | 10    | 1990 |      |       |      | Hương Khê, Hà Tĩnh                           | Đại học Đại Học Tây Nguyên                   | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM01548    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00620 |
| 636 | HUỖNH TẤN        | KIỆT   | 20                   | 5     | 1990 |      |       |      | Đồng Tháp                                    | Đại học Kinh tế Tp.HCM                       | Hệ thống thông tin quản lý   |                   | HCM01551    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00621 |
| 637 | CAO VÂN          | KIẾU   |                      |       |      | 21   | 8     | 1994 | Long An                                      | Đại học Mở TpHCM                             | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM01556    |              | 67.50     | 70.00     | 75.00   |         | HCM00622 |
| 638 | LÊ THỊ MỸ        | KIẾU   |                      |       |      | 16   | 2     | 1985 | Khánh Hoà                                    | Đại học Nông Lâm TP . HCM                    | Kế toán - Kiểm toán          |                   | HCM01561    |              | 42.50     | 41.25     | 45.00   |         | HCM00623 |
| 639 | MAI THỊ          | KIẾU   |                      |       |      | 14   | 11    | 1989 | Nhon Phú, Quy Nhơn, Bình Định                | Đại học Văn Hiến                             | Quản lý kinh doanh           |                   | HCM01562    |              | 65.00     | 51.25     | 62.50   |         | HCM00624 |
| 640 | NGUYỄN THỊ MINH  | KIẾU   |                      |       |      | 15   | 10    | 1990 | Tỉnh Phú Yên                                 | Đại học Văn Lang                             | Thương mại quốc tế           |                   | HCM01564    |              | 77.50     | 50.00     | 72.50   |         | HCM00625 |
| 641 | DƯƠNG THỊ HOÀNG  | KIM    |                      |       |      | 12   | 9     | 1992 | Thái Bình                                    | Đại học Ngân hàng TPHCM                      | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM01571    |              | 65.00     | 66.25     | 72.50   |         | HCM00626 |
| 642 | NGUYỄN HOÀNG     | KIM    |                      |       |      | 11   | 12    | 1992 | Thành phố Hồ Chí Minh                        | Đại học Kinh Tế - Tài Chính Tp.HCM           | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM01574    |              | 55.00     | 52.50     | 77.50   |         | HCM00627 |
| 643 | TRẦN THỊ HỒNG    | KIM    |                      |       |      | 7    | 4     | 1989 | Tây Ninh                                     | Đại học Sài Gòn                              | Kế toán                      |                   | HCM01577    |              | 70.00     | 48.75     | 65.00   |         | HCM00628 |
| 644 | CHUNG MỸ         | KỶ     |                      |       |      | 25   | 8     | 1994 | Quảng Đông, Trung Quốc                       | Đại học Tài chính Marketing                  | Thuế                         |                   | HCM01580    |              | 55.00     | 63.75     | 62.50   |         | HCM00629 |
| 645 | LƯƠNG QUỐC       | KỶ     | 18                   | 2     | 1989 |      |       |      | NGHỆ AN                                      | Đại học KINH TẾ TP HCM                       | Tài chính nhà nước           | DTTS              | HCM01582    | 20           | 37.50     | 55.00     | 65.00   |         | HCM00630 |
| 646 | LÊ THỊ HOA       | LÀI    |                      |       |      | 19   | 4     | 1992 | Phước Phi,Cát Tiến,Phù Cát,Bình Định         | Đại học Đại Học Quy Nhơn                     | Kế toán                      |                   | HCM01585    |              | 65.00     | 32.50     | 57.50   |         | HCM00631 |
| 647 | PHAN THỊ         | LÀI    |                      |       |      | 17   | 3     | 1992 | Quảng Nam                                    | Đại học Tài chính Marketing                  | Tài chính doanh nghiệp       | Con TB            | HCM01588    | 20           | 92.50     | 67.50     | 82.50   |         | HCM00632 |
| 648 | NGUYỄN ĐẶNG SÔNG | LAM    |                      |       |      | 12   | 2     | 1988 | Nghệ An                                      | Đại học Tôn Đức Thắng                        | Kế toán - Kiểm toán          |                   | HCM01590    |              | 70.00     | 66.25     | 77.50   |         | HCM00633 |
| 649 | ĐẶNG HẢI         | LÂM    | 20                   | 10    | 1981 |      |       |      | Diêm Điền, Thái Thụy, Thái Bình              | Đại học Kinh tế Quốc Dân                     | Ngân hàng                    |                   | HCM01594    |              | 67.50     | 40.00     | 65.00   |         | HCM00634 |
| 650 | PHAN THANH       | LÂM    | 16                   | 8     | 1991 |      |       |      | xã Phước Lại, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An  | Đại học Công nghệ TP.Hồ Chí Minh             | Tài chính                    |                   | HCM01597    |              | 77.50     | 62.50     | 80.00   |         | HCM00635 |
| 651 | THÁI ĐẶNG HƯƠNG  | LÂM    |                      |       |      | 18   | 3     | 1985 | Đức Lâm, Đức Thọ, Hà Tĩnh                    | Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh              | Kế toán                      |                   | HCM01598    |              | 65.00     | 53.75     | 77.50   |         | HCM00636 |
| 652 | TRƯƠNG THỊ MỸ    | LÂM    |                      |       |      | 17   | 2     | 1984 | Bình Định                                    | Đại học Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh      | Kế toán                      |                   | HCM01599    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00637 |
| 653 | HOÀNG THỊ HƯƠNG  | LAN    |                      |       |      | 2    | 2     | 1982 | Quảng Bình                                   | Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh              | Tài chính ngân hàng          | Con TB            | HCM01606    | 20           | 60.00     | 36.25     | 52.50   |         | HCM00638 |
| 654 | NGUYỄN THỊ       | LAN    |                      |       |      | 10   | 6     | 1990 | Tiền Trăng, Tiên Lãng, Hải Phòng             | Đại học Đại học Mở TP.HCM                    | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM01608    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00639 |



| STT | Họ                  | Tên     | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                                | Cơ sở đào tạo                        | Chuyên ngành đào tạo         | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|---------------------|---------|----------------------|-------|------|------|-------|------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|     |                     |         | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                                         |                                      |                              |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |                     |         | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                                         |                                      |                              |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1   | 2                   | 3       | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                                      | 11                                   | 12                           | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 655 | NGUYỄN THỊ HUƠNG    | LAN     |                      |       |      | 28   | 3     | 1990 | Nghệ An                                                 | Đại học Ngân hàng TP.HCM             | Quản trị kinh doanh tổng hợp |                   | HCM01611    |              | 52.50     | 56.25     | 75.00   |         | HCM00640 |
| 656 | NGUYỄN THỊ KIM      | LAN     |                      |       |      | 10   | 12    | 1990 | BẾN TRE                                                 | Đại học ĐẠI HỌC CẦN THƠ              | Kế toán - Kiểm toán          |                   | HCM01612    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00641 |
| 657 | NGUYỄN THỊ NGỌC     | LAN     |                      |       |      | 27   | 6     | 1992 | Bến Tre                                                 | Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh     | Quản trị tài chính           |                   | HCM01614    |              | 80.00     | 55.00     | 77.50   |         | HCM00642 |
| 658 | NGUYỄN THỊ PHONG    | LAN     |                      |       |      | 12   | 2     | 1978 | Bình Định                                               | Đại học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh       | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM01615    |              | 60.00     | 33.75     | 60.00   |         | HCM00643 |
| 659 | NGUYỄN THỊ THANH    | LAN     |                      |       |      | 3    | 5     | 1993 | tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu                                    | Đại học Công Nghiệp Tp Hồ Chí Minh   | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM01617    |              | 72.50     | 53.75     | 60.00   |         | HCM00644 |
| 660 | PHAN THỊ THANH      | LAN     |                      |       |      | 20   | 12    | 1985 | Bình Dương                                              | Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp.HCM | Kế toán                      |                   | HCM01621    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00645 |
| 661 | TRẦN THỊ PHƯƠNG     | LAN     |                      |       |      | 1    | 5     | 1988 | Hà Tĩnh                                                 | Đại học Đại Học Vinh                 | Kế toán                      |                   | HCM01623    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00646 |
| 662 | LÊ PHI              | LÂN     | 19                   | 10    | 1993 |      |       |      | KP1, Hưng Long, Phan Thiết, Bình Thuận                  | Đại học Mở TPHCM                     | Kế toán - Kiểm toán          |                   | HCM01630    |              | 70.00     | 61.25     | 82.50   |         | HCM00647 |
| 663 | NGUYỄN THỊ          | LÂN     |                      |       |      | 31   | 12    | 1987 | tỉnh Hải Dương                                          | Đại học Đại Học Công nghiệp Tp HCM   | Kế toán - Kiểm toán          |                   | HCM01631    |              | 72.50     | 66.25     | 75.00   |         | HCM00648 |
| 664 | ĐÀM NGUYỄN          | LAN ANH |                      |       |      | 17   | 7     | 1985 | TP.Quảng Ngãi                                           | Đại học MỞ TP.HCM                    | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM01632    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00649 |
| 665 | NGUYỄN VŨ CHI       | LĂNG    | 20                   | 7     | 1992 |      |       |      | TP Hồ Chí Minh                                          | Đại học Công Nghiệp Thực Phẩm        | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM01635    |              | 95.00     | 57.50     | 65.00   |         | HCM00650 |
| 666 | ĐINH THỊ NGỌC       | LÀNH    |                      |       |      | 13   | 9     | 1988 | Tỉnh Tây Ninh                                           | Đại học Kinh tế TP.HCM               | Kế toán                      |                   | HCM01636    |              | 67.50     | 61.25     | 80.00   |         | HCM00651 |
| 667 | NGUYỄN THỊ          | LÊ      |                      |       |      | 20   | 10    | 1985 | Quảng Ngãi                                              | Đại học Sài Gòn                      | Kế toán                      |                   | HCM01647    |              | 62.50     | 37.50     | 65.00   |         | HCM00652 |
| 668 | VŨ THỊ              | LỆ      |                      |       |      | 24   | 10    | 1990 | Bắc Giang                                               | Đại học Kinh Tế Quốc Dân             | Kế toán                      |                   | HCM01654    |              | 57.50     | 37.50     | 52.50   |         | HCM00653 |
| 669 | NGUYỄN TÂN          | LIÊM    | 29                   | 1     | 1987 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                                   | Đại học Kinh Tế TP.HCM               | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM01661    |              | 95.00     | 87.50     | 77.50   |         | HCM00654 |
| 670 | HOÀNG THỊ MAI       | LIÊN    |                      |       |      | 11   | 11    | 1994 | Kon Tum                                                 | Đại học Kinh Tế TP. HCM              | Tài chính công               |                   | HCM01666    |              | 82.50     | 72.50     | 85.00   |         | HCM00655 |
| 671 | NGÔ THỊ BÍCH        | LIÊN    |                      |       |      | 15   | 1     | 1991 | Trảng An, Bình Lục, Hà Nam                              | Đại học ĐH Mở TpHCM                  | Kế toán                      |                   | HCM01671    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00656 |
| 672 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG   | LIÊN    |                      |       |      | 13   | 3     | 1989 | Thôn Công Đình, Xã Đình Xuyên, Huyện Gia Lâm, TP Hà Nội | Đại học Kỹ Thuật Công Nghệ TPHCM     | Kế toán                      |                   | HCM01675    |              | 85.00     | 65.00     | 82.50   |         | HCM00657 |
| 673 | NGUYỄN THỊ THANH    | LIÊN    |                      |       |      | 23   | 10    | 1993 | Long An                                                 | Đại học Tài chính-Marketing          | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM01676    |              | 72.50     | 50.00     | 60.00   |         | HCM00658 |
| 674 | NGUYỄN THỊ THỦY     | LIÊN    |                      |       |      | 7    | 10    | 1993 | Quảng Nam                                               | Đại học Tài Nguyên Môi Trường TPHCM  | Quản trị kinh doanh tổng hợp |                   | HCM01677    |              | 87.50     | 63.75     | 60.00   |         | HCM00659 |
| 675 | PHAM HOÀNG          | LIÊN    |                      |       |      | 17   | 5     | 1986 | Bình Định                                               | Đại học Kinh tế Tp.HCM               | Kế toán doanh nghiệp         |                   | HCM01678    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00660 |
| 676 | ĐOÀN THỊ            | LIỄU    |                      |       |      | 16   | 4     | 1992 | Bình Định                                               | Đại học Kinh tế Luật                 | Kế toán - Kiểm toán          |                   | HCM01683    |              | 72.50     | 66.25     | 72.50   |         | HCM00661 |
| 677 | NGUYỄN THỊ          | LIỄU    |                      |       |      | 21   | 12    | 1986 | Thanh Hóa                                               | Đại học Kinh tế Tp.HCM               | Tài chính ngân hàng          | Con TB            | HCM01685    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | HCM00662 |
| 678 | NGUYỄN THỊ NGỌC     | LIỄU    |                      |       |      | 28   | 4     | 1983 | Thành phố Hồ Chí Minh                                   | Đại học Kinh tế Tp.HCM               | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM01687    |              | 60.00     | 45.00     | 65.00   |         | HCM00664 |
| 679 | NGUYỄN THỊ NGỌC     | LIỄU    |                      |       |      | 16   | 9     | 1976 | Thành Phố Hồ Chí Minh                                   | Đại học Thương Mại                   | Kế toán                      |                   | HCM01686    |              | 52.50     | 33.75     | 30.00   |         | HCM00663 |
| 680 | NGUYỄN THỊ PHI      | LIN     |                      |       |      | 3    | 6     | 1989 | An Thới An Tịnh Trảng Bàng Tây Ninh                     | Đại học Kinh Tế HCM                  | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM01695    |              | 77.50     | 75.00     | 67.50   |         | HCM00665 |
| 681 | BÙI THỊ THÚY        | LINH    |                      |       |      | 18   | 3     | 1989 | Hà Nam                                                  | Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM   | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM01697    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00666 |
| 682 | ĐINH THẢO           | LINH    |                      |       |      | 20   | 4     | 1995 | Tỉnh Quảng Bình                                         | Đại học Kinh tế - Luật               | Kinh tế                      | Con TB            | HCM01702    | 20           | 25.00     | 72.50     | 45.00   |         | HCM00667 |
| 683 | ĐINH THỊ THỦY       | LINH    |                      |       |      | 8    | 8     | 1989 | Xã Gia Viễn, Huyện Gia Thanh, Tỉnh Ninh Bình.           | Đại học Kinh Tế                      | Tài chính ngân hàng          | Con TB            | HCM01704    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | HCM00668 |
| 684 | DƯƠNG NGUYỄN PHƯƠNG | LINH    |                      |       |      | 5    | 1     | 1990 | Tiền Giang                                              | Đại học Văn Lang                     | Kế toán                      |                   | HCM01707    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00669 |
| 685 | HỒ THỊ YẾN          | LINH    |                      |       |      | 27   | 12    | 1993 | Thành phố Hồ Chí Minh                                   | Đại học Tôn Đức Thắng                | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM01709    |              | 85.00     | 63.75     | 80.00   |         | HCM00670 |
| 686 | HUỖNH THỊ TRÚC      | LINH    |                      |       |      | 25   | 12    | 1987 | Thành Phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp                      | Đại học Mở Tp. HCM                   | Kinh tế học                  |                   | HCM01712    |              | 70.00     | 47.50     | MT      |         | HCM00671 |



| STT | Họ               | Tên  | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                       | Cơ sở đào tạo                           | Chuyên ngành đào tạo         | Đối tượng ưu tiên  | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|------------------|------|----------------------|-------|------|------|-------|------|------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------|--------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|     |                  |      | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                                |                                         |                              |                    |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |                  |      | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                                |                                         |                              |                    |             |              |           |           |         |         |          |
| 1   | 2                | 3    | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                             | 11                                      | 12                           | 13                 | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 687 | LÊ ĐẠNG THÙY     | LINH |                      |       |      | 30   | 4     | 1993 | Bình Thuận                                     | Đại học Kinh Tế Luật, ĐHQG TPHCM        | Tài chính ngân hàng          |                    | HCM01716    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00672 |
| 688 | LÊ ĐÌNH THỊ TRÚC | LINH |                      |       |      | 26   | 10    | 1988 | Tây Ninh                                       | Đại học Quốc tế Hồng Bàng               | Kinh tế tài chính ngân hàng  |                    | HCM01717    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00673 |
| 689 | LÊ THUY THÙY     | LINH |                      |       |      | 15   | 6     | 1991 | Thành Phố Hồ Chí Minh                          | Đại học Đại Học Công Nghệ Sài Gòn       | Quản trị kinh doanh tổng hợp |                    | HCM01723    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00674 |
| 690 | LƯƠNG MỸ DIỆU    | LINH |                      |       |      | 19   | 12    | 1992 | Thôn Đông Cao 1, Tây Tiến, Tiền Hải, Thái Bình | Học viện Học Viện Tài Chính             | Tài chính doanh nghiệp       |                    | HCM01726    |              | 62.50     | 63.75     | 77.50   |         | HCM00675 |
| 691 | NGÔ THỊ THẢO     | LINH |                      |       |      | 4    | 12    | 1994 | Trà Vinh                                       | Đại học Công Nghiệp TP. Hồ Chí Minh     | Tài chính ngân hàng          |                    | HCM01731    |              | 72.50     | 45.00     | 57.50   |         | HCM00676 |
| 692 | NGUYỄN DUY       | LINH | 11                   | 11    | 1993 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                          | Đại học Kinh Tế HCM                     | Quản trị kinh doanh          |                    | HCM01735    |              | 72.50     | 75.00     | 57.50   |         | HCM00677 |
| 693 | NGUYỄN HẢI       | LINH |                      |       |      | 13   | 12    | 1991 | Hải Phòng                                      | Đại học TÀI CHÍNH - MARKETING           | Ngân hàng                    | Con TB             | HCM01736    | 20           | 87.50     | 70.00     | 75.00   |         | HCM00678 |
| 694 | NGUYỄN MINH DIỆU | LINH |                      |       |      | 2    | 10    | 1992 | Nam Định                                       | Đại học Lạc Hồng                        | Kế toán - Kiểm toán          |                    | HCM01739    |              | 60.00     | 50.00     | 67.50   |         | HCM00679 |
| 695 | NGUYỄN NGỌC      | LINH |                      |       |      | 28   | 4     | 1988 | THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                          | Đại học HỒNG BÀNG                       | Quản trị kinh doanh          |                    | HCM01740    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00680 |
| 696 | NGUYỄN THỊ HỒNG  | LINH |                      |       |      | 28   | 3     | 1993 | Tỉnh Bình Định                                 | Đại học Ngân Hàng Thành phố Hồ Chí Minh | Tài chính ngân hàng          |                    | HCM01745    |              | 72.50     | 80.00     | 82.50   |         | HCM00681 |
| 697 | NGUYỄN THỊ LỆ    | LINH |                      |       |      | 10   | 8     | 1991 | BÌNH ĐỊNH                                      | Đại học Đại học ngân hàng TP.HCM        | Tài chính ngân hàng          |                    | HCM01746    |              | 70.00     | 42.50     | 60.00   |         | HCM00682 |
| 698 | NGUYỄN THỊ MỸ    | LINH |                      |       |      | 14   | 4     | 1994 | Xã Thị Trấn, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre    | Đại học Công Nghệ TP.HCM                | Kế toán                      |                    | HCM01753    |              | 70.00     | 50.00     | 70.00   |         | HCM00684 |
| 699 | NGUYỄN THỊ MỸ    | LINH |                      |       |      | 20   | 10    | 1986 | Đức Hòa, Long An                               | Đại học Đại Học Sài Gòn                 | Quản trị kinh doanh          |                    | HCM01748    |              | 50.00     | 35.00     | 65.00   |         | HCM00683 |
| 700 | NGUYỄN THỊ NGỌC  | LINH |                      |       |      | 15   | 10    | 1987 | Cẩm Phúc - Cẩm Xuyên- Hà Tĩnh                  | Đại học Mở Tp HCM                       | Kinh tế                      | Con NHĐKC bị NCDHH | HCM01754    | 20           | 45.00     | 57.50     | 50.00   |         | HCM00685 |
| 701 | NGUYỄN THỊ THÙY  | LINH |                      |       |      | 6    | 4     | 1992 | QUẢNG BÌNH                                     | Đại học Công Nghệ Tp.hcm                | Kế toán - Kiểm toán          |                    | HCM01759    |              | 55.00     | 50.00     | 60.00   |         | HCM00687 |
| 702 | NGUYỄN THỊ THÙY  | LINH |                      |       |      | 13   | 4     | 1986 | QUẢNG NGỌC - QUẢNG XƯƠNG - THANH HÓA           | Đại học Kinh tế TP.HCM                  | Ngân hàng                    |                    | HCM01757    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00686 |
| 703 | NGUYỄN THÙY      | LINH |                      |       |      | 23   | 3     | 1994 | Thái Nguyên                                    | Đại học Đại học Kinh tế - Luật          | Luật Kinh tế                 | DTTS               | HCM01764    | 20           | 57.50     | 75.00     | 57.50   |         | HCM00688 |
| 704 | NGUYỄN VĂN       | LINH | 22                   | 12    | 1989 |      |       |      | Hà Tĩnh                                        | Đại học ĐH Kinh Tế Luật                 | Tài chính ngân hàng          |                    | HCM01766    |              | 42.50     | 38.75     | 52.50   |         | HCM00689 |
| 705 | PHẠM PHƯƠNG      | LINH |                      |       |      | 31   | 8     | 1994 | Thái Bình                                      | Đại học Công nghiệp thực phẩm TP.HCM    | Tài chính doanh nghiệp       |                    | HCM01770    |              | 80.00     | 68.75     | 80.00   |         | HCM00690 |
| 706 | PHẠM THỊ         | LINH |                      |       |      | 7    | 11    | 1988 | Xã Yên Trung, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hóa   | Đại học Kinh tế Tp.HCM                  | Ngoại thương                 |                    | HCM01771    |              | 72.50     | 41.25     | 62.50   |         | HCM00691 |
| 707 | PHẠM VIỆT HOÀI   | LINH |                      |       |      | 1    | 3     | 1994 | Tỉnh Phú Yên                                   | Đại học Kinh Tế tp HCM                  | Kế toán                      |                    | HCM01774    |              | 70.00     | 71.25     | 82.50   |         | HCM00692 |
| 708 | PHAN ĐĂNG TUYẾT  | LINH |                      |       |      | 7    | 4     | 1991 | Quảng Ngãi                                     | Đại học Công Nghệ Thành phố Hồ Chí Minh | Kế toán tài chính            |                    | HCM01775    |              | 70.00     | 71.25     | 60.00   |         | HCM00693 |
| 709 | PHAN THỊ         | LINH |                      |       |      | 2    | 4     | 1987 | Đồng Nai                                       | Đại học Kinh tế TP.HCM                  | Kế toán                      |                    | HCM01777    |              | 72.50     | 40.00     | 47.50   |         | HCM00694 |
| 710 | TẠ THỊ THÙY      | LINH |                      |       |      | 25   | 7     | 1991 | Quảng Minh- Việt Yên- Bắc Giang                | Đại học Quốc tế Hồng Bàng               | Kế toán - Kiểm toán          | Con BB             | HCM01781    | 20           | 62.50     | 48.75     | 62.50   |         | HCM00695 |
| 711 | THÁI THỊ ÁI      | LINH |                      |       |      | 12   | 11    | 1988 | Bình Định                                      | Đại học Mở TP.HCM                       | Quản trị kinh doanh quốc tế  | Con TB             | HCM01783    | 20           | 75.00     | 61.25     | 55.00   |         | HCM00696 |
| 712 | THÁI THỊ HÀ      | LINH |                      |       |      | 20   | 8     | 1982 | Hà Tĩnh                                        | Đại học kinh tế quốc dân Hà Nội         | Kế toán                      |                    | HCM01784    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00697 |
| 713 | TÔ NGỌC          | LINH |                      |       |      | 2    | 2     | 1990 | P. Hải Cảng, Quy Nhơn, Bình Định               | Đại học Ngân hàng TP.HCM                | Tài chính - Ngân hàng        |                    | HCM01785    |              | 80.00     | 66.25     | 72.50   |         | HCM02106 |
| 714 | TÔNG KHÁNH       | LINH |                      |       |      | 4    | 7     | 1992 | Thanh Hóa                                      | Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh      | Luật Thương mại              |                    | HCM01786    |              | 37.50     | 62.50     | 65.00   |         | HCM00698 |
| 715 | TÔNG LÊ MỸ       | LINH |                      |       |      | 26   | 8     | 1991 | Nam Định                                       | Đại học Sài Gòn                         | Tài chính ngân hàng          |                    | HCM01787    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00699 |
| 716 | TRẦN BÀ          | LINH | 19                   | 5     | 1990 |      |       |      | HÀ TĨNH                                        | Đại học kinh tế Tp.HCM                  | Tài chính ngân hàng          |                    | HCM01788    |              | 42.50     | 48.75     | 77.50   |         | HCM00700 |



| STT | Họ                  | Tên  | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                             | Cơ sở đào tạo                         | Chuyên ngành đào tạo          | Đối tượng ưu tiên  | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|---------------------|------|----------------------|-------|------|------|-------|------|------------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------|--------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|     |                     |      | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                                      |                                       |                               |                    |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |                     |      | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                                      |                                       |                               |                    |             |              |           |           |         |         |          |
| 1   | 2                   | 3    | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                                   | 11                                    | 12                            | 13                 | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 717 | TRAN NGOC KHANH     | LINH |                      |       |      | 3    | 5     | 1990 | Phước Lý - Quảng Phước - Quảng Điện - Thừa Thiên Huế | Đại học Kinh tế Huế                   | Kế toán                       |                    | HCM01792    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00701 |
| 718 | TRẦN PHƯƠNG         | LINH |                      |       |      | 24   | 1     | 1992 | Hà Nội                                               | Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM    | Quản trị kinh doanh           |                    | HCM01793    |              | 50.00     | 53.75     | 65.00   |         | HCM00702 |
| 719 | TRẦN THỊ ÁI         | LINH |                      |       |      | 16   | 4     | 1992 | Yên mô - Ninh bình                                   | Đại học TRÀ VINH                      | Kế toán                       |                    | HCM01794    |              | 70.00     | 38.75     | 60.00   |         | HCM00703 |
| 720 | TRẦN THỊ NHẠN       | LINH |                      |       |      | 7    | 4     | 1994 | Tỉnh Ninh Thuận                                      | Đại học Nông Lâm TPHCM                | Kinh tế tài nguyên môi trường |                    | HCM01800    |              | 37.50     | 57.50     | 60.00   |         | HCM00704 |
| 721 | TRẦN THỊ THÙY       | LINH |                      |       |      | 27   | 8     | 1990 | Thái Bình                                            | Đại học Tài chính - Marketing         | Tài chính ngân hàng           |                    | HCM01802    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00705 |
| 722 | TRẦN THỊ TRÚC       | LINH |                      |       |      | 5    | 6     | 1992 | Bà Rịa Vũng Tàu                                      | Đại học Kinh tế TP. HCM               | Kế toán                       |                    | HCM01807    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00707 |
| 723 | TRẦN THỊ TRÚC       | LINH |                      |       |      | 18   | 4     | 1987 | Long An                                              | Đại học Quốc Tế Hồng Bàng             | Quản trị kinh doanh           |                    | HCM01805    |              | 77.50     | 51.25     | 72.50   |         | HCM00706 |
| 724 | TRỊNH THỊ THẢO      | LINH |                      |       |      | 27   | 1     | 1993 | Thành phố Thái Bình                                  | Đại học Bách Khoa Hà Nội              | Kinh tế                       |                    | HCM01808    |              | 60.00     | 71.25     | 65.00   |         | HCM00708 |
| 725 | TRƯƠNG KIM          | LINH |                      |       |      | 9    | 6     | 1990 | Thành phố Hồ Chí Minh                                | Đại học Ngân Hàng TPHCM               | Tài chính ngân hàng           |                    | HCM01809    |              | 65.00     | 61.25     | 65.00   |         | HCM00709 |
| 726 | TRƯƠNG NGUYỄN KHÁNH | LINH |                      |       |      | 17   | 12    | 1993 | TT. Vĩnh Hưng, Vĩnh Hưng, Long An                    | Đại học Công Nghiệp Tp.Hồ Chí Minh    | Quản trị kinh doanh           |                    | HCM01810    |              | 42.50     | 42.50     | 62.50   |         | HCM00710 |
| 727 | TRƯƠNG THỊ          | LINH |                      |       |      | 2    | 11    | 1993 | Tĩnh Giang - Sơn Tĩnh - Quảng Ngãi                   | Đại học Kinh tế Tp. HCM               | Kế toán                       |                    | HCM01811    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00711 |
| 728 | VĂN THỦY            | LINH |                      |       |      | 2    | 11    | 1986 | Thanh Hóa                                            | Đại học Kinh Tế Tp HCM                | Tài chính nhà nước            | Con TB             | HCM01814    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | HCM00712 |
| 729 | VÕ THỊ              | LINH |                      |       |      | 6    | 8     | 1990 | PHÚ YÊN                                              | Đại học SÀI SÒN, TP.HCM               | Kế toán                       |                    | HCM01815    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00713 |
| 730 | VŨ THỊ HƯƠNG        | LINH |                      |       |      | 18   | 12    | 1992 | Nam Định                                             | Đại học Kinh Tế TP. HCM               | Tài chính ngân hàng           |                    | HCM01821    |              | 82.50     | 70.00     | 75.00   |         | HCM00714 |
| 731 | NGUYỄN NHẬT         | LINH | 15                   | 2     | 1985 |      |       |      | Long Thuận-Hồng Ngự-Đồng Tháp                        | Đại học Kinh tế TP.HCM                | Hệ thống thông tin kinh tế    |                    | HCM01823    |              | 45.00     | 36.25     | 47.50   |         | HCM00715 |
| 732 | ĐINH THỊ            | LOAN |                      |       |      | 11   | 1     | 1983 | Ninh Bình                                            | Đại học Đại Học Kinh tế TP.HCM        | Kế toán                       |                    | HCM01825    |              | 75.00     | 41.25     | 42.50   |         | HCM00716 |
| 733 | ĐINH THỊ BÍCH       | LOAN |                      |       |      | 6    | 1     | 1992 | Xã Hoà Tiến, huyện Hoà Vang, TP. Đà Nẵng             | Đại học Công Nghiệp TP. Hồ Chí Minh   | Tài chính ngân hàng           |                    | HCM01826    |              | 60.00     | 73.75     | 70.00   |         | HCM00717 |
| 734 | HỒ THỊ KIỀU         | LOAN |                      |       |      | 7    | 8     | 1988 | Nghệ An                                              | Đại học Văn Hiến                      | Kế toán                       |                    | HCM01831    |              | 60.00     | 46.25     | 65.00   |         | HCM00718 |
| 735 | NGUYỄN THANH YẾN    | LOAN |                      |       |      | 26   | 2     | 1988 | Long An                                              | Đại học Kinh Tế Tp.HCM                | Tài chính ngân hàng           |                    | HCM01838    |              | 47.50     | 35.00     | 45.00   |         | HCM00719 |
| 736 | NGUYỄN THỊ HỒNG     | LOAN |                      |       |      | 15   | 1     | 1992 | Long An                                              | Đại học Kinh tế TP.HCM                | Kế toán                       |                    | HCM01842    |              | 57.50     | 53.75     | 72.50   |         | HCM00720 |
| 737 | NGUYỄN THỊ KIM      | LOAN |                      |       |      | 8    | 3     | 1989 | Nghệ An                                              | Đại học Đại Học Kinh Tế- Luật         | Kế toán - Kiểm toán           |                    | HCM01843    |              | 67.50     | 68.75     | 75.00   |         | HCM00721 |
| 738 | NGUYỄN THỊ THANH    | LOAN |                      |       |      | 1    | 10    | 1989 | Tp Quy Nhơn, Bình Định                               | Đại học Quy Nhơn                      | Tài chính ngân hàng           |                    | HCM01844    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00722 |
| 739 | PHẠM THỊ NGỌC       | LOAN |                      |       |      | 11   | 2     | 1990 | Mũi Né, Phan Thiết, Bình Thuận                       | Đại học Đại học Tài Chính Marketing   | Tài chính ngân hàng           |                    | HCM01848    |              | 62.50     | 55.00     | 60.00   |         | HCM00723 |
| 740 | TRẦN THỊ THANH      | LOAN |                      |       |      | 10   | 1     | 1989 | Nam Định                                             | Đại học Kinh tế TP. HCM               | Tài chính ngân hàng           |                    | HCM01854    |              | 65.00     | 71.25     | 65.00   |         | HCM00725 |
| 741 | TRẦN THỊ THANH      | LOAN |                      |       |      | 1    | 1     | 1987 | Tây Ninh                                             | Đại học Bình Dương                    | Kế toán                       | Con NHĐKC bị NCĐHH | HCM01853    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | HCM00724 |
| 742 | TRẦN THỊ TÚ         | LOAN |                      |       |      | 25   | 9     | 1989 | thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An                      | Đại học Kinh tế - Công nghiệp Long An | Tài chính ngân hàng           | Con TB             | HCM01855    | 20           | 55.00     | 46.25     | 67.50   |         | HCM00726 |
| 743 | TỬ PHỤNG            | LOAN |                      |       |      | 27   | 7     | 1987 | TRÀ VINH                                             | Đại học TRÀ VINH                      | Kế toán                       | DTTS               | HCM01856    | 20           | 57.50     | 37.50     | 35.00   |         | HCM00727 |
| 744 | LÊ MINH             | LỘC  | 16                   | 7     | 1993 |      |       |      | Ninh Bình                                            | Đại học Kinh Tế Thành phố Hồ Chí Minh | Kinh tế                       |                    | HCM01863    |              | 87.50     | 70.00     | 80.00   |         | HCM00728 |
| 745 | LÊ PHAN VINH        | LỘC  | 9                    | 12    | 1980 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                                | Đại học Kinh Tế Tp. HCM               | Tài chính tiền tệ tín dụng    |                    | HCM01864    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00729 |
| 746 | NGUYỄN ĐÌNH         | LỘC  | 10                   | 9     | 1975 |      |       |      | Quảng Ngãi                                           | Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh        | Kế toán - Kiểm toán           |                    | HCM01866    |              | 87.50     | 55.00     | 65.00   |         | HCM00730 |



| STT | Họ                 | Tên    | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                             | Cơ sở đào tạo                              | Chuyên ngành đào tạo         | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|--------------------|--------|----------------------|-------|------|------|-------|------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|     |                    |        | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                                      |                                            |                              |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |                    |        | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                                      |                                            |                              |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1   | 2                  | 3      | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                                   | 11                                         | 12                           | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 747 | NGUYỄN HỮU         | LỘC    | 25                   | 1     | 1989 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                                | Đại học Quốc tế Hồng Bàng                  | Kế toán - Kiểm toán          |                   | HCM01867    |              | 45.00     | 42.50     | 50.00   |         | HCM00731 |
| 748 | TRẦN ĐỖ            | LỘC    | 25                   | 5     | 1987 |      |       |      | THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                                | Đại học Trường ĐH Quốc tế Hồng Bàng        | Kế toán - Kiểm toán          |                   | HCM01870    |              | 80.00     | MT        | 75.00   |         | HCM00732 |
| 749 | NGUYỄN HỮU         | LỢI    | 14                   | 9     | 1987 |      |       |      | Thái Bình                                            | Đại học Luật Tp.HCM                        | Luật học                     |                   | HCM01874    |              | VT        | VT        | MT      |         | HCM00733 |
| 750 | NGUYỄN THÁI        | LỢI    | 2                    | 4     | 1993 |      |       |      | Bình Định                                            | Đại học Công Nghiệp TP. Hồ Chí Minh        | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM01875    |              | 52.50     | 38.75     | 72.50   |         | HCM00734 |
| 751 | ĐÀO ĐỨC            | LONG   | 20                   | 11    | 1985 |      |       |      | Tân Phong, Ninh Giang, Hải Dương                     | Đại học Hàng Hải Việt Nam                  | Kinh tế vận tải biển         |                   | HCM01881    |              | 82.50     | MT        | 85.00   |         | HCM00735 |
| 752 | ĐOÀN THANH         | LONG   | 2                    | 6     | 1982 |      |       |      | Đồng Nai                                             | Đại học Nguyễn Tất Thành                   | Kế toán                      |                   | HCM01883    |              | 80.00     | 48.75     | MT      |         | HCM00736 |
| 753 | HỒ VĂN             | LONG   | 19                   | 6     | 1991 |      |       |      | Nghệ an                                              | Đại học Tài chính Marketing                | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM01884    |              | 65.00     | 57.50     | 55.00   |         | HCM00737 |
| 754 | HOA HOÀNG          | LONG   | 2                    | 9     | 1994 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                                | Đại học Tài Chính - Marketing              | Quản trị kinh doanh tổng hợp |                   | HCM01885    |              | 52.50     | 67.50     | 67.50   |         | HCM00738 |
| 755 | LÊ THỊ             | LONG   |                      |       |      | 8    | 2     | 1992 | Quảng Nam                                            | Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật TP.HCM            | Kế toán                      |                   | HCM01888    |              | 65.00     | 57.50     | 70.00   |         | HCM00739 |
| 756 | NGUYỄN HOÀNG       | LONG   | 27                   | 10    | 1990 |      |       |      | Đức Phong, Đức Thọ, Hà Tĩnh                          | Đại học Kinh Tế Huế                        | Kinh tế                      |                   | HCM01894    |              | 52.50     | 52.50     | 67.50   |         | HCM00740 |
| 757 | NGUYỄN THÁI        | LONG   | 24                   | 4     | 1993 |      |       |      | Nghệ An                                              | Đại học Kinh tế Tp..HCM                    | Kinh tế kế hoạch & đầu tư    |                   | HCM01898    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00741 |
| 758 | PHẠM ĐOÀN          | LONG   | 10                   | 5     | 1994 |      |       |      | Nam Định                                             | Đại học Kinh Tế TP HCM                     | Kiểm toán                    |                   | HCM01902    |              | 95.00     | 75.00     | 87.50   |         | HCM00742 |
| 759 | PHẠM NGỌC KIM      | LONG   | 16                   | 12    | 1988 |      |       |      | TP Hồ Chí Minh                                       | Đại học Kỹ Thuật Công Nghệ TP. Hồ Chí Minh | Kế toán                      |                   | HCM01903    |              | 67.50     | 50.00     | 72.50   |         | HCM00743 |
| 760 | PHẠM PHI           | LONG   | 22                   | 5     | 1982 |      |       |      | Thành Phố Hồ Chí Minh                                | Đại học Kinh Tế Tp.HCM                     | Quản trị kinh doanh tổng hợp | HTNVQS            | HCM01904    | 10           | 42.50     | 45.00     | 62.50   |         | HCM00744 |
| 761 | THÁI GIA           | LONG   | 12                   | 2     | 1992 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                                | Đại học Nguyễn Tất Thành                   | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM01905    |              | 65.00     | 67.50     | 65.00   |         | HCM00745 |
| 762 | VIÊN NGỌC          | LONG   | 1                    | 1     | 1980 |      |       |      | Bến tre                                              | Đại học Mở Thành Phố Hồ Chí Minh           | Kinh tế học                  |                   | HCM01910    |              | 67.50     | 66.25     | 57.50   |         | HCM00746 |
| 763 | VŨ HÀ              | LONG   | 25                   | 10    | 1990 |      |       |      | HÀ NỘI                                               | Đại học MONASH                             | Thương mại quốc tế           |                   | HCM01911    |              | 52.50     | MT        | 45.00   |         | HCM00747 |
| 764 | NGUYỄN THÀNH       | LUÂN   | 19                   | 4     | 1988 |      |       |      | Quảng Ngãi                                           | Đại học Công Nghiệp TPHCM                  | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM01912    |              | 55.00     | 45.00     | 65.00   |         | HCM00748 |
| 765 | VÔ MINH            | LUÂN   | 25                   | 1     | 1986 |      |       |      | bến tre                                              | Đại học Nguyễn tất thành                   | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM01915    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00749 |
| 766 | ĐẶNG VĂN           | LỰC    | 16                   | 8     | 1993 |      |       |      | Đội 9, Vạn Định, Mỹ Lộc, Phù Mỹ, Bình Định           | Đại học Lạc Hồng                           | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM01916    |              | 55.00     | 36.25     | 60.00   |         | HCM00750 |
| 767 | NGUYỄN NGỌC        | LƯ'ONG | 19                   | 8     | 1982 |      |       |      | Xóm 7, Xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, Tỉnh Thanh Hóa | Đại học Mở Thành Phố Hồ Chí Minh           | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM01918    |              | 67.50     | 38.75     | MT      |         | HCM00751 |
| 768 | PHAN TRỌNG         | LƯ'U   | 28                   | 9     | 1993 |      |       |      | Nghệ An                                              | Đại học Ngoại Thương cơ sở 2               | Kinh tế                      |                   | HCM01920    |              | 75.00     | 65.00     | 70.00   |         | HCM00752 |
| 769 | NGUYỄN CHIẾN       | LŨY    | 8                    | 3     | 1985 |      |       |      | Bắc Ninh                                             | Đại học Đại Học Kinh Tế Tp.HCM             | Kế toán                      |                   | HCM01921    |              | 62.50     | 41.25     | 70.00   |         | HCM00753 |
| 770 | NGUYỄN THỊ KIM     | LUYẾN  |                      |       |      | 10   | 9     | 1992 | Quảng Ngãi                                           | Đại học Công Nghiệp TPHCM                  | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM01924    |              | 75.00     | 81.25     | 72.50   |         | HCM00754 |
| 771 | GIP HUYNH QUỲNH    | LY     |                      |       |      | 23   | 9     | 1993 | Móng Cái, Quảng Ninh                                 | Đại học Ngân hàng Tp Hồ Chí Minh           | Ngân hàng                    | DTTS              | HCM01927    | 20           | 50.00     | 58.75     | 67.50   |         | HCM00755 |
| 772 | LÊ HOÀNG TRANG LY  | LY     |                      |       |      | 4    | 12    | 1994 | Quảng Bình                                           | Đại học Công Nghiệp TPHCM                  | Kế toán - Kiểm toán          |                   | HCM01929    |              | 82.50     | 61.25     | 80.00   |         | HCM00756 |
| 773 | NGUYỄN LÊ HÀ THẢO  | LY     |                      |       |      | 6    | 9     | 1990 | Thành phố Đà Nẵng                                    | Đại học Tài chính Marketing                | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM01930    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00757 |
| 774 | NGUYỄN NGỌC HƯ'ONG | LY     |                      |       |      | 3    | 7     | 1992 | Quảng Ngãi                                           | Đại học Tôn Đức Thắng                      | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM01931    |              | 62.50     | 81.25     | 70.00   |         | HCM00758 |
| 775 | NGUYỄN NGỌC THẢO   | LY     |                      |       |      | 15   | 10    | 1987 | Nam Định                                             | Đại học Sài Gòn                            | Kế toán                      |                   | HCM01932    |              | 65.00     | 50.00     | 62.50   |         | HCM00759 |
| 776 | PHAN THỊ NGỌC      | LY     |                      |       |      | 24   | 9     | 1986 | Thành Phố Huế                                        | Đại học Quốc Gia TP.HCM                    | Kinh tế học                  |                   | HCM01937    |              | 60.00     | 62.50     | 50.00   |         | HCM00760 |



| STT | Họ               | Tên  | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                           | Cơ sở đào tạo                           | Chuyên ngành đào tạo        | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|------------------|------|----------------------|-------|------|------|-------|------|------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|     |                  |      | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                    |                                         |                             |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |                  |      | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                    |                                         |                             |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1   | 2                | 3    | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                 | 11                                      | 12                          | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 777 | TRẦN THỊ HUƠNG   | LY   |                      |       |      | 29   | 3     | 1989 | Hải Phòng                          | Đại học Sài Gòn                         | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM01939    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00761 |
| 778 | NGUYỄN THỊ       | LÝ   |                      |       |      | 1    | 1     | 1991 | Vĩnh Long                          | Đại học Cửu Long                        | Kế toán                     |                   | HCM01943    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00762 |
| 779 | TRẦN THỊ         | LÝ   |                      |       |      | 20   | 2     | 1983 | Nghĩa Thành, Nghĩa Hưng , Nam Định | Đại học ĐẠI HỌC NHA TRANG               | Kinh tế và quản lý thủy sản |                   | HCM01946    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00763 |
| 780 | ĐỖ NGỌC          | MAI  |                      |       |      | 22   | 6     | 1993 | Tỉnh Nam Định                      | Đại học Giao thông vận tải Hà Nội       | Kế toán                     |                   | HCM01949    |              | 75.00     | 58.75     | 65.00   |         | HCM00764 |
| 781 | ĐOÀN THỊ NGỌC    | MAI  |                      |       |      | 15   | 10    | 1988 | Nam Định                           | Đại học Kinh Tế TP.HCM                  | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM01952    |              | 50.00     | 58.75     | 55.00   |         | HCM00765 |
| 782 | HỒ THỊ           | MAI  |                      |       |      | 19   | 11    | 1987 | Hà Tĩnh                            | Đại học Kinh tế TP HCM                  | Kế toán                     |                   | HCM01953    |              | 75.00     | 46.25     | 65.00   |         | HCM00766 |
| 783 | HUỲNH THỊ TUYẾT  | MAI  |                      |       |      | 12   | 7     | 1991 | Thành phố Hồ Chí Minh              | Đại học Nguyễn Tất Thành                | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM01955    |              | 42.50     | VT        | VT      |         | HCM00767 |
| 784 | LÊ THỊ           | MAI  |                      |       |      | 15   | 2     | 1993 | Đức Lập-Đức Thọ-Hà Tĩnh            | Đại học Tài Chính-Marketing             | Kế toán doanh nghiệp        |                   | HCM01957    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00768 |
| 785 | LÊ THỊ HOÀNG     | MAI  |                      |       |      | 14   | 9     | 1986 | Nha Trang - Khánh Hòa              | Đại học Luật                            | Luật học                    |                   | HCM01958    |              | 62.50     | 67.50     | 75.00   |         | HCM00769 |
| 786 | LƯƠNG HUỲNH      | MAI  |                      |       |      | 16   | 11    | 1993 | Liên Hòa, Kim thành, Hải Dương     | Đại học Cần Thơ                         | Kinh doanh thương mại       |                   | HCM01961    |              | 45.00     | 63.75     | 77.50   |         | HCM00770 |
| 787 | NGUYỄN THỊ THANH | MAI  |                      |       |      | 30   | 3     | 1991 | Thành phố Hồ Chí Minh              | Đại học Nguyễn Tất Thành                | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM01966    |              | 65.00     | 36.25     | 55.00   |         | HCM00771 |
| 788 | PHẠM THỊ TUYẾT   | MAI  |                      |       |      | 24   | 4     | 1982 | NAM ĐỊNH                           | Đại học KINH TẾ TP.HCM                  | Kế toán                     |                   | HCM01970    |              | 62.50     | 63.75     | 72.50   |         | HCM00772 |
| 789 | TRẦN THỊ NGỌC    | MAI  |                      |       |      | 28   | 12    | 1985 | Thành phố Hồ Chí Minh              | Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh        | Luật Kinh tế                |                   | HCM01974    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00773 |
| 790 | VĂN THỊ          | MAI  |                      |       |      | 12   | 10    | 1987 | Nghệ An                            | Học viện Học Viện Tài Chính             | Kế toán doanh nghiệp        | Con BB            | HCM01977    | 20           | 65.00     | 42.50     | 75.00   |         | HCM00774 |
| 791 | TRẦN THỊ         | MÃO  |                      |       |      | 14   | 8     | 1986 | Thái Bình                          | Đại học Ngân hàng TPHCM                 | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM01984    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00776 |
| 792 | NGUYỄN HÀ        | MI   |                      |       |      | 26   | 9     | 1992 | HCM                                | Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh | Kế toán - Kiểm toán         |                   | HCM01989    |              | 67.50     | 58.75     | 67.50   |         | HCM00777 |
| 793 | TRẦN LÊ TRÀ      | MI   |                      |       |      | 26   | 10    | 1993 | Mỹ An Mang Thít Vĩnh Long          | Đại học Đại Học Cần Thơ                 | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM01992    |              | 65.00     | 33.75     | 67.50   |         | HCM00778 |
| 794 | BUI NGUYỄN TUYẾT | MINH |                      |       |      | 31   | 1     | 1988 | Hồng Ngự, Đồng Tháp                | Đại học Ngân Hàng Tp.HCM                | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM01994    |              | 80.00     | 47.50     | 70.00   |         | HCM00779 |
| 795 | ĐANG TUYẾT       | MINH |                      |       |      | 13   | 3     | 1989 | Long An                            | Đại học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh          | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM01996    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00780 |
| 796 | ĐỖ TẤN           | MINH | 24                   | 6     | 1993 |      |       |      | Nam Định                           | Đại học Tài Chính - Marketing           | Tài chính doanh nghiệp      |                   | HCM01998    |              | 45.00     | 38.75     | 67.50   |         | HCM00781 |
| 797 | ĐOÀN LÊ ANH      | MINH |                      |       |      | 23   | 4     | 1985 | Hòa Phú, Châu Thành, Long An       | Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh          | Tài chính doanh nghiệp      |                   | HCM01999    |              | 57.50     | 80.00     | 82.50   |         | HCM00782 |
| 798 | HUỲNH ĐỨC        | MINH | 18                   | 3     | 1986 |      |       |      | Vĩnh Long                          | Đại học Công Nghiệp TPHCM               | Quản trị kinh doanh         |                   | HCM02001    |              | 75.00     | 62.50     | 70.00   |         | HCM00783 |
| 799 | HUỲNH TUẤN       | MINH | 20                   | 2     | 1986 |      |       |      | HCM                                | Đại học KINH TẾ TP. HCM                 | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM02003    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00784 |
| 800 | LÊ NHẬT          | MINH | 2                    | 2     | 1992 |      |       |      | Long An                            | Đại học Cardiff Metropolitan University | Quản trị kinh doanh quốc tế |                   | HCM02007    |              | 40.00     | MT        | 65.00   |         | HCM00785 |
| 801 | NGÔ CÔNG         | MINH | 28                   | 10    | 1986 |      |       |      | Trà Vinh                           | Đại học VĂN LANG                        | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM02010    |              | 57.50     | 38.75     | 65.00   |         | HCM00786 |
| 802 | NGÔ NGUYỄN HẢI   | MINH |                      |       |      | 15   | 1     | 1985 | Quảng Nam                          | Đại học Ngoại Ngữ Tin Học TP.HCM        | Quản trị kinh doanh quốc tế |                   | HCM02011    |              | 55.00     | 60.00     | 62.50   |         | HCM00787 |
| 803 | NGUYỄN HOÀNG     | MINH | 17                   | 10    | 1984 |      |       |      | Quảng Ngãi                         | Đại học James Cook University           | Quản trị kinh doanh         |                   | HCM02013    |              | VT        | MT        | VT      |         | HCM00788 |
| 804 | PHẠM KIM TUYẾT   | MINH |                      |       |      | 27   | 6     | 1991 | Thành phố Hồ Chí Minh              | Đại học Sài Gòn                         | Kế toán                     |                   | HCM02021    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00789 |
| 805 | PHAN VĂN         | MINH | 16                   | 11    | 1984 |      |       |      | Tiền Giang                         | Đại học Tài Chính Marketing             | Quản trị kinh doanh         |                   | HCM02023    |              | VT        | VT        | MT      |         | HCM00790 |
| 806 | TRẦN CAO         | MINH | 14                   | 11    | 1992 |      |       |      | Châu Thành - Kiên Giang            | Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh            | Luật học                    |                   | HCM02029    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00791 |
| 807 | TRẦN THỊ ANH     | MINH |                      |       |      | 11   | 2     | 1993 | Tỉnh Gia Lai                       | Đại học Sài Gòn                         | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM02034    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00792 |



| STT | Họ               | Tên  | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                            | Cơ sở đào tạo                                   | Chuyên ngành đào tạo         | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|------------------|------|----------------------|-------|------|------|-------|------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|     |                  |      | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                                     |                                                 |                              |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |                  |      | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                                     |                                                 |                              |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1   | 2                | 3    | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                                  | 11                                              | 12                           | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 808 | VÕ BÁ            | MINH | 30                   | 12    | 1992 |      |       |      | Xã Hoài Thanh, Huyện Hoài Nhơn, Bình Định           | Đại học Công Nghệ Tp.Hồ Chí Minh                | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM02036    |              | 67.50     | 50.00     | 67.50   |         | HCM00793 |
| 809 | CAO NGỌC TRÀ     | MY   |                      |       |      | 13   | 2     | 1991 | 12A Ấp 3B Xã Phước Lợi, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An | Đại học Công nghệ TP.HCM (Hutech)               | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM02051    |              | 65.00     | 47.50     | 67.50   |         | HCM00794 |
| 810 | DƯƠNG HÀNG       | MY   |                      |       |      | 23   | 10    | 1990 | Thành phố Hồ Chí Minh                               | Đại học Ngân Hàng Tp. HCM                       | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM02056    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00795 |
| 811 | NGUYỄN QUỲNH     | MY   |                      |       |      | 25   | 6     | 1984 | NHƠN THỌ, ANH NHƠN , BÌNH ĐỊNH                      | Đại học KINH TẾ TP.HCM                          | Kế toán                      |                   | HCM02061    |              | 67.50     | 45.00     | 52.50   |         | HCM00796 |
| 812 | PHẠM THỊ TRÀ     | MY   |                      |       |      | 15   | 3     | 1994 | Quảng Ngãi                                          | Đại học Tài Chính - Marketing                   | Ngân hàng                    |                   | HCM02066    |              | 62.50     | 65.00     | 62.50   |         | HCM00797 |
| 813 | LÊ THỊ           | MỸ   |                      |       |      | 20   | 12    | 1986 | Hà Tĩnh                                             | Đại học Tư Thục Quốc Tế Sài Gòn                 | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM02073    |              | 72.50     | 52.50     | 57.50   |         | HCM00798 |
| 814 | PHẠM THỊ NGỌC    | MỸ   |                      |       |      | 29   | 5     | 1994 | Tam Kỳ, Quảng Nam                                   | Đại học Kinh Tế TP.HCM                          | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM02077    |              | 77.50     | 58.75     | 80.00   |         | HCM00799 |
| 815 | TRÌNH THỊ NGỌC   | MỸ   |                      |       |      | 25   | 6     | 1992 | Bình Thuận                                          | Đại học Mở TPHCM                                | Kế toán                      |                   | HCM02079    |              | 47.50     | 67.50     | 70.00   |         | HCM00800 |
| 816 | NGUYỄN THỊ VI    | NA   |                      |       |      | 18   | 2     | 1994 | Ba Đình-Nga Sơn-Thanh Hoá                           | Đại học Mở TPHCM                                | Luật Kinh tế                 |                   | HCM02082    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00801 |
| 817 | PHAN LY          | NA   |                      |       |      | 12   | 4     | 1985 | QUẢNG BÌNH                                          | Đại học Thương mại                              | Quản trị kinh doanh tổng hợp |                   | HCM02083    |              | 80.00     | 70.00     | 75.00   |         | HCM00802 |
| 818 | CAO ĐỨC          | NAM  | 15                   | 3     | 1993 |      |       |      | Đức Thọ, Hà Tĩnh                                    | Học viện South de Toulon Var                    | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM02084    |              | VT        | MT        | VT      |         | HCM00803 |
| 819 | ĐỖ THÁI          | NAM  | 4                    | 9     | 1994 |      |       |      | huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình                        | Đại học Kinh tế - Luật                          | Luật Kinh tế                 |                   | HCM02086    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00804 |
| 820 | NGUYỄN ĐỨC       | NAM  | 16                   | 3     | 1990 |      |       |      | Đà Nẵng                                             | Đại học NGÂN HÀNG TPHCM                         | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM02090    |              | 80.00     | 70.00     | 77.50   |         | HCM00805 |
| 821 | NGUYỄN HOÀI      | NAM  | 12                   | 4     | 1994 |      |       |      | Quảng trị                                           | Đại học Kinh tế - Luật , Đại học Quốc Gia TPHCM | Kinh tế quốc tế              |                   | HCM02094    |              | 50.00     | 65.00     | 72.50   |         | HCM00806 |
| 822 | NGUYỄN PHƯƠNG    | NAM  | 4                    | 11    | 1989 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                               | Đại học Kinh tế Tp.HCM                          | Kế toán                      |                   | HCM02096    |              | 67.50     | 62.50     | 70.00   |         | HCM00807 |
| 823 | PHẠM NGỌC        | NAM  | 3                    | 8     | 1990 |      |       |      | Thái Bình                                           | Đại học Ngân Hàng TP Hồ Chí Minh                | Hệ Thống Thông Tin Quản Lý   |                   | HCM02098    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00808 |
| 824 | TRẦN PHƯƠNG      | NAM  | 17                   | 4     | 1994 |      |       |      | Thái Bình                                           | Đại học TÀI CHÍNH - MARKETING                   | Tài chính ngân hàng          | Con TB            | HCM02101    | 20           | 97.50     | 48.75     | 80.00   |         | HCM00809 |
| 825 | TRẦN VĂN         | NAM  | 6                    | 3     | 1985 |      |       |      | Hà tĩnh                                             | Đại học Lạc Hồng                                | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM02103    |              | 52.50     | 33.75     | 55.00   |         | HCM00810 |
| 826 | TRÌNH TRUNG      | NAM  | 28                   | 11    | 1991 |      |       |      | Tỉnh Quảng Nam                                      | Đại học Công Nghệ Thành Phố Hồ Chí Minh         | Kế toán                      |                   | HCM02104    |              | 65.00     | 41.25     | 70.00   |         | HCM00811 |
| 827 | VŨ HOÀI          | NAM  | 26                   | 7     | 1993 |      |       |      | Thanh Miện, Hải Dương                               | Đại học Kinh Tế - Luật, Đại học Quốc Gia Tp.HCM | Hệ thống thông tin quản lý   | Con TB            | HCM02108    | 20           | 32.50     | 48.75     | 60.00   |         | HCM00812 |
| 828 | HOÀNG THỊ        | NĂM  |                      |       |      | 15   | 9     | 1991 | Thành phố Hải Dương                                 | Học viện Tài chính                              | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM02111    |              | 100.00    | 70.00     | 87.50   |         | HCM00813 |
| 829 | ĐÀO THỊ          | NGA  |                      |       |      | 31   | 8     | 1994 | Xã Duy Nhất, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình           | Đại học Công Nghiệp TP.HCM                      | Kế toán - Kiểm toán          |                   | HCM02115    |              | 55.00     | 36.25     | 67.50   |         | HCM00814 |
| 830 | ĐỖ THỊ TUYẾT     | NGA  |                      |       |      | 22   | 7     | 1991 | Hà Nam                                              | Đại học Kinh Doanh Và Công Nghệ Hà Nội          | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM02116    |              | 75.00     | 43.75     | 72.50   |         | HCM00815 |
| 831 | HOÀNG THỊ        | NGA  |                      |       |      | 15   | 11    | 1985 | Đắc Lắc                                             | Đại học Đại học BC Marketing                    | Kế toán                      |                   | HCM02118    |              | 70.00     | 36.25     | 72.50   |         | HCM00816 |
| 832 | HUỶNH THỊ TUYẾT  | NGA  |                      |       |      | 25   | 12    | 1987 | Bình Định                                           | Đại học Quy Nhơn                                | Kế toán                      |                   | HCM02119    |              | VT        | MT        | VT      |         | HCM00817 |
| 833 | LÊ THỊ           | NGA  |                      |       |      | 27   | 7     | 1988 | Tỉnh Thanh Hóa                                      | Đại học Kinh tế Luật TP HCM                     | Kế toán - Kiểm toán          |                   | HCM02121    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00818 |
| 834 | NGUYỄN ÁNH       | NGA  |                      |       |      | 18   | 10    | 1990 | Đại Lộc, Quảng Nam                                  | Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh           | Hệ Thống Thông Tin Quản Lý   |                   | HCM02128    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00819 |
| 835 | NGUYỄN THỊ THANH | NGA  |                      |       |      | 8    | 1     | 1990 | Tỉnh Thừa Thiên Huế                                 | Đại học Ngân hàng Tp.HCM                        | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM02139    |              | 87.50     | 62.50     | 72.50   |         | HCM00820 |
| 836 | NGUYỄN THỊ THUY  | NGA  |                      |       |      | 27   | 2     | 1994 | Hồ Chí Minh                                         | Đại học Kinh tế Đà Nẵng                         | Luật                         |                   | HCM02141    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00821 |
| 837 | NGUYỄN THU       | NGA  |                      |       |      | 27   | 3     | 1990 | Hà Tây                                              | Đại học Tài Chính Marketing                     | Kế toán                      |                   | HCM02142    |              | 87.50     | MT        | 72.50   |         | HCM00822 |



| STT | Họ                       | Tên  | Ngày, tháng năm sinh |       |     |      |       |      | Quê quán                                  | Cơ sở đào tạo                                 | Chuyên ngành đào tạo               | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|--------------------------|------|----------------------|-------|-----|------|-------|------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|     |                          |      | Nam                  |       |     | Nữ   |       |      |                                           |                                               |                                    |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |                          |      | Ngày                 | Tháng | Năm | Ngày | Tháng | Năm  |                                           |                                               |                                    |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1   | 2                        | 3    | 4                    | 5     | 6   | 7    | 8     | 9    | 10                                        | 11                                            | 12                                 | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 838 | PHẠM THỊ HẰNG            | NGA  |                      |       |     | 21   | 8     | 1989 | Đồng Quang, Đồng Hưng, Thái Bình          | Đại học Học viện ngân hàng                    | Tài chính ngân hàng                |                   | HCM02144    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00823 |
| 839 | PHẠM THỊ TUYẾT           | NGA  |                      |       |     | 27   | 2     | 1988 | Hoa Lư, Ninh Bình                         | Đại học Tài Chính Marketing                   | Tài chính ngân hàng                |                   | HCM02147    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00824 |
| 840 | TRẦN THỊ THANH           | NGA  |                      |       |     | 16   | 10    | 1990 | Xã Phú Gia, Huyện Hương Khê, Tỉnh Hà Tĩnh | Đại học Kinh Tế TP.Hồ Chí Minh                | Kế toán                            |                   | HCM02149    |              | 70.00     | 38.75     | 62.50   |         | HCM00825 |
| 841 | TRẦN THỊ THU             | NGA  |                      |       |     | 6    | 6     | 1990 | Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu                      | Đại học Đại học Kinh tế - Luật                | Kế toán - Kiểm toán                |                   | HCM02151    |              | 72.50     | 68.75     | 67.50   |         | HCM00826 |
| 842 | TRẦN THỊ THÚY            | NGA  |                      |       |     | 6    | 11    | 1988 | Thái Bình                                 | Đại học Ngân hàng TP. HCM                     | Tài chính ngân hàng                |                   | HCM02152    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00827 |
| 843 | TRẦN THỊ                 | NGA  |                      |       |     | 20   | 6     | 1994 | Mỹ Cát - Phú Mỹ - Bình Định               | Đại học Kinh Tế Đà Nẵng                       | Luật                               |                   | HCM02158    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00828 |
| 844 | ĐÀO THỊ KIM              | NGÂN |                      |       |     | 12   | 7     | 1990 | Bình Định                                 | Đại học Văn Hiến                              | Quản trị kinh doanh                |                   | HCM02160    |              | 57.50     | 45.00     | 65.00   |         | HCM00829 |
| 845 | ĐỖ THỊ HỒNG              | NGÂN |                      |       |     | 12   | 12    | 1994 | Bình Dương                                | Đại học Ngân Hàng TPHCM                       | Kế toán                            |                   | HCM02161    |              | 67.50     | 65.00     | 62.50   |         | HCM00830 |
| 846 | DƯƠNG THỊ BẢO            | NGÂN |                      |       |     | 10   | 9     | 1991 | Thành phố Hồ Chí Minh                     | Đại học Văn Hiến                              | Tài chính ngân hàng                |                   | HCM02164    |              | 90.00     | 82.50     | 77.50   |         | HCM00831 |
| 847 | HUỖNH THỊ HỒNG           | NGÂN |                      |       |     | 6    | 5     | 1989 | Thành phố Hồ Chí Minh                     | Đại học Kinh Tế TP.HCM                        | Tài chính ngân hàng                |                   | HCM02171    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00832 |
| 848 | KHOAN KIM                | NGÂN |                      |       |     | 26   | 2     | 1994 | Thành phố Hồ Chí Minh                     | Đại học Tài chính - Marketing                 | Thuế                               |                   | HCM02173    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM02097 |
| 849 | LÊ THỊ KIM               | NGÂN |                      |       |     | 22   | 12    | 1994 | Hà Tĩnh                                   | Đại học Công Nghiệp TP.HCM                    | Tài chính ngân hàng                |                   | HCM02180    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00834 |
| 850 | LÊ THỊ KIM               | NGÂN |                      |       |     | 17   | 10    | 1978 | Long An                                   | Đại học Công Nghệ TP. Hồ Chí Minh             | Kế toán                            |                   | HCM02176    |              | 35.00     | 35.00     | 62.50   |         | HCM00833 |
| 851 | MAI THỊ KIM              | NGÂN |                      |       |     | 17   | 3     | 1990 | Tiền Giang                                | Đại học CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP HỒ CHÍ MINH  | Quản trị kinh doanh                |                   | HCM02184    |              | 47.50     | 51.25     | 52.50   |         | HCM00835 |
| 852 | NGUYỄN LÂM TUYẾT         | NGÂN |                      |       |     | 11   | 9     | 1993 | Thành phố Hồ Chí Minh                     | Đại học TÀI CHÍNH - MARKETING                 | Tài chính ngân hàng                |                   | HCM02189    |              | 92.50     | 68.75     | 75.00   |         | HCM00836 |
| 853 | NGUYỄN THỊ KIM           | NGÂN |                      |       |     | 24   | 11    | 1987 | Huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh             | Đại học Kinh tế Quốc dân                      | Kế toán                            |                   | HCM02196    |              | 80.00     | 47.50     | 65.00   |         | HCM00837 |
| 854 | NGUYỄN THỊ KIM           | NGÂN |                      |       |     | 13   | 10    | 1978 | Thành phố Hồ Chí Minh                     | Đại học Kinh tế TP.HCM                        | Kế toán                            |                   | HCM02195    |              | 50.00     | 38.75     | MT      |         | HCM00838 |
| 855 | NGUYỄN THỊ KIM           | NGÂN |                      |       |     | 2    | 7     | 1974 | Thành phố Hồ Chí Minh                     | Đại học Kinh Tế Tp.HCM                        | Tài chính kế toán các doanh nghiệp |                   | HCM02194    |              | 47.50     | 32.50     | 47.50   |         | HCM00839 |
| 856 | NGUYỄN THỊ MAI           | NGÂN |                      |       |     | 8    | 1     | 1987 | Phạm Kha - Thanh Miện- Hải Dương          | Đại học Kinh Tế TPHCM                         | Kế toán                            |                   | HCM02201    |              | 52.50     | 61.25     | 60.00   |         | HCM00840 |
| 857 | NGUYỄN THỊ QUỲNH         | NGÂN |                      |       |     | 12   | 4     | 1989 | HÒA TRỊ, HUYỆN PHÚ HÒA, TỈNH PHÚ YÊN      | Đại học Kinh tế Tp.HCM                        | Tài chính doanh nghiệp             |                   | HCM02203    |              | 85.00     | 68.75     | 75.00   |         | HCM00841 |
| 858 | NGUYỄN THỊ THU           | NGÂN |                      |       |     | 10   | 12    | 1985 | Nam Định                                  | Đại học Kinh Tế Tp Hồ Chí Minh                | Quản trị kinh doanh thương mại     |                   | HCM02204    |              | 82.50     | 70.00     | 72.50   |         | HCM00842 |
| 859 | NGUYỄN THỊ TUYẾT         | NGÂN |                      |       |     | 12   | 1     | 1991 | Quy Nhơn, Bình Định                       | Đại học Văn Lang                              | Tài chính ngân hàng                |                   | HCM02209    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00843 |
| 860 | NGUYỄN VIỆT THƯƠNG HOÀNG | NGÂN |                      |       |     | 15   | 11    | 1982 | Hà Nam                                    | Đại học Kinh Tế TP.HCM                        | Quản trị kinh doanh (Ngoại thương) |                   | HCM02212    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00844 |
| 861 | PHẠM THỊ KIM             | NGÂN |                      |       |     | 26   | 9     | 1991 | Thừa Thiên Huế                            | Đại học Kinh Tế Quốc Dân                      | Luật Kinh doanh                    |                   | HCM02214    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00845 |
| 862 | PHẠM THỊ THÚY            | NGÂN |                      |       |     | 23   | 9     | 1993 | Bến Tre                                   | Đại học Luật TP.HCM                           | Luật Hành chính                    |                   | HCM02215    |              | 82.50     | 66.25     | 57.50   |         | HCM00846 |
| 863 | PHẠM THỦY                | NGÂN |                      |       |     | 27   | 1     | 1989 | LONG AN                                   | Đại học KINH TẾ TP.HCM                        | Kế toán                            |                   | HCM02216    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00847 |
| 864 | TÔ KIỀU                  | NGÂN |                      |       |     | 19   | 8     | 1992 | Hà Nội                                    | Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh               | Kế toán                            |                   | HCM02219    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00848 |
| 865 | TRẦN THỊ KIM             | NGÂN |                      |       |     | 16   | 7     | 1985 | Hà Nam                                    | Đại học Tôn Đức Thắng                         | Kế toán                            |                   | HCM02222    |              | 90.00     | 56.25     | 77.50   |         | HCM00849 |
| 866 | TRƯƠNG THỊ KIM           | NGÂN |                      |       |     | 19   | 12    | 1991 | Thành phố Hồ Chí Minh                     | Đại học Công Nghiệp Thực Phẩm Tp. Hồ Chí Minh | Kế toán                            |                   | HCM02226    |              | 60.00     | 45.00     | 65.00   |         | HCM00850 |
| 867 | HOÀNG THỊ                | NGÁT |                      |       |     | 20   | 5     | 1989 | Thái Bình                                 | Đại học Sài Gòn                               | Kế toán                            |                   | HCM02236    |              | 77.50     | 62.50     | 72.50   |         | HCM00851 |



| STT | Họ               | Tên   | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                      | Cơ sở đào tạo                             | Chuyên ngành đào tạo        | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|------------------|-------|----------------------|-------|------|------|-------|------|-----------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|     |                  |       | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                               |                                           |                             |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |                  |       | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                               |                                           |                             |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1   | 2                | 3     | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                            | 11                                        | 12                          | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 868 | LÊ PHƯƠNG        | NGHI  |                      |       |      | 17   | 6     | 1991 | Thành phố Cần Thơ                             | Đại học Cần Thơ                           | Quản trị kinh doanh         |                   | HCM02237    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00852 |
| 869 | NGUYỄN THỊ LINH  | NGHI  |                      |       |      | 12   | 12    | 1989 | Bình Thuận                                    | Đại học Kinh tế TP.HCM                    | Ngân hàng                   |                   | HCM02239    |              | 60.00     | 58.75     | 70.00   |         | HCM02111 |
| 870 | ĐINH THỊ         | NGHĨA |                      |       |      | 22   | 10    | 1986 | Quảng Nam                                     | Đại học Kinh Tế Tp.HCM                    | Kế toán                     |                   | HCM02245    |              | 62.50     | MT        | 70.00   |         | HCM00853 |
| 871 | NGUYỄN THỊ       | NGOAN |                      |       |      | 1    | 7     | 1988 | Xã Thái Sơn - Huyện Kinh Môn - Tỉnh Hải Dương | Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh           | Kế toán doanh nghiệp        | Con TB            | HCM02259    | 20           | 95.00     | 60.00     | 72.50   |         | HCM00854 |
| 872 | CHUNG THỊ BÍCH   | NGQC  |                      |       |      | 30   | 11    | 1993 | Thành phố Hồ Chí Minh                         | Đại học Công Nghệ TP.HCM                  | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM02267    |              | 67.50     | 61.25     | 70.00   |         | HCM00855 |
| 873 | ĐẶNG THỊ HỒNG    | NGQC  |                      |       |      | 15   | 10    | 1992 | Huyện Kiến Xương,tỉnh Thái Bình               | Đại học Ngân hàng tp.HCM                  | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM02271    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00856 |
| 874 | ĐỖ THỊ HỒNG      | NGQC  |                      |       |      | 20   | 10    | 1990 | Tân Thọ, Nông Cống, Thanh Hóa                 | Đại học Ngân hàng Tp. HCM                 | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM02273    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00857 |
| 875 | GIANG            | NGQC  |                      |       |      | 10   | 2     | 1989 | Trà Vinh                                      | Đại học Hoa Sen                           | Quản trị kinh doanh         |                   | HCM02275    |              | 55.00     | 61.25     | 65.00   |         | HCM00858 |
| 876 | HOÀNG THỊ BẢO    | NGQC  |                      |       |      | 26   | 8     | 1992 | Hải Tân- Hải Lăng- Quảng Trị                  | Đại học Kinh Tế T.p Hồ Chí Minh           | Kế toán                     |                   | HCM02276    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00859 |
| 877 | HỒNG THỊ BÍCH    | NGQC  |                      |       |      | 19   | 1     | 1984 | Xã An Phú, Huyện Thủ Đức, Tỉnh Gia Định       | Đại học Kinh Tế                           | Ngoại thương                |                   | HCM02277    |              | 25.00     | 28.75     | 47.50   |         | HCM00860 |
| 878 | HUYỀN DƯƠNG MỸ   | NGQC  |                      |       |      | 22   | 9     | 1990 | Ninh Thuận                                    | Đại học Hồng Bàng                         | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM02278    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00861 |
| 879 | KIỀU BÍCH        | NGQC  |                      |       |      | 28   | 12    | 1991 | Phước Thọ                                     | Đại học Kỹ Thuật Công Nghệ TP.Hồ Chí Minh | Quản trị kinh doanh         |                   | HCM02283    |              | 57.50     | 63.75     | 67.50   |         | HCM00862 |
| 880 | LÂM HỒNG         | NGQC  | 13                   | 1     | 1989 |      |       |      | Quảng Đông - Trung Quốc                       | Đại học Đại học Hoa Sen                   | Quản trị kinh doanh         |                   | HCM02284    |              | 70.00     | 60.00     | 57.50   |         | HCM00863 |
| 881 | LÊ THỊ HỒNG      | NGQC  |                      |       |      | 11   | 6     | 1988 | Thành phố Hồ Chí Minh                         | Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh           | Kế toán                     |                   | HCM02289    |              | 55.00     | 42.50     | 65.00   |         | HCM00864 |
| 882 | LÊ YẾN           | NGQC  |                      |       |      | 21   | 11    | 1992 | Bến Tre                                       | Đại học Công Nghệ Sài Gòn                 | Quản trị kinh doanh         |                   | HCM02295    |              | 67.50     | 57.50     | 72.50   |         | HCM00865 |
| 883 | LÝ HỒNG          | NGQC  |                      |       |      | 17   | 8     | 1985 | Thành phố Hồ Chí Minh                         | Đại học Đại Học Quốc Tế Hồng Bàng         | Kế toán - Kiểm toán         |                   | HCM02296    |              | 50.00     | 50.00     | 45.00   |         | HCM00866 |
| 884 | MAI THỊ NHƯ      | NGQC  |                      |       |      | 14   | 5     | 1990 | Bình Trung, Bình Sơn, Quảng Ngãi              | Đại học Ngân hàng TP.HCM                  | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM02297    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00867 |
| 885 | NGUYỄN HÙNG      | NGQC  |                      |       |      | 14   | 4     | 1984 | Bình Dương                                    | Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh                | Luật Kinh tế                |                   | HCM02304    |              | VT        | VT        | MT      |         | HCM00868 |
| 886 | NGUYỄN PHAN BÍCH | NGQC  |                      |       |      | 16   | 9     | 1992 | Hà Nội                                        | Đại học Nguyễn Tất Thành                  | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM02308    |              | 65.00     | 61.25     | 80.00   |         | HCM00869 |
| 887 | NGUYỄN TẤN       | NGQC  | 8                    | 9     | 1988 |      |       |      | Quảng Ngãi                                    | Đại học Quy Nhơn                          | Quản trị kinh doanh         |                   | HCM02309    |              | 50.00     | 38.75     | 72.50   |         | HCM00870 |
| 888 | NGUYỄN THỊ       | NGQC  |                      |       |      | 27   | 3     | 1985 | Xã Thái Hòa, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình  | Đại học Kinh tế Tp.HCM                    | Kế toán                     |                   | HCM02312    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00871 |
| 889 | NGUYỄN THỊ BÍCH  | NGQC  |                      |       |      | 18   | 7     | 1991 | Hưng Yên                                      | Đại học Công Nghiệp Thực Phẩm TP. HCM     | Kế toán                     |                   | HCM02316    |              | 60.00     | 42.50     | 62.50   |         | HCM00872 |
| 890 | NGUYỄN THỊ HẢI   | NGQC  |                      |       |      | 19   | 2     | 1991 | Hà Tĩnh                                       | Đại học Kinh Tế TP HCM                    | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM02318    |              | 72.50     | 70.00     | 67.50   |         | HCM00873 |
| 891 | NGUYỄN THỊ HỒNG  | NGQC  |                      |       |      | 23   | 9     | 1987 | Đồng Tháp                                     | Đại học Ngân Hàng TP.HCM                  | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM02319    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00874 |
| 892 | NGUYỄN THỊ NHƯ   | NGQC  |                      |       |      | 25   | 7     | 1992 | Thanh Hoá                                     | Đại học ĐHDL Văn Lang                     | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM02322    |              | 52.50     | 58.75     | 52.50   |         | HCM00875 |
| 893 | NGUYỄN TRẦN BÍCH | NGQC  |                      |       |      | 12   | 12    | 1993 | thành phố Hồ Chí Minh                         | Đại học Trường Đại học công nghệ TP. HCM  | Tài chính                   |                   | HCM02326    |              | 62.50     | 52.50     | 65.00   |         | HCM00876 |
| 894 | PHAN NGUYỄN BÍCH | NGQC  |                      |       |      | 27   | 3     | 1987 | kim sơn, ninh bình                            | Đại học Kinh Tế Tp.HCM                    | Kế toán tài chính ngân hàng |                   | HCM02329    |              | 72.50     | 60.00     | 65.00   |         | HCM00877 |
| 895 | PHAN VĂN         | NGQC  | 1                    | 1     | 1980 |      |       |      | Tiền Giang                                    | Đại học Mở Tp.HCM                         | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM02332    |              | 42.50     | 27.50     | 35.00   |         | HCM00878 |
| 896 | THÁI THỊ BÍCH    | NGQC  |                      |       |      | 27   | 3     | 1992 | HÀ TĨNH                                       | Đại học NGÂN HÀNG TP HỒ CHÍ MINH          | Kế toán                     |                   | HCM02336    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00879 |
| 897 | TRẦN HỒNG        | NGQC  |                      |       |      | 15   | 4     | 1992 | Thành phố Hồ Chí Minh                         | Đại học CÔNG NGHỆ THÔNG TIN GIA ĐỊNH      | Kế toán                     |                   | HCM02340    |              | 70.00     | 40.00     | 52.50   |         | HCM00880 |
| 898 | TRẦN MAI HỒNG    | NGQC  |                      |       |      | 16   | 11    | 1993 | Phước Thọ                                     | Đại học ĐH Sài Gòn                        | Kế toán                     |                   | HCM02341    |              | 50.00     | 56.25     | 52.50   |         | HCM00881 |



| STT | Họ                  | Tên    | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                                         | Cơ sở đào tạo                        | Chuyên ngành đào tạo     | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|---------------------|--------|----------------------|-------|------|------|-------|------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|     |                     |        | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                                                  |                                      |                          |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |                     |        | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                                                  |                                      |                          |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1   | 2                   | 3      | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                                               | 11                                   | 12                       | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 899 | TRẦN THỊ KIM        | NGỌC   |                      |       |      | 20   | 9     | 1991 | Nhà Bè                                                           | Đại học Mở TP HCM                    | Quản trị kinh doanh      |                   | HCM02346    |              | 57.50     | 45.00     | 70.00   |         | HCM00882 |
| 900 | TRẦN THỊ KIM        | NGỌC   |                      |       |      | 27   | 8     | 1991 | Quảng Ngãi                                                       | Đại học Sài Gòn                      | Luật Kinh doanh          |                   | HCM02345    |              | 70.00     | 70.00     | 67.50   |         | HCM00883 |
| 901 | VŨ HỒNG             | NGỌC   |                      |       |      | 4    | 10    | 1994 | Hải Phòng                                                        | Đại học Hà Nội                       | Kế toán                  |                   | HCM02356    |              | 52.50     | MT        | 65.00   |         | HCM00884 |
| 902 | VŨ THỊ ÁNH          | NGỌC   |                      |       |      | 11   | 5     | 1987 | THANH HÓA                                                        | Đại học Tài chính - Marketing        | Kế toán                  |                   | HCM02357    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00885 |
| 903 | VŨ THỊ HỒNG         | NGỌC   |                      |       |      | 17   | 4     | 1994 | Tỉnh Lâm Đồng                                                    | Đại học Công Nghiệp TP. Hồ Chí Minh  | Kế toán                  |                   | HCM02358    |              | 80.00     | 67.50     | 72.50   |         | HCM00886 |
| 904 | BÙI HỒNG            | NGUYỄN |                      |       |      | 21   | 1     | 1986 | Ninh Bình                                                        | Đại học Quốc Tế Hồng Bàng TP. HCM    | Kế toán - Kiểm toán      |                   | HCM02360    |              | 55.00     | 47.50     | 45.00   |         | HCM00888 |
| 905 | CAO                 | NGUYỄN | 2                    | 9     | 1993 |      |       |      | Kỳ Anh, Hà Tĩnh                                                  | Đại học Kinh tế Tp.HCM               | Kế toán doanh nghiệp     |                   | HCM02361    |              | 72.50     | 61.25     | 67.50   |         | HCM00889 |
| 906 | NGUYỄN KIM          | NGUYỄN |                      |       |      | 26   | 4     | 1992 | Long An                                                          | Đại học Công Nghiệp TP.HCM           | Kế toán - Kiểm toán      |                   | HCM02376    |              | 62.50     | 62.50     | 70.00   |         | HCM00890 |
| 907 | NGUYỄN LỤC THẢO     | NGUYỄN |                      |       |      | 20   | 12    | 1993 | Đồng Tháp                                                        | Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh     | Tài chính ngân hàng      |                   | HCM02377    |              | 70.00     | 66.25     | 70.00   |         | HCM00891 |
| 908 | NGUYỄN SƠN          | NGUYỄN | 1                    | 1     | 1991 |      |       |      | Quảng Trị                                                        | Đại học Sài Gòn                      | Luật                     |                   | HCM02379    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00892 |
| 909 | NGUYỄN THỊ THẢO     | NGUYỄN |                      |       |      | 21   | 1     | 1987 | Sóc Trăng                                                        | Đại học Công Nghiệp TP. HCM          | Kế toán                  |                   | HCM02384    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM01253 |
| 910 | PHẠM THẢO           | NGUYỄN |                      |       |      | 19   | 9     | 1991 | Thừa Thiên Huế                                                   | Đại học Tôn Đức Thắng                | Kế toán - Kiểm toán      |                   | HCM02388    |              | 75.00     | 66.25     | 72.50   |         | HCM00893 |
| 911 | PHAN TRẦN THẢO      | NGUYỄN |                      |       |      | 18   | 12    | 1983 | Vĩnh Long                                                        | Học viện Viện Đại Học Mở Hà Nội      | Tài chính ngân hàng      |                   | HCM02390    |              | 57.50     | 43.75     | 55.00   |         | HCM00894 |
| 912 | PHÙNG THỊ THẢO      | NGUYỄN |                      |       |      | 23   | 7     | 1994 | Quảng Bình                                                       | Đại học Lạc Hồng                     | Quản trị kinh tế quốc tế |                   | HCM02391    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00895 |
| 913 | TRẦN TỐ             | NGUYỄN |                      |       |      | 5    | 3     | 1994 | Thành phố Hồ Chí Minh                                            | Đại học Tài Chính - Marketing        | Thuế                     |                   | HCM02394    |              | 67.50     | 67.50     | 65.00   |         | HCM00896 |
| 914 | VŨ THỊ THẢO         | NGUYỄN |                      |       |      | 18   | 9     | 1992 | Thành phố Hồ Chí Minh                                            | Đại học Nguyễn Tất Thành             | Tài chính ngân hàng      |                   | HCM02396    |              | 65.00     | 35.00     | 62.50   |         | HCM00897 |
| 915 | LÊ THỊ MINH         | NGUYỆT |                      |       |      | 27   | 10    | 1994 | Đồng Tháp                                                        | Đại học Tôn Đức Thắng                | Kế toán - Kiểm toán      |                   | HCM02405    |              | 52.50     | 56.25     | 72.50   |         | HCM00898 |
| 916 | NGUYỄN THỊ ÁNH      | NGUYỆT |                      |       |      | 21   | 10    | 1984 | Bắc Ninh                                                         | Đại học Kinh Tế TpHCM                | Kế toán                  |                   | HCM02407    |              | VT        | VT        | MT      |         | HCM00899 |
| 917 | PHẠM THỊ            | NGUYỆT |                      |       |      | 1    | 11    | 1990 | Tiền Hưng, Lục Nam, Bắc Giang                                    | Đại học Giao thông vận tải           | Kế toán                  |                   | HCM02409    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00900 |
| 918 | PHẠM THỊ HỒNG       | NGUYỆT |                      |       |      | 10   | 10    | 1983 | Ấn Tín - Hoài Ân - Bình Định                                     | Đại học Văn Hiến TPHCM               | Kế toán                  |                   | HCM02410    |              | 35.00     | 41.25     | MT      |         | HCM00901 |
| 919 | THÁI THỊ ÁNH        | NGUYỆT |                      |       |      | 12   | 9     | 1989 | Thôn Luật Bình - Xã Phước Quang- Huyện Tuy Phước- Tỉnh Bình Định | Đại học Quy Nhơn                     | Tài chính doanh nghiệp   |                   | HCM02413    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00902 |
| 920 | TRƯƠNG THỊ ÁNH      | NGUYỆT |                      |       |      | 19   | 7     | 1981 | Thừa Thiên Huế                                                   | Đại học Kinh tế Tp.HCM               | Tài chính ngân hàng      |                   | HCM02419    |              | 82.50     | 72.50     | 82.50   |         | HCM00903 |
| 921 | TRẦN THỊ MINH       | NHÂN   |                      |       |      | 20   | 10    | 1994 | Quảng Ngãi                                                       | Đại học Tài chính Kế toán Quảng Ngãi | Kế toán                  |                   | HCM02426    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00904 |
| 922 | NGUYỄN HOÀNG        | NHÂN   | 1                    | 1     | 1982 |      |       |      | phường Bình Trị Đông B                                           | Đại học Đà Nẵng                      | Tài chính ngân hàng      |                   | HCM02433    |              | 45.00     | 33.75     | 37.50   |         | HCM00905 |
| 923 | NGUYỄN NGUYỄN TRUNG | NHÂN   | 30                   | 12    | 1988 |      |       |      | TIỀN GIANG                                                       | Đại học TÔN ĐỨC THẮNG                | Kế toán                  |                   | HCM02434    |              | 50.00     | 41.25     | 40.00   |         | HCM00906 |
| 924 | TRẦN THỊ CẨM        | NHÂN   |                      |       |      | 1    | 9     | 1989 | Thành Phố Quy Nhơn                                               | Đại học Kỹ Thuật Công Nghệ TP HCM    | Kế toán                  |                   | HCM02438    |              | 45.00     | 38.75     | 60.00   |         | HCM00907 |
| 925 | NGUYỄN VĂN          | NHÂN   | 17                   | 11    | 1986 |      |       |      | TIỀN GIANG                                                       | Đại học KINH TẾ TP HCM               | Tài chính nhà nước       |                   | HCM02446    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00908 |
| 926 | LÊ THỊ HỒNG         | NHAN   |                      |       |      | 22   | 10    | 1986 | HÒA XUÂN ĐÔNG, ĐÔNG HÒA, PHÚ YÊN                                 | Đại học MAKETTING TP.HCM             | Quản trị kinh doanh      |                   | HCM02449    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00909 |
| 927 | NGUYỄN TUẤN         | NHẬT   | 7                    | 1     | 1994 |      |       |      | Xã Thạch Việt- Huyện Thạch Hà- Tỉnh Hà Tĩnh                      | Đại học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh       | Tài chính ngân hàng      |                   | HCM02455    |              | 92.50     | 86.25     | 72.50   |         | HCM00910 |
| 928 | VŨ MINH             | NHẬT   | 25                   | 8     | 1993 |      |       |      | Hải Dương                                                        | Đại học Công nghệ Sài Gòn            | Quản trị kinh doanh      |                   | HCM02456    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00911 |
| 929 | HUỲNH THỊ VÂN       | NHI    |                      |       |      | 1    | 11    | 1991 | Tiền Giang                                                       | Đại học Ngân hàng TP.HCM             | Tài chính ngân hàng      |                   | HCM02462    |              | 60.00     | 60.00     | 60.00   |         | HCM00912 |
| 930 | LÊ HOÀNG            | NHI    |                      |       |      | 27   | 12    | 1991 | Thành phố Hồ Chí Minh                                            | Đại học Sài Gòn                      | Tài chính ngân hàng      |                   | HCM02467    |              | 57.50     | 65.00     | 90.00   |         | HCM00913 |



| STT | Họ                 | Tên   | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                             | Cơ sở đào tạo                                     | Chuyên ngành đào tạo        | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|--------------------|-------|----------------------|-------|------|------|-------|------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|     |                    |       | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                                      |                                                   |                             |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |                    |       | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                                      |                                                   |                             |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1   | 2                  | 3     | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                                   | 11                                                | 12                          | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 931 | LÊ HỒNG            | NHI   |                      |       |      | 11   | 3     | 1993 | Phước Quang, Tuy Phước, Bình Định                    | Đại học Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh | Kế toán - Kiểm toán         |                   | HCM02468    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00914 |
| 932 | NGUYỄN ÁI          | NHI   |                      |       |      | 21   | 1     | 1992 | Long An                                              | Đại học Công Nghệ TP Hồ Chí Minh                  | Kế toán - Kiểm toán         |                   | HCM02471    |              | 77.50     | 52.50     | 72.50   |         | HCM00915 |
| 933 | NGUYỄN THỊ         | NHI   |                      |       |      | 22   | 8     | 1989 | Xã Trung Nghĩa,huyện Vũng Liêm,Tỉnh Vĩnh Long        | Đại học Cửu Long                                  | Kế toán                     |                   | HCM02475    |              | 47.50     | 35.00     | 65.00   |         | HCM00916 |
| 934 | NGUYỄN THỊ HUYỀN   | NHI   |                      |       |      | 21   | 10    | 1993 | Thái Nguyên                                          | Đại học Nha Trang                                 | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM02476    |              | 87.50     | 58.75     | 70.00   |         | HCM00917 |
| 935 | NGUYỄN THỊ KIM     | NHI   |                      |       |      | 21   | 12    | 1992 | TPHCM                                                | Đại học HOA SEN                                   | Quản trị kinh doanh         |                   | HCM02477    |              | 65.00     | 68.75     | 82.50   |         | HCM00918 |
| 936 | PHẠM HUỲNH Ỡ       | NHI   |                      |       |      | 24   | 8     | 1989 | Long An                                              | Đại học Kinh Tế Tp.HCM                            | Kế toán                     |                   | HCM02484    |              | 57.50     | 48.75     | 60.00   |         | HCM00919 |
| 937 | PHẠM YẾN           | NHI   |                      |       |      | 20   | 8     | 1991 | Đồng Tháp                                            | Đại học Văn Lang                                  | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM02487    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00920 |
| 938 | PHAN TRẦN          | NHI   |                      |       |      | 10   | 1     | 1990 | Tỉnh Bình Định                                       | Đại học Luật TP.HCM                               | Luật                        |                   | HCM02488    |              | 55.00     | 51.25     | 60.00   |         | HCM00921 |
| 939 | THÁI THỊ YẾN       | NHI   |                      |       |      | 16   | 8     | 1993 | thành phố Hồ Chí Minh                                | Đại học FPT                                       | Quản trị kinh doanh quốc tế |                   | HCM02489    |              | 42.50     | 50.00     | 45.00   |         | HCM00922 |
| 940 | TRẦN NỮ VÂN        | NHI   |                      |       |      | 25   | 7     | 1993 | Bến tre                                              | Đại học Công Nghệ Tp.HCM                          | Kế toán tài chính           |                   | HCM02490    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00923 |
| 941 | TRẦN THỊ QUỲNH     | NHI   |                      |       |      | 4    | 10    | 1994 | Gio Việt Gio Linh Quảng Trị                          | Đại học Công Nghệ TP Hồ Chí Minh                  | Quản trị kinh doanh         |                   | HCM02492    |              | 70.00     | 60.00     | 67.50   |         | HCM00924 |
| 942 | TRẦN YẾN           | NHI   |                      |       |      | 2    | 1     | 1989 | Thành Phố Hồ Chí Minh                                | Đại học Tôn Đức Thắng                             | Tài chính tín dụng          |                   | HCM02493    |              | 60.00     | 53.75     | 75.00   |         | HCM00925 |
| 943 | LÊ THỊ MỸ          | NHIỆM |                      |       |      | 11   | 12    | 1992 | Bình Thuận                                           | Đại học Kinh tế TP.HCM                            | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM02497    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00926 |
| 944 | LÊ VĂN TRUNG       | NHIÊN | 10                   | 10    | 1975 |      |       |      | Thôn 1, Xã Đức Chánh, Huyện Mộ Đức, Tỉnh Quảng Ngãi  | Đại học Kinh Tế TPHCM                             | Quản trị kinh doanh         |                   | HCM02499    |              | 57.50     | 56.25     | 67.50   |         | HCM00927 |
| 945 | NGUYỄN THỊ TRIỆU   | NHIÊN |                      |       |      | 8    | 7     | 1986 | Phong Hòa - Phong Điền - Thừa Thiên Huế              | Đại học Tôn Đức Thắng TP.HCM                      | Kế toán                     |                   | HCM02500    |              | 60.00     | 37.50     | 65.00   |         | HCM00928 |
| 946 | LÂM NHỊ            | NHƠN  | 2                    | 12    | 1992 |      |       |      | Trung Quốc                                           | Đại học Kinh tế Tài chính TPHCM                   | Tài chính doanh nghiệp      |                   | HCM02507    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00929 |
| 947 | TRẦN MỸ            | NHƠN  |                      |       |      | 15   | 12    | 1989 | Phường Nhơn Thành - Huyện An Nhơn - Tỉnh Bình Định   | Đại học Đại học Tài chính - Marketing             | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM02508    |              | 75.00     | 57.50     | 77.50   |         | HCM00930 |
| 948 | BÙI THỊ QUỲNH      | NHU'  |                      |       |      | 14   | 11    | 1993 | Nghệ An                                              | Đại học Công nghệ Tp.HCM                          | Quản trị kinh doanh         |                   | HCM02511    |              | 90.00     | 65.00     | 80.00   |         | HCM00931 |
| 949 | BÙI THỊ QUỲNH      | NHU'  |                      |       |      | 11   | 6     | 1986 | Bình Trị Thiên                                       | Đại học Tôn Đức Thắng TP.HCM                      | Kế toán                     |                   | HCM02510    |              | 55.00     | 31.25     | 47.50   |         | HCM00932 |
| 950 | ĐẶNG NGỌC          | NHU'  |                      |       |      | 25   | 6     | 1993 | Tây ninh                                             | Đại học Mở TPHCM                                  | Kế toán                     |                   | HCM02513    |              | 72.50     | 67.50     | 72.50   |         | HCM00933 |
| 951 | ĐẶNG THỊ QUỲNH     | NHU'  |                      |       |      | 2    | 6     | 1987 | Quy Nhơn, Bình Định                                  | Đại học Quy Nhơn                                  | Kế toán                     |                   | HCM02514    |              | 72.50     | MT        | 65.00   |         | HCM00934 |
| 952 | HÀ THỊ THU         | NHU'  |                      |       |      | 18   | 12    | 1993 | Thành Tân, Thạch Thành, Thanh Hóa                    | Đại học Kinh Tế Thành Phố Hồ Chí Minh             | Kế toán doanh nghiệp        |                   | HCM02518    |              | 80.00     | 62.50     | 72.50   |         | HCM00935 |
| 953 | HỒ PHƯỚC QUANG     | NHU'  |                      |       |      | 6    | 11    | 1979 | xã Hòa Xuân Đông, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên       | Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh             | Tài chính nhà nước          |                   | HCM02520    |              | 60.00     | 37.50     | 60.00   |         | HCM00936 |
| 954 | LÊ THỊ             | NHU'  |                      |       |      | 25   | 12    | 1989 | Kiên Giang                                           | Đại học Mở TP Hồ Chí Minh                         | Kinh tế                     |                   | HCM02530    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00937 |
| 955 | LƯU NGỌC QUỲNH     | NHU'  |                      |       |      | 21   | 12    | 1991 | Hà Nội                                               | Đại học Công Nghệ TP Hồ Chí Minh                  | Kế toán - Kiểm toán         |                   | HCM02536    |              | 90.00     | 72.50     | 67.50   |         | HCM00938 |
| 956 | NGUYỄN NGỌC KHƯƠNG | NHU'  |                      |       |      | 25   | 5     | 1992 | Thành Phố Hồ Chí Minh                                | Đại học Tôn Đức Thắng                             | Tài chính tín dụng          |                   | HCM02538    |              | 90.00     | 85.00     | 77.50   |         | HCM00939 |
| 957 | NGUYỄN QUỲNH       | NHU'  |                      |       |      | 13   | 5     | 1993 | Phú Yên                                              | Đại học Tài Chính Marketing                       | Quản trị kinh doanh         |                   | HCM02539    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00940 |
| 958 | PHAN THỊ QUỲNH     | NHU'  |                      |       |      | 22   | 4     | 1986 | Tây Ninh                                             | Đại học Kinh Tế TP.HCM                            | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM02546    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00941 |
| 959 | TRẦN NGỌC QUỲNH    | NHU'  |                      |       |      | 11   | 8     | 1993 | Thành phố Hồ Chí Minh                                | Đại học Công nghệ thông tin Gia Định, Tp. HCM     | Tài chính ngân hàng         |                   | HCM02549    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00942 |
| 960 | CAO THỊ TRANG      | NHUNG |                      |       |      | 20   | 12    | 1994 | xóm 10, xã Diên Thành, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An | Đại học Kinh tế quốc dân                          | Kế toán                     |                   | HCM02554    |              | 77.50     | 71.25     | 77.50   |         | HCM00944 |



| STT | Họ                | Tên   | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                                               | Cơ sở đào tạo                                   | Chuyên ngành đào tạo | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|-------------------|-------|----------------------|-------|------|------|-------|------|------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|     |                   |       | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                                                        |                                                 |                      |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |                   |       | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                                                        |                                                 |                      |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1   | 2                 | 3     | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                                                     | 11                                              | 12                   | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 961 | CHÉ HUYỀN         | NHUNG |                      |       |      | 3    | 11    | 1991 | Lâm Đồng                                                               | Đại học Ngân hàng TPHCM                         | Tài chính ngân hàng  |                   | HCM02555    |              | 65.00     | 72.50     | 67.50   |         | HCM00945 |
| 962 | DƯƠNG CẨM         | NHUNG |                      |       |      | 20   | 10    | 1990 | Kiên Giang                                                             | Đại học Hùng Vương TP. HCM                      | Kế toán              |                   | HCM02557    |              | 60.00     | 56.25     | 72.50   |         | HCM00946 |
| 963 | HUỖNH HỒNG        | NHUNG |                      |       |      | 17   | 1     | 1994 | An Giang                                                               | Đại học Tôn Đức Thắng                           | Kế toán              |                   | HCM02562    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00947 |
| 964 | NGUYỄN THẢO HIỀN  | NHUNG |                      |       |      | 11   | 5     | 1979 | Tp.Hồ Chí Minh                                                         | Đại học Kinh Tế TP.Hồ Chí Minh                  | Quản trị kinh doanh  |                   | HCM02572    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00948 |
| 965 | NGUYỄN THỊ        | NHUNG |                      |       |      | 14   | 1     | 1992 | Tỉnh Hà Nam                                                            | Đại học Hoa Sen                                 | Kế toán              |                   | HCM02573    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00949 |
| 966 | NGUYỄN THỊ CẨM    | NHUNG |                      |       |      | 13   | 12    | 1992 | Bình Chánh,Thành phố Hồ Chí Minh                                       | Đại học Công Nghệ TP HCM ( HUTECH)              | Quản trị kinh doanh  |                   | HCM02576    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00950 |
| 967 | NGUYỄN THỊ TUYẾT  | NHUNG |                      |       |      | 15   | 2     | 1994 | Thanh Hoá                                                              | Đại học Tôn Đức Thắng                           | Kế toán              |                   | HCM02585    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00951 |
| 968 | NGUYỄN THỊ TUYẾT  | NHUNG |                      |       |      | 3    | 1     | 1990 | Quảng Nam                                                              | Đại học Công Nghiệp Tp.HCM                      | Tài chính ngân hàng  |                   | HCM02582    |              | 60.00     | 43.75     | 67.50   |         | HCM00952 |
| 969 | PHAN NGUYỄN HỒNG  | NHUNG |                      |       |      | 5    | 10    | 1987 | Tp HCM                                                                 | Đại học Tài chính Marketing                     | Kế toán              |                   | HCM02593    |              | 47.50     | MT        | 42.50   |         | HCM00953 |
| 970 | PHAN THỊ CẨM      | NHUNG |                      |       |      | 29   | 10    | 1989 | Thành phố hồ chí minh                                                  | Đại học Lạc hồng                                | Kế toán              |                   | HCM02594    |              | 62.50     | 36.25     | 52.50   |         | HCM00954 |
| 971 | THÂN THỊ YẾN      | NHUNG |                      |       |      | 1    | 7     | 1985 | Thôn An Lương, Xã Tam Anh Bắc, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam         | Đại học Kinh tế Tp.HCM                          | Ngân hàng            |                   | HCM02599    |              | 82.50     | 56.25     | MT      |         | HCM00955 |
| 972 | TÔ THỊ HOÀNG      | NHUNG |                      |       |      | 31   | 5     | 1989 | Long An                                                                | Đại học Mở                                      | Luật Kinh tế         |                   | HCM02600    |              | VT        | MT        | VT      |         | HCM00956 |
| 973 | TRẦN THỊ HỒNG     | NHUNG |                      |       |      | 8    | 10    | 1994 | Quảng Ngãi                                                             | Đại học Công Nghệ TP.HCM                        | Tài chính thuế       |                   | HCM02604    |              | 60.00     | 68.75     | 50.00   |         | HCM00957 |
| 974 | TRỊNH THỊ HỒNG    | NHUNG |                      |       |      | 15   | 12    | 1994 | Tây Ninh                                                               | Đại học Tài chính - Marketing                   | Thuế                 |                   | HCM02607    |              | 85.00     | 71.25     | 77.50   |         | HCM00958 |
| 975 | TRƯƠNG THỊ CẨM    | NHUNG |                      |       |      | 31   | 12    | 1986 | phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế                       | Đại học Điện Lực                                | Kế toán              |                   | HCM02608    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00959 |
| 976 | HUỖNH THỊ         | NHỰT  |                      |       |      | 20   | 2     | 1988 | Tam Dân - Phú Ninh - Quảng Nam                                         | Đại học kinh tế tphcm                           | Tài chính nhà nước   |                   | HCM02613    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00960 |
| 977 | NGÔ MINH          | NHỰT  | 7                    | 7     | 1992 |      |       |      | Bạc Liêu                                                               | Đại học Tài Chính Marketing                     | Tài chính ngân hàng  |                   | HCM02615    |              | 62.50     | 63.75     | 75.00   |         | HCM00961 |
| 978 | NGUYỄN NỮ ÁNH     | NƠ    |                      |       |      | 10   | 1     | 1993 | Thôn Vĩnh Xuân, xã Phổ Phong, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi           | Đại học Công nghiệp TP HCM                      | Kế toán - Kiểm toán  |                   | HCM02621    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00962 |
| 979 | THÁI THỊ THU      | NỜ    |                      |       |      | 17   | 8     | 1984 | Thành phố Hồ Chí Minh                                                  | Đại học Khoa Kinh tế - Đại học Quốc gia TP. HCM | Tài chính ngân hàng  |                   | HCM02622    |              | 67.50     | 72.50     | 67.50   |         | HCM00963 |
| 980 | ĐẶNG TUYẾT        | NỮ    |                      |       |      | 22   | 12    | 1990 | Nhơn Hưng, An Nhơn, Bình Định                                          | Đại học Dân lập Văn Lang                        | Tài chính ngân hàng  |                   | HCM02623    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00964 |
| 981 | NGÔ LÊ LONG       | NỮ    |                      |       |      | 21   | 7     | 1988 | TP Hồ Chí Minh                                                         | Đại học Tôn Đức Thắng                           | Quản trị kinh doanh  |                   | HCM02624    |              | 47.50     | 52.50     | 57.50   |         | HCM00965 |
| 982 | PHAN THỊ          | NỮ    |                      |       |      | 8    | 7     | 1987 | Đội 10, Thôn Giang Bắc, Xã Phước Hiệp, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định | Đại học Kinh Tế TP.HCM                          | Kế toán              |                   | HCM02626    |              | 62.50     | 52.50     | 70.00   |         | HCM00966 |
| 983 | VŨ THỊ MINH       | NƯỞNG |                      |       |      | 2    | 1     | 1987 | Triệu Sơn - Thanh Hóa                                                  | Đại học Tài chính Marketing                     | Quản trị kinh doanh  |                   | HCM02631    |              | 70.00     | 42.50     | 72.50   |         | HCM00967 |
| 984 | NGUYỄN THỊ        | OANH  |                      |       |      | 24   | 5     | 1992 | Quỳnh Châu, Quỳnh Lưu, Nghệ An                                         | Đại học Kinh Tế Quốc Dân                        | Kinh tế              |                   | HCM02645    |              | 62.50     | 66.25     | 67.50   |         | HCM00969 |
| 985 | NGUYỄN THỊ        | OANH  |                      |       |      | 14   | 11    | 1991 | Bắc Ninh                                                               | Đại học Hùng Vương TP.HCM                       | Kế toán              |                   | HCM02643    |              | 65.00     | 42.50     | 57.50   |         | HCM00968 |
| 986 | NGUYỄN THỊ KIỀU   | OANH  |                      |       |      | 14   | 7     | 1991 | Bình Định                                                              | Đại học Văn Lang                                | Tài chính ngân hàng  |                   | HCM02647    |              | 87.50     | 57.50     | 77.50   |         | HCM00970 |
| 987 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG | OANH  |                      |       |      | 10   | 3     | 1985 | Thành phố Hồ Chí Minh                                                  | Đại học Mở Tp.HCM                               | Quản trị kinh doanh  |                   | HCM02650    |              | 85.00     | 68.75     | 75.00   |         | HCM00971 |
| 988 | NGUYỄN THỊ TÓ     | OANH  |                      |       |      | 20   | 10    | 1984 | BÌNH ĐỊNH                                                              | Đại học Tài Chính Marketing TP.HCM              | Quản trị kinh doanh  |                   | HCM02651    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00972 |
| 989 | NGUYỄN THỊ VÂN    | OANH  |                      |       |      | 22   | 11    | 1992 | Quảng Ngãi                                                             | Đại học Sài Gòn                                 | Kế toán              |                   | HCM02653    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00973 |



| STT  | Họ              | Tên   | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                                                            | Cơ sở đào tạo                            | Chuyên ngành đào tạo         | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|------|-----------------|-------|----------------------|-------|------|------|-------|------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|      |                 |       | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                                                                     |                                          |                              |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|      |                 |       | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                                                                     |                                          |                              |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1    | 2               | 3     | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                                                                  | 11                                       | 12                           | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 990  | TẠ THỊ KIỀU     | OANH  |                      |       |      | 14   | 11    | 1994 | Xã Thạch Bàn - Huyện Thạch Hà - Tỉnh Hà Tĩnh                                        | Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh  | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM02655    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00974 |
| 991  | TRẦN THỊ KIỀU   | OANH  |                      |       |      | 4    | 9     | 1993 | Thành phố Hồ Chí Minh                                                               | Đại học Công Nghệ TP. Hồ Chí Minh        | Kế toán                      |                   | HCM02657    |              | 77.50     | 46.25     | 70.00   |         | HCM00975 |
| 992  | TRẦN THỊ PHƯƠNG | OANH  |                      |       |      | 22   | 10    | 1994 | Hà Tĩnh                                                                             | Đại học Kinh Tế Tp.HCM                   | Tài chính-Ngân hàng          |                   | HCM02659    |              | 67.50     | 46.25     | 75.00   |         | HCM00976 |
| 993  | VÕ THỊ KIỀU     | OANH  |                      |       |      | 20   | 1     | 1989 | Long An                                                                             | Đại học Kinh tế Tp.HCM                   | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM02662    |              | 37.50     | 58.75     | 57.50   |         | HCM00977 |
| 994  | NGUYỄN HỮU      | PHA   | 20                   | 1     | 1980 |      |       |      | Ấp Phú Nhứt, Xã An Phú, Huyện Tịnh Biên, Tỉnh An Giang                              | Đại học Kinh Tế Quốc Dân                 | Quản trị doanh nghiệp        |                   | HCM02664    |              | 35.00     | 31.25     | 45.00   |         | HCM00978 |
| 995  | PHAN THỊ        | PHẢI  |                      |       |      | 30   | 4     | 1975 | Quảng Ngãi                                                                          | Đại học Kinh tế Tp.HCM                   | Kế toán                      |                   | HCM02665    |              | 57.50     | 42.50     | 52.50   |         | HCM00979 |
| 996  | NGUYỄN THỊ      | PHẦN  |                      |       |      | 22   | 3     | 1990 | Tiền Giang                                                                          | Đại học Sài Gòn                          | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM02667    |              | 80.00     | 51.25     | 77.50   |         | HCM00980 |
| 997  | NGUYỄN THỊ KIM  | PHẦN  |                      |       |      | 20   | 10    | 1992 | Bình Định                                                                           | Đại học Quy Nhơn                         | Kinh tế kế hoạch đầu tư      |                   | HCM02668    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00982 |
| 998  | NGUYỄN HỒNG     | PHÁT  |                      |       |      | 20   | 11    | 1990 | Thành phố Hồ Chí Minh                                                               | Đại học Kinh tế TP.HCM                   | Kế toán                      |                   | HCM02672    |              | 75.00     | 72.50     | 72.50   |         | HCM00983 |
| 999  | PHẠM VĂN        | PHÁT  | 6                    | 5     | 1979 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                                                               | Đại học Đà Lạt                           | Luật học                     |                   | HCM02675    |              | 45.00     | 38.75     | 40.00   |         | HCM00984 |
| 1000 | TRẦN TẤN        | PHÁT  | 5                    | 10    | 1987 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                                                               | Đại học Sài Gòn                          | Kế toán                      |                   | HCM02676    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00985 |
| 1001 | TRẦN THANH      | PHÁT  | 20                   | 2     | 1985 |      |       |      | THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                                                               | Đại học ĐẠI HỌC LUẬT ĐÀ LẠT              | Luật                         |                   | HCM02677    |              | 47.50     | 27.50     | 32.50   |         | HCM00986 |
| 1002 | VÕ TẤN          | PHÁT  | 1                    | 10    | 1988 |      |       |      | Tiền Giang                                                                          | Đại học Ngân Hàng Tp.HCM                 | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM02678    |              | 70.00     | 45.00     | 67.50   |         | HCM00987 |
| 1003 | DIỆP HOÀNG      | PHI   | 2                    | 3     | 1987 |      |       |      | Đồng Tháp                                                                           | Đại học Kinh Tế TP HCM                   | Quản trị kinh doanh tổng hợp |                   | HCM02681    |              | 47.50     | 45.00     | 70.00   |         | HCM00988 |
| 1004 | PHAN VŨ HOÀNG   | PHI   | 18                   | 10    | 1992 |      |       |      | TP.HCM                                                                              | Đại học Công Nghệ TPHCM (HUTECH)         | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM02684    |              | 67.50     | 58.75     | 57.50   |         | HCM00989 |
| 1005 | HUỲNH THỊ       | PHONG |                      |       |      | 16   | 7     | 1993 | Bình Định                                                                           | Đại học Mở Tp.HCM                        | Luật Kinh tế                 |                   | HCM02692    |              | 52.50     | 42.50     | 57.50   |         | HCM00990 |
| 1006 | LÊ THANH        | PHONG | 2                    | 12    | 1989 |      |       |      | Huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh                                                        | Đại học Tài Chính - Marketing            | QTKD                         |                   | HCM02694    |              | 67.50     | 63.75     | 80.00   |         | HCM00991 |
| 1007 | NGUYỄN THANH    | PHONG | 1                    | 7     | 1975 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                                                               | Đại học Hàng Hải Việt Nam                | Quản lý kinh tế              |                   | HCM02697    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00992 |
| 1008 | TRẦN ANH        | PHONG | 25                   | 6     | 1977 |      |       |      | Bình Định                                                                           | Đại học Hồng Bàng Tp.HCM                 | Kế toán - Kiểm toán          | HTNVQS            | HCM02699    | 10           | VT        | VT        | VT      |         | HCM00993 |
| 1009 | TRẦN THANH      | PHONG | 12                   | 8     | 1994 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                                                               | Đại học Công nghệ TP.HCM                 | Tài chính Thuế               |                   | HCM02700    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM00994 |
| 1010 | DƯƠNG KIM       | PHÚ   | 3                    | 12    | 1977 |      |       |      | Phường 8, Quận 11, Tp.HCM                                                           | Đại học Kinh Tế Tp.HCM                   | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM02701    |              | 80.00     | 82.50     | 85.00   |         | HCM00995 |
| 1011 | NGUYỄN ĐỖ NGỌC  | PHÚ   |                      |       |      | 16   | 4     | 1992 | Thành phố Hồ Chí Minh                                                               | Đại học Công Nghiệp Tp. Hồ Chí Minh      | Kế toán                      |                   | HCM02706    |              | 75.00     | 65.00     | 57.50   |         | HCM00996 |
| 1012 | NGUYỄN ĐỨC      | PHÚ   | 17                   | 2     | 1978 |      |       |      | Tỉnh Phú Yên                                                                        | Đại học Tài chính - Marketing            | Kế toán                      |                   | HCM02707    |              | 62.50     | 38.75     | 62.50   |         | HCM00997 |
| 1013 | TẠ THỊ          | PHÚ   |                      |       |      | 2    | 1     | 1992 | Thái Bình                                                                           | Đại học Quy Nhơn                         | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM02714    |              | 72.50     | 61.25     | 60.00   |         | HCM00998 |
| 1014 | ĐÀO THỊ BÍCH    | PHÚC  |                      |       |      | 1    | 10    | 1988 | Ấp Xuân Khánh 1, Xã Hòa Khánh Nam, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An                      | Đại học Kinh Tế TP.HCM                   | Kế toán                      |                   | HCM02717    |              | 97.50     | 60.00     | 77.50   |         | HCM00999 |
| 1015 | HÀN HOÀNG       | PHÚC  |                      |       |      | 23   | 4     | 1990 | Bình Thuận                                                                          | Đại học Mở Tp.HCM                        | Kế toán                      |                   | HCM02719    |              | 57.50     | 80.00     | 72.50   |         | HCM01000 |
| 1016 | HOÀNG QUANG     | PHÚC  | 19                   | 5     | 1981 |      |       |      | Quảng Ngãi                                                                          | Đại học Western Kentucky                 | Quản trị kinh doanh          |                   | HCM02721    |              | 80.00     | MT        | 85.00   |         | HCM01001 |
| 1017 | MAI HỮU         | PHÚC  | 27                   | 7     | 1994 |      |       |      | Bình Thành - Tây Sơn - Bình Định                                                    | Đại học Kinh Tế Tp.HCM                   | Kế toán - Kiểm toán          |                   | HCM02724    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM01002 |
| 1018 | NGÔ HOÀNG       | PHÚC  | 25                   | 3     | 1993 |      |       |      | D14/23 Đường Đinh Đức Thiện, Ấp 4,xã Bình Chánh , huyện Bình Chánh , TP Hồ Chí Minh | Đại học Kinh Tế TPHCM                    | Ngân hàng                    |                   | HCM02725    |              | 87.50     | 70.00     | 75.00   |         | HCM01003 |
| 1019 | NGUYỄN HOÀNG    | PHÚC  | 21                   | 7     | 1992 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                                                               | Đại học Ngân Hàng TP.HCM                 | Kế toán                      |                   | HCM02730    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM01004 |
| 1020 | NGUYỄN THANH    | PHÚC  | 16                   | 11    | 1993 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                                                               | Đại học Kinh tế-Tài Chính Tp Hồ Chí Minh | Tài chính ngân hàng          |                   | HCM02731    |              | 72.50     | 65.00     | 72.50   |         | HCM01005 |



| STT  | Họ              | Tên    | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                                 | Cơ sở đào tạo                           | Chuyên ngành đào tạo    | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|------|-----------------|--------|----------------------|-------|------|------|-------|------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|      |                 |        | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                                          |                                         |                         |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|      |                 |        | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                                          |                                         |                         |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1    | 2               | 3      | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                                       | 11                                      | 12                      | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 1021 | NGUYỄN THỊ DIỄM | PHÚC   |                      |       |      | 14   | 8     | 1992 | Đồng Nai                                                 | Đại học Sài Gòn                         | Luật Thương mại quốc tế |                   | HCM02733    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM01006 |
| 1022 | PHAM HOÀNG      | PHÚC   | 21                   | 8     | 1992 |      |       |      | Bình Định                                                | Đại học Kinh Tế Tp.HCM                  | Kinh tế                 |                   | HCM02737    |              | 55.00     | 53.75     | 57.50   |         | HCM01007 |
| 1023 | PHAM THỊ NGỌC   | PHÚC   |                      |       |      | 20   | 8     | 1988 | Bình Định                                                | Đại học ĐH Tài Chính - Marketing        | Quản trị kinh doanh     |                   | HCM02738    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM01008 |
| 1024 | PHẠM VĂN        | PHÚC   | 28                   | 10    | 1984 |      |       |      | Thành Phố Hồ Chí Minh                                    | Đại học Kinh Tế TP.HCM                  | Tài chính doanh nghiệp  |                   | HCM02739    |              | 82.50     | 45.00     | 70.00   |         | HCM01009 |
| 1025 | PHAN THANH      | PHÚC   | 4                    | 11    | 1994 |      |       |      | Đức Hòa, Mộ Đức, Quảng Ngãi                              | Đại học Quy Nhơn                        | Kế toán                 |                   | HCM02740    |              | 45.00     | 38.75     | 50.00   |         | HCM01010 |
| 1026 | HỒ THỊ KIM      | PHỤNG  |                      |       |      | 15   | 6     | 1992 | Phong An - Cát Trinh - Phù Cát - Bình Định               | Đại học Công Nghệ Thành Phố Hồ Chí Minh | Kế toán - Kiểm toán     |                   | HCM02749    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM01011 |
| 1027 | NGUYỄN THỊ      | PHỤNG  |                      |       |      | 30   | 6     | 1992 | Quảng Trị                                                | Đại học Kinh tế Đà Nẵng                 | Kế toán                 |                   | HCM02751    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM01012 |
| 1028 | NGUYỄN THỊ KIM  | PHỤNG  |                      |       |      | 4    | 4     | 1986 | Lạng Giang, Bắc giang                                    | Đại học Ngân Hàng TP.HCM                | Tài chính ngân hàng     |                   | HCM02752    |              | 37.50     | 56.25     | MT      |         | HCM01013 |
| 1029 | TRẦN KIM        | PHỤNG  |                      |       |      | 9    | 7     | 1990 | TP.HCM                                                   | Đại học Sài Gòn TP.HCM                  | Quản trị kinh doanh     |                   | HCM02755    |              | 75.00     | 68.75     | 70.00   |         | HCM01014 |
| 1030 | ĐOÀN HANH       | PHƯỚC  | 8                    | 10    | 1990 |      |       |      | ĐăkLăk                                                   | Đại học Sài Gòn                         | Kế toán doanh nghiệp    |                   | HCM02759    |              | 60.00     | 40.00     | 60.00   |         | HCM01015 |
| 1031 | NGUYỄN HỮU      | PHƯỚC  | 21                   | 12    | 1993 |      |       |      | Quảng Ngãi                                               | Đại học Tài chính - Marketing           | Tài chính ngân hàng     |                   | HCM02761    |              | 80.00     | 67.50     | 87.50   |         | HCM01016 |
| 1032 | NGUYỄN THỊ KIM  | PHƯỚC  |                      |       |      | 25   | 2     | 1991 | Đồng Nai                                                 | Đại học Kinh Tế TPHCM                   | Kế toán                 |                   | HCM02762    |              | 77.50     | 68.75     | 80.00   |         | HCM01017 |
| 1033 | VÕ NGỌC         | PHƯỚC  | 27                   | 12    | 1990 |      |       |      | Nghĩa Phú - Tư Nghĩa - Quảng Ngãi                        | Đại học Kinh Tế TP.HCM                  | Tài chính ngân hàng     |                   | HCM02764    |              | 90.00     | 66.25     | 87.50   |         | HCM01018 |
| 1034 | BÙI THỊ LAN     | PHƯƠNG |                      |       |      | 11   | 12    | 1983 | Xã Cam An - Huyện Cam Lộ - Tỉnh Quảng Trị                | Đại học Kinh Tế Tp. HCM                 | Kế toán                 |                   | HCM02766    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM01019 |
| 1035 | ĐINH THỊ THANH  | PHƯƠNG |                      |       |      | 17   | 5     | 1992 | Hải Hậu, Nam Định                                        | Đại học Công Nghệ Thành phố Hồ Chí Minh | Tài chính ngân hàng     |                   | HCM02770    |              | 47.50     | 37.50     | 57.50   |         | HCM01020 |
| 1036 | HOÀNG TRẦN MINH | PHƯƠNG | 8                    | 11    | 1985 |      |       |      | Nghệ An                                                  | Đại học Hồng Bàng                       | Quản trị kinh doanh     |                   | HCM02774    |              | 60.00     | 51.25     | 62.50   |         | HCM01021 |
| 1037 | LÊ NGUYỄN HOÀI  | PHƯƠNG | 13                   | 4     | 1986 |      |       |      | Bến Tre                                                  | Đại học Kinh Tế TP HCM                  | Tài chính doanh nghiệp  |                   | HCM02782    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM01022 |
| 1038 | LÝ MINH         | PHƯƠNG | 31                   | 3     | 1993 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                                    | Đại học Mở TPHCM                        | Tài chính ngân hàng     | DTTS              | HCM02790    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | HCM01023 |
| 1039 | MAI LỆ          | PHƯƠNG |                      |       |      | 31   | 12    | 1988 | Bình Thành - Tây Sơn - Bình Định                         | Đại học Kinh Tế Tp. HCM                 | Tài chính doanh nghiệp  |                   | HCM02792    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM01024 |
| 1040 | NGÔ QUỲNH       | PHƯƠNG |                      |       |      | 18   | 4     | 1991 | Thành phố Hà Nội                                         | Học viện Học Viện Tài Chính             | Tài chính quốc tế       |                   | HCM02795    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM01025 |
| 1041 | NGUYỄN LÊ MINH  | PHƯƠNG |                      |       |      | 5    | 6     | 1987 | Thái Bình                                                | Đại học Mở TP Hồ Chí Minh               | Kế toán                 |                   | HCM02798    |              | 92.50     | 72.50     | 75.00   |         | HCM01026 |
| 1042 | NGUYỄN MINH     | PHƯƠNG |                      |       |      | 20   | 3     | 1990 | Kiên Giang                                               | Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh              | Kế toán - Kiểm toán     |                   | HCM02799    |              | 65.00     | 43.75     | 72.50   |         | HCM01027 |
| 1043 | NGUYỄN THỊ      | PHƯƠNG |                      |       |      | 20   | 7     | 1987 | Hà Nam                                                   | Đại học Mở Tp.HCM                       | Kế toán                 |                   | HCM02804    |              | 62.50     | 55.00     | 60.00   |         | HCM01029 |
| 1044 | NGUYỄN THỊ      | PHƯƠNG |                      |       |      | 25   | 12    | 1983 | NAM ĐỊNH                                                 | Đại học MỞ TPHCM                        | Quản trị kinh doanh     |                   | HCM02803    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM01028 |
| 1045 | NGUYỄN THỊ HUẾ  | PHƯƠNG |                      |       |      | 4    | 3     | 1990 | Mỹ Tho -Tiền Giang                                       | Đại học Công Nghệ TPHCM                 | Kế toán                 |                   | HCM02808    |              | 62.50     | 61.25     | 60.00   |         | HCM01030 |
| 1046 | NGUYỄN THỊ LAN  | PHƯƠNG |                      |       |      | 9    | 10    | 1993 | Quảng Thọ, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế                    | Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh      | Luật Thương mại         |                   | HCM02809    |              | 82.50     | 66.25     | 80.00   |         | HCM01031 |
| 1047 | NGUYỄN THỊ MAI  | PHƯƠNG |                      |       |      | 24   | 12    | 1991 | Đồng Nai                                                 | Học viện Hàng Không Việt Nam            | Quản trị kinh doanh     |                   | HCM02812    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM01032 |
| 1048 | NGUYỄN THỊ MINH | PHƯƠNG |                      |       |      | 27   | 10    | 1981 | Thành phố Hồ Chí Minh                                    | Đại học Tài chính Marketing             | Kế toán                 |                   | HCM02814    |              | 50.00     | 41.25     | 42.50   |         | HCM01033 |
| 1049 | NGUYỄN THỊ TRÚC | PHƯƠNG |                      |       |      | 11   | 5     | 1985 | Xã Phổ Cường, Huyện Đức Phổ, Tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Ngãi | Đại học Đại Học Văn Hiến                | Kế toán doanh nghiệp    | Con TB            | HCM02818    | 20           | 50.00     | 31.25     | 60.00   |         | HCM01034 |
| 1050 | NGUYỄN TUẤN     | PHƯƠNG | 2                    | 12    | 1991 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                                    | Đại học Sài Gòn, TpHCM                  | Kế toán                 |                   | HCM02821    |              | 50.00     | 48.75     | 72.50   |         | HCM01035 |
| 1051 | NGUYỄN VŨ DIỆP  | PHƯƠNG |                      |       |      | 24   | 12    | 1994 | Thành phố Hồ Chí Minh                                    | Đại học Tài chính - Marketing           | Tài chính ngân hàng     |                   | HCM02822    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM01036 |
| 1052 | TRẦN LAN        | PHƯƠNG |                      |       |      | 31   | 10    | 1992 | Hà Nội                                                   | Đại học Mở Tp.HCM                       | Kinh tế                 | Con BB            | HCM02832    | 20           | 50.00     | 67.50     | 72.50   |         | HCM01037 |



| STT  | Họ                  | Tên    | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                                | Cơ sở đào tạo                              | Chuyên ngành đào tạo | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|------|---------------------|--------|----------------------|-------|------|------|-------|------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|      |                     |        | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                                         |                                            |                      |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|      |                     |        | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                                         |                                            |                      |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1    | 2                   | 3      | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                                      | 11                                         | 12                   | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 1053 | TRẦN NGỌC           | PHƯƠNG | 15                   | 12    | 1983 |      |       |      | Thành Phố Hồ Chí Minh                                   | Đại học Trà Vinh                           | Luật học             |                   | HCM02833    |              | VT        | VT        | MT      |         | HCM01038 |
| 1054 | TRẦN THỊ LAN        | PHƯƠNG |                      |       |      | 6    | 11    | 1986 | Nhị Mỹ-Cai Lậy-Tiền Giang                               | Đại học Kinh tế TP.HCM                     | Quản trị kinh doanh  |                   | HCM02837    |              | 77.50     | 53.75     | 70.00   |         | HCM01039 |
| 1055 | TRẦN THỊ MINH       | PHƯƠNG |                      |       |      | 12   | 11    | 1987 | Thủ Thừa, Long An                                       | Đại học Kinh tế TP.HCM                     | Kế toán              |                   | HCM02838    |              | 52.50     | MT        | 57.50   |         | HCM01040 |
| 1056 | TRẦN THỊ THANH      | PHƯƠNG |                      |       |      | 29   | 9     | 1991 | Lục Ngạn - Bắc Giang                                    | Đại học Kinh tế TP.HCM                     | Tài chính ngân hàng  |                   | HCM02842    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM01042 |
| 1057 | TRẦN THỊ THANH      | PHƯƠNG |                      |       |      | 26   | 8     | 1987 | Nam Định                                                | Đại học Kinh tế TP. HCM                    | Tài chính ngân hàng  |                   | HCM02841    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM01041 |
| 1058 | VÕ LÊ               | PHƯƠNG |                      |       |      | 10   | 1     | 1994 | Bến Tre                                                 | Đại học Công Nghiệp Tp.Hồ Chí Minh         | Quản trị kinh doanh  |                   | HCM02847    |              | 65.00     | 42.50     | 57.50   |         | HCM01043 |
| 1059 | VÕ THỊ              | PHƯƠNG |                      |       |      | 1    | 8     | 1985 | Thành phố Hồ Chí Minh                                   | Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh               | Luật Hành chính      |                   | HCM02848    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM01044 |
| 1060 | VÕ THỊ LAN          | PHƯƠNG |                      |       |      | 3    | 2     | 1986 | Khối phố 6, phường Nguyễn Du, TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh | Đại học CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI                 | Kế toán - Kiểm toán  |                   | HCM02849    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM01045 |
| 1061 | VŨ QUỲNH            | PHƯƠNG |                      |       |      | 16   | 1     | 1991 | Xã Đa Lộc - H. Hậu Lộc - Tỉnh Thanh Hóa                 | Đại học Trường Đại Học Vinh                | Tài chính ngân hàng  |                   | HCM02852    |              | 90.00     | 57.50     | 82.50   |         | HCM01046 |
| 1062 | VƯƠNG TRÚC          | PHƯƠNG |                      |       |      | 19   | 5     | 1994 | Kiên Giang                                              | Đại học Đại học Tài chính – Marketing      | Thương mại quốc tế   |                   | HCM02854    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM01047 |
| 1063 | BÙI THỊ NGỌC        | PHƯƠNG |                      |       |      | 4    | 1     | 1988 | Phú Yên                                                 | Đại học Kinh Tế Tp.Hồ Chí Minh             | Kế toán              |                   | HCM02855    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM01048 |
| 1064 | BÙI THỊ BÍCH        | PHƯƠNG |                      |       |      | 21   | 11    | 1990 | Quảng Ngãi                                              | Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP HCM            | Kế toán              |                   | HCM02856    |              | 80.00     | 66.25     | 75.00   |         | HCM01049 |
| 1065 | BÙI THỊ KIM         | PHƯƠNG |                      |       |      | 20   | 10    | 1990 | Đức Phổ, Quảng Ngãi                                     | Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh            | Kế toán              |                   | HCM02857    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM01050 |
| 1066 | ĐỖ THỊ KIM          | PHƯƠNG |                      |       |      | 21   | 10    | 1982 | Hoa Nam - Đông Hưng - Thái Bình                         | Đại học Ngân hàng Tp.HCM                   | Tài chính ngân hàng  |                   | HCM02858    |              | VT        | MT        | VT      |         | HCM01051 |
| 1067 | DOÃN THỊ MINH       | PHƯƠNG |                      |       |      | 24   | 11    | 1993 | Thái Bình                                               | Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh            | Kế toán doanh nghiệp |                   | HCM02859    |              | 97.50     | 70.00     | 80.00   |         | HCM01052 |
| 1068 | HỒ THỊ DIỄM         | PHƯƠNG |                      |       |      | 18   | 6     | 1995 | Hà Tĩnh                                                 | Đại học Kinh tế TP.HCM                     | Kế toán doanh nghiệp |                   | HCM02861    |              | 57.50     | 66.25     | 67.50   |         | HCM02116 |
| 1069 | HUỲNH THỊ THÚY      | PHƯƠNG |                      |       |      | 28   | 4     | 1974 | Thị xã Tân Châu - tỉnh An Giang                         | Đại học Kinh tế                            | Tài chính ngân hàng  |                   | HCM02862    |              | 37.50     | 32.50     | 55.00   |         | HCM01053 |
| 1070 | NGUYỄN THỊ KIM      | PHƯƠNG |                      |       |      | 27   | 1     | 1995 | Long An                                                 | Đại học Kinh tế TP.HCM                     | Tài chính công       |                   | HCM02879    |              | 80.00     | 63.75     | 77.50   |         | HCM02109 |
| 1071 | NGUYỄN THỊ KIM      | PHƯƠNG |                      |       |      | 6    | 9     | 1990 | Quảng Trị                                               | Đại học Ngân Hàng TP.HCM                   | Tài chính ngân hàng  |                   | HCM02876    |              | 75.00     | 51.25     | 65.00   |         | HCM01054 |
| 1072 | PHẠM THỊ            | PHƯƠNG |                      |       |      | 10   | 1     | 1993 | Tỉnh Quảng Nam                                          | Đại học Kinh tế Đà Nẵng                    | Tài chính ngân hàng  |                   | HCM02882    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM01055 |
| 1073 | TRẦN THỊ BẢO        | PHƯƠNG |                      |       |      | 26   | 7     | 1990 | Phú Yên                                                 | Đại học Tài Chính Marketing TP HCM         | Quản trị kinh doanh  |                   | HCM02890    |              | VT        | VT        | VT      |         | HCM01056 |
| 1074 | ĐẶNG HOÀNG          | QUÂN   | 8                    | 6     | 1988 |      |       |      | Thắng Lợi, Thường Tín, Hà Nội                           | Đại học Kinh Tế TP.HCM                     | Tài chính nhà nước   |                   | HCM02895    |              | 90.00     | 56.25     | 77.50   |         | HCM01057 |
| 1075 | ĐẶNG NGUYỄN HOÀNG   | QUÂN   | 29                   | 10    | 1989 |      |       |      | Thành phố Hồ Chí Minh                                   | Đại học Mở TP Hồ Chí Minh                  | Kế toán              |                   | HCM02896    |              | 97.50     | 68.75     | 87.50   |         | HCM01058 |
| 1076 | ĐỖ HỒNG             | QUÂN   | 19                   | 5     | 1991 |      |       |      | Nghệ An                                                 | Đại học Kinh Tế TP.HCM                     | Toán Tài Chính       | Con TB            | HCM02897    | 20           | 70.00     | 65.00     | 75.00   |         | HCM01059 |
| 1077 | HÀN DƯƠNG           | QUÂN   | 30                   | 12    | 1987 |      |       |      | Bình Dương                                              | Đại học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh             | Tài chính nhà nước   |                   | HCM02898    |              | 57.50     | 80.00     | 55.00   |         | HCM01060 |
| 1078 | HOÀNG MẠNH          | QUÂN   | 1                    | 11    | 1990 |      |       |      | Hà Nội                                                  | Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội     | Tài chính ngân hàng  |                   | HCM02899    |              | 62.50     | 55.00     | 72.50   |         | HCM01061 |
| 1079 | LÊ HỒNG             | QUÂN   | 9                    | 4     | 1994 |      |       |      | Nghệ AN                                                 | Đại học Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh | Luật học             |                   | HCM02901    |              | 50.00     | 63.75     | 67.50   |         | HCM01062 |
| 1080 | PHẠM MINH           | QUÂN   | 18                   | 7     | 1982 |      |       |      | Cà Mau                                                  | Đại học Văn Hiến                           | Quản trị kinh doanh  |                   | HCM02910    |              | 60.00     | 32.50     | 57.50   |         | HCM01063 |
| 1081 | TRẦN HỒNG           | QUÂN   | 26                   | 4     | 1988 |      |       |      | Sơn Trạch Huyện Bố trạch Tỉnh Quảng Bình                | Đại học Kinh tế Đà Nẵng                    | Tài chính ngân hàng  |                   | HCM02911    |              | 57.50     | 46.25     | 65.00   |         | HCM01064 |
| 1082 | ĐOÀN MINH           | QUANG  | 5                    | 8     | 1992 |      |       |      | Nam Định                                                | Đại học Ngân Hàng TP Hồ Chí Minh           | Tài chính ngân hàng  |                   | HCM02914    |              | 60.00     | 33.75     | 57.50   |         | HCM01065 |
| 1083 | HÀ HUY              | QUANG  | 24                   | 9     | 1981 |      |       |      | Vĩnh Long                                               | Đại học Luật Hà Nội                        | Luật học             |                   | HCM02915    |              | VT        | VT        | MT      |         | HCM01066 |
| 1084 | LÊ HỒNG             | QUANG  | 30                   | 3     | 1987 |      |       |      | Hải Phòng                                               | Đại học Lincoln University                 | Quản trị kinh doanh  |                   | HCM02917    |              | 52.50     | MT        | 47.50   |         | HCM01067 |
| 1085 | LÊ NGUYỄN ĐĂNG MINH | QUANG  | 13                   | 11    | 1991 |      |       |      | Tiền Giang                                              | Đại học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh             | Tài chính nhà nước   |                   | HCM02918    |              | 70.00     | 55.00     | 65.00   |         | HCM01068 |